

Trình bày

lịch văn hóa chính trị xã hội
ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

1

DÂN CHỦ THẬT, DÂN CHỦ GIẢ :
CÁCH MẠNG VÀ DÂN CHỦ, Lý Chính Trung
TỪ QUẢN CHU ĐẾN DÂN CHỦ... Phạm Cao Chương
DÂN CHỦ CHO DÂN HAY... ? Trần Tuấn Nhàn
DÂN CHỦ VÀ ĐỘC LẬP, Hồ Nguyên

VĂN HÓA KINH TẾ ? Thuận Giao
ĐẢNG BẢO ĐEN, Huey P. Newton
ĐÔNG ĐU KY, Nguyễn Sa

Thơ, truyện của Ngô Khư, Nguyễn Quốc Thái,
Nguyễn Sa, Ngụy Ngử



SỐ 1 - RA NGÀY 1 THÁNG TÂM 1970

TRÌNH BẦY	Con đường đi tới	1
	Dân chủ thật — Dân chủ giả	
LÝ CHÁNH TRUNG	Cách mạng và Dân chủ	8
PHẠM CAO DƯƠNG	Từ Quân chủ đến Dân chủ hay một cuộc từ bỏ thần thành- hoàng để thờ kẻ trộm	15
TRẦN TUẤN NHẠM	Dân chủ cho dân hay Dân chủ cho ai ?	22
THẾ NGUYỄN	Dân chủ và Độc lập	31
	Ghi nhận	
THUẬN GIAO	Việt hóa kinh tế ?	34
	Văn nghệ	
NGUYỄN SA	Đồng du ký	41
NGÔ KHA	Mùa xuân ánh lửa mặt trời	51
NGUYỄN QUỐC THÁI	Đà-lạt	53
NGUYỄN KHẮC NGŨ	Nghệ thuật Việt - nam : Tranh mộc-bản đầu thế-kỷ XX	56
NGUYỄN SA	Tu	58
NGUYỄN NGŨ	Giữa trời khuya khoắt	59
	Tài liệu	
HUEY P. NEWTON	Đảng Bảo Đen	67
	Nhật ký tập thể	
THI PHƯƠNG	Phát triển việc thông tin quốc ngoại	77
TÔN THẤT LẬP	Như năm châu kết chung bàn tay	78
	Điểm sách	
ĐẶNG ĐỨC KIM	Phong trào Duy tân của Nguyễn văn Xuân	79
N.T.H.	Sinh hoạt văn hóa	81

GIÁ BẢO DẠI HẠN

Giá mỗi số : 50\$

Sáu tháng : 550\$ — Một năm : 1.050\$

- . Cao nguyên và miền Trung, thêm cước phí máy bay 50\$ một năm
- Ngoại quốc, đường thủy, thêm cước phí 80\$ một năm.
- . Thư bảo đảm, bưu phiếu, xin đề tên : Bà **TẶNG HOÀNG XINH**.
- . Bưu chi phiếu xin gửi về trương mục số : **SAIGON T/M 48-78** của Bà **Tặng Hoàng Xinh**.

Trình bày

SỐ 1 — NGÀY 1 THÁNG TÁM 1970

Con đường đi tới

Một phần tư thế kỷ đã trôi qua trên cuộc Cách mạng mùa Thu. Và ngoại trừ một vài năm hiếm hoi ngay sau ngày ký kết hiệp định Genève, người Việt-nam đã phải chiến đấu không ngừng. Tuy vậy những hy sinh ròng rã suốt 25 năm trời ấy dường như vẫn chưa đủ để cho một dân tộc yêu chuộng hòa bình như dân tộc Việt-nam có thể buông súng xuống vui hưởng Tự do.

Bây giờ, vẫn còn những cụ già tóc bạc bị trói tay, bịt miệng, những em bé bất lực quần quai trên vũng máu, những thanh niên bị đánh đập dã man, những thiếu nữ bị hãm hại.

Bây giờ, vẫn còn những cảnh tra hỏi, bắt bớ ở mỗi nẻo đường, những tiếng hét rừng rợn của những nạn nhân trong những



TRÌNH BÀY



Tạp chí văn hóa chính trị xã hội — ra ngày 1 và 15 mỗi tháng.
Chủ nhiệm kiêm chủ bút : Thế Nguyên.

Tổng thư ký : Diễm Châu.

Biên tập : Lý Chánh Trung, Đỗ Long Vân, Phạm Cao Dương, Nguyễn Sa, Nguyễn Văn Trung, Thảo Trường, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Tuấn Nhâm, Diễm Châu, Ngô Kha, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Thế Nguyên, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Đông, Nguyễn Nguyên, Trần Đỗ Dũng, Hoàng Ngọc Nguyên.

Quản lý : Tăng Hoàng Xinh.

Tòa soạn : 291, Lý Thái Tổ — Saigon.

phòng tra tấn ; cả một miền đất nước biến thành một cái chuồng thú vĩ đại. Máu hòa nước mắt. Roi da và thép gai, thép gai, thép gai trùng trùng điệp điệp.

Bây giờ những người Việt-nam hèn mọn bị nhục-mạ, bị xúc phạm, bị tước đoạt hết mọi lẽ sống như vậy vẫn phải kéo dài một cuộc đời súc vật, không chút nhân phẩm, lang thang vất vưởng, như những người Do thái, ngay trên chính quê hương mình.

Trong lịch sử của dân tộc đã có bao giờ như bây giờ ? Bây giờ...

Cuộc chiến tranh tái phát tại miền Nam Việt-nam từ năm 1958 đã không còn giới hạn vào những miền thôn quê, rừng rậm xa cách đô thị và cũng không còn chỉ là một tai họa cho những người dân sinh sống ở miền này thế giới. Đám cháy đã lan rộng khắp hai miền Việt-nam và đe dọa toàn thể các quốc gia vùng Đông nam Á. Đau đớn thay, khi mức độ tàn bạo của cuộc chiến đã lên tới tột đỉnh và dường như không thể nào chịu đựng nổi nữa thì yêu cầu hòa bình tức khắc lại trở thành một điều cấm kỵ cực kỳ nguy hiểm. Và lạ lùng hơn, dựa vào những phương tiện quân sự hiện đại, người ta đã lấy làm kiêu hãnh khi đưa ra nhận xét là không còn một vùng nào ở Việt-nam có thể được coi như an toàn nữa.

Đóng góp cả sự sống lẫn sự chết cho cuộc chiến tranh kéo dài ấy vẫn là đông đảo những người dân hèn mọn. Ở đây và ở đó người ta bảo họ rằng họ là những người đi tiên phong trong một cuộc Thánh chiến (không thập tự), rằng họ là những người bảo vệ những giá trị thần thánh, bất-khả-nhượng của con người hoặc họ được biết rằng cuộc chiến đấu chống ngoại xâm vẫn tiếp tục và chính họ là những người đương giương cao ngọn cờ độc lập. Có điều, qua cuộc ngưng bắn tạm thời năm 1954, những người dân hèn mọn ấy đã có kinh nghiệm là đánh đuổi ngoại xâm rồi, hòa bình rồi vẫn chưa có nghĩa là tình trạng nô lệ đã chấm dứt, mọi người đã có tự do...

Và tất nhiên, những người đã dốc hết máu xương, tâm huyết vào công cuộc chiến đấu chống thực dân, đế quốc ngoại bang ấy không có lý gì để lại có thể « vui vẻ » chấp nhận những thế lực thực dân, độc tài bản xứ. Đối với họ, công cuộc giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của ngoại bang không thể nào tách rời công cuộc giải phóng chính con người họ. Và Cách mạng chỉ có ý nghĩa khi giải thoát họ khỏi mọi thế lực phi nhân bất cứ từ đâu tới.

Có lẽ những người lãnh đạo họ ở bên này hay ở bên kia cũng đã đồng ý như vậy. Nhưng ngay trong cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật, rồi thực dân Pháp, sự bất đồng ý kiến về những phương thức giải phóng con người Việt nam ấy đã trầm trọng tới độ khiến một số lãnh tụ phải rời bỏ nhiệm vụ cứu quốc chung.

Tới khi hòa nghị Genève đưa tới sự tạm thời chia cắt đất nước thành hai miền thì ở miền Bắc, người ta xây dựng xã hội chủ nghĩa và ở miền Nam, một số người đã tưởng là có thể dựa vào sự yểm trợ của Hoa kỳ để mưu cầu một lối sống riêng. Và trong lúc ở miền Bắc công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa đã gặp phải một số những sai lầm nghiêm trọng thì ở miền Nam những cơ cấu phong kiến lỗi thời vẫn không được thay thế và viện trợ Mỹ ngày càng tỏ ra là một cánh tay nối dài đáng ngại của thế lực và ảnh hưởng của Hoa thịnh đốn.

Người ta còn nhớ, khi khước từ cuộc tổng tuyển cử để thống nhất đất nước, chính quyền tại miền Nam Việt nam lúc đó đã nại lý do là không thể tin cậy được ở kết quả của những cuộc tuyển cử tại miền Bắc. Nhưng chính khi phê bình chế độ miền Bắc như vậy thì những người lãnh đạo ở miền Nam lúc đó đã mắc phải đúng những họ đã nhận định về miền Bắc. Và sự chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt nam đã khởi sự từ trước khi người lính tác chiến đầu tiên của Hoa kỳ đặt chân lên đất nước này. Bị cô lập với quần chúng vì chính sách độc tài của mình và ngày càng lệ thuộc vào viện trợ ngoại quốc, chính

quyền Ngô Đình Diệm đã không thể thực hiện được cuộc cách mạng giải phóng con người.

Tình hình chính trị và quân sự tại miền Nam Việt nam suy sụp, kéo theo sự can thiệp ồ ạt của bộ đội Hoa kỳ... Và lúc này, ý thức hệ mà các nhà cầm quyền miền Nam Việt nam sử dụng để đối địch với ý thức hệ của miền Bắc đã lu mờ dần trước sự hiện diện của bộ đội ngoại quốc.

« Phản ứng Mỹ » tại miền Nam Việt nam tất nhiên không thể không để ra những phản ứng giằng chuyễn tại các nước xã hội. Và ngay tại miền Nam Việt-nam, dù mang ý nghĩa nào đi nữa, sự hiện diện của một số quá đông đảo bộ đội Mỹ đã thực sự tác hại miền này ở hết mọi khía cạnh văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội... Công cuộc đấu tranh giải phóng tại Việt nam lại trở lại từ khởi điểm. Và đối tượng bây giờ là chủ nghĩa can thiệp vũ trang của những người Bắc Mỹ. Mức độ chiến tranh càng khốc liệt thì thế lực ngoại quốc chi phối tại Việt nam càng quan trọng. Sự can thiệp ở đây và ở đó tất nhiên phải thu hẹp chủ quyền đã rất tương đối của người Việt nam.

Và như vậy, việc gấp rút chấm dứt chiến tranh tại Việt-nam trước tiên sẽ tránh cho người Việt-nam khỏi rơi vào cảnh hoàn toàn lệ thuộc, và sau nữa sẽ là điều kiện tất yếu để cho người Việt-nam có thể xây dựng bất cứ một hình thức xã hội nào phù hợp với truyền thống và khát vọng của dân tộc.

Tuy nhiên, một nền hòa bình trong đó những kẻ bị áp bức không còn phương tiện để phản kháng và thay đổi số phận mình sẽ chỉ là một nền hòa bình của những năm mờ.

Người ta đã nói rất đúng là không thể có hòa bình vô-diều-kiện. Một nền hòa bình Việt-nam nhất định sẽ không thể chấp nhận bất cứ một sự hiện diện nào của các lực lượng nước ngoài và đồng thời cũng không thể chấp nhận bất cứ một cơ cấu, một định chế hay một thể lực nào

trong nước ngăn cản công cuộc giải phóng con người Việt-nam.

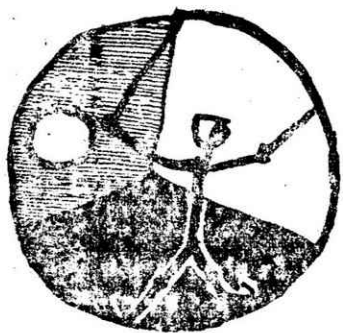
Người ta cũng đã đưa ra một đòi hỏi rất chí lý, là ở miền Nam Việt-nam, không ai có quyền trung lập cả. Thật vậy, ở miền Nam Việt-nam hay ở bất cứ nơi nào trên thế giới, không ai có quyền trung lập trước tội ác và chiến tranh.

Và như vậy, con đường đi tới là con đường mưu cầu một nền hòa bình, trong đó mỗi một người Việt-nam, không kỳ thị ý-thức-hệ, sẽ có một chỗ đứng xứng với phẩm giá con người trên quê hương mình.

Con đường đi tới là con đường giải phóng : giải phóng đất nước và giải phóng con người Việt-nam toàn diện.

TRÌNH BÀY





chủ đề :

DÂN CHỦ THẬT DÂN CHỦ GIẢ

Cách mạng và Dân chủ

LÝ CHÁNH TRUNG

Tháng 11 năm 1963, miền Nam VN đã lật một trang sử mới, còn trình nguyên, và sắp sửa viết lên những giòng thật đẹp, ít nữa là đẹp hơn trang sử vừa chấm dứt.

Trong cái khí thế bừng bừng của ngày « Cách mạng », hình như bất cứ cái gì cũng có thể làm được và như ước mơ, khát vọng đã bị dồn ép trong 9 năm dài, giờ đây sẽ có cơ thể hiện.

Một đầu những vụ xáo trộn liên miên là những trò hề bi đỗi sau ngày « Chính lý » đã làm cho thiên hạ hoang mang, tức giận hoặc ngao ngán, niềm tin tưởng vẫn còn. Nhiều người đã xem những sự rối ren đó hiểu kia như là những hiện tượng thông thường của một giai đoạn giao thời, chuẩn bị cho sự hình thành những lực lượng mới, có khả năng biến đổi thật sự bộ mặt xã hội, đáp ứng những đòi hỏi của nhân dân miền Nam.

Chính trong giai đoạn ấy, đã có nhiều cố gắng suy nghĩ về các vấn đề chánh trị xã hội trong nhiều nhóm trí thức trẻ.

Nói chung, có thể xếp những nhóm này thành hai khuynh hướng : một khuynh hướng muốn thành lập một chế độ « dân chủ tự do » theo kiểu Tây-phương và một khuynh hướng đòi thực hiện một cuộc « Cách mạng xã hội không cộng sản ». Khuynh hướng thứ nhất đặt ưu tiên cho nền tự do chánh trị, nghĩa là cho quyền tham gia sinh hoạt chánh trị của mọi công dân vì cho rằng tự do chánh trị là điều kiện của mọi thứ tự do khác ; khuynh hướng thứ hai đặt ưu tiên cho cuộc giải phóng những tầng lớp bị áp bức bóc lột trong phạm vi kinh tế xã hội, vì cho rằng sự giải phóng này là điều kiện của một tự do chân thực trong phạm vi chánh trị.

Lúc ấy có nhiều nhóm, nhưng tôi

chỉ còn nhớ có hai: nhóm «Lập Trường» ở Huế tiêu biểu cho khuynh hướng thứ nhất và nhóm «Hành Trình» — «Sống Đạo» ở Saigon tiêu biểu cho khuynh hướng thứ nhì. Và tôi chỉ nhớ được hai nhóm đó vì một lý do giản dị: tôi ở trong nhóm Hành Trình - Sống Đạo và có viết một số bài phê bình khá nặng lập trường của mấy anh em «Lập Trường».

Một trong những bài ấy là bài «Cách mạng và Dân chủ», đăng trên tạp chí *Hành Trình* tháng Chạp năm 1964.

Sau 6 năm, đọc lại, tôi thấy những ý tưởng căn bản của nó vẫn còn đúng nên, nhận dịp anh Thế Nguyên mời viết cho số ra mắt của tạp chí *Trình Bày*, mà cái chủ đề là vấn đề dân chủ, tôi xin chép nguyên văn lại đây để góp thêm ý kiến, luôn tiện có một vài cảm nghĩ về cái lập trường cách mạng của chúng tôi thời đó.

Nguyên văn bài báo như sau:

«Cách mạng không phải là dân chủ, mà chỉ là con đường đi đến dân chủ. Chúng ta phải làm cách mạng để thực hiện dân chủ, không thể «làm dân chủ» để thực hiện cách mạng. Cách mạng chỉ là phương tiện, cứu cánh là dân chủ.

Dân chủ thật, dân chủ giả

Dân chủ là trạng thái hoàn tất của cách mạng. Dân chủ dựa trên hai nền móng: bình đẳng và tự do. Chưa có bình đẳng, chưa có tự do, chưa có dân chủ. Cho rằng ông triệu phú và anh xích lô là «bình đẳng» (vì cả

hai đều có quyền bỏ một lá phiếu để cử người đại diện cho mình) tức là đánh lừa anh xích lô. Bởi lẽ người đại diện cho anh xích lô chắc chắn sẽ là bạn bè của ông triệu phú chứ không phải bạn bè của anh xích lô. Cho rằng ông chủ xưởng dệt và cô thợ dệt là «tự do» (vì không ai bắt cô thợ dệt phải làm công cho ông chủ xưởng cũng như không ai bắt ông chủ xưởng phải mướn cô thợ dệt) tức là đánh lừa cô thợ dệt. Bởi lẽ ông chủ có thể mướn hay không mướn cô thợ, chứ cô thợ không thể không làm cho ông chủ: không làm thì lấy gì mà sống!

Chưa có bình đẳng, chưa có tự do mà đòi dân chủ, thì cũng có thể có dân chủ... Dân chủ theo kiểu các xứ châu Mỹ La-tinh!

Cho nên phải phân biệt *lý tưởng dân chủ* với *chế độ dân chủ*. Chế độ dân chủ chỉ là một *thể thức cai trị* trong đó một số người, được xem là đại diện của dân, có quyền quyết định vận mạng của đất nước dân tộc. Lý tưởng dân chủ nhằm thực hiện một xã hội, một nhân loại trong đó mọi người được tự do, bình đẳng để có thể đối xử với nhau như anh em.

Thiết lập chế độ dân chủ chưa phải là thể hiện lý tưởng dân chủ. Cho rằng thành lập một Quốc-hội là đã có dân chủ tức là phản bội lý tưởng dân chủ, là lừa bịp, là gian trá.

Cách mạng nhằm thể hiện lý tưởng dân chủ

Cách mạng nhằm thực hiện bình

đăng và tự do, nghĩa là đặt nền móng cho dân chủ thực sự. Cách mạng là thay đổi và thay đổi tận gốc rễ.

Thay đổi tận gốc rễ là thiết lập một cơ cấu xã hội mới, biểu lộ một bậc thang giá trị mới. Chứ không phải chỉ là thiết lập một cơ cấu chính trị mới. Không có chế độ chính trị nào « mới » cả. Quân chủ và dân chủ đã có tự ngàn xưa. Cái mới là nền tảng của mối tương giao giữa người và người: một tương giao dựa trên đàn áp, bóc lột, một tương giao dựa trên bình đẳng tự do.

Nói như vậy còn trừu tượng xa xôi lắm. Phải nói rằng: cách mạng là làm sao cho chữ tiền không còn đi đôi với chữ quyền. Làm sao cho chữ tiền, từ đầu thang tuột xuống cuối thang, chữ lao động, từ cuối thang leo lên đầu thang. Đề cho người đại diện của anh xích lô là bạn bè của anh xích lô chứ không phải của ông triệu phú; đề cho anh xích lô và con ông triệu phú có thể ngồi chung một lớp học, và nếu con anh xích lô thông minh hơn thì sẽ được làm xếp con ông triệu phú. Đề cho anh xích lô, cô thợ dệt, bác nông phu có đủ điều kiện làm chủ thật sự đất nước này, nghĩa là quyết định vận mệnh của đất nước này thay vì ông chủ xưởng, ông chủ điền. Vì họ là đại đa số có ý thức, có khả năng phán đoán.

Khi nào người ta không còn thể dùng đồng tiền để mua chuộc, lừa gạt, đàn áp, bóc lột, khi nào mọi

người được làm tất cả những gì mình có thể làm, được hưởng tất cả những gì mình có quyền hưởng, chừng đó mới có bình đẳng tự do, chừng đó mọi người mới có thể nhìn thẳng vào mặt nhau một cái nhìn huynh đệ. Chừng đó mới có dân chủ.

Cách mạng là khủng bố

Cách mạng là thay đổi. Muốn thay đổi phải bắt buộc, bắt buộc ông chủ xưởng, ông triệu phú đã đành, mà bắt buộc luôn cả anh xích lô, cô thợ dệt.

Vì rằng bình thường con người không ưa thay đổi. Khi anh xích lô có đủ khách, cô thợ dệt có việc làm thì ít đòi hỏi thêm nữa, do đó cũng không cố gắng gì thêm nữa. Cách mạng, trước tiên là dạy cho anh xích lô, cô thợ dệt biết đòi hỏi; không những đòi hỏi một đời sống vật chất đầy đủ hơn, chắc chắn hơn mà còn đòi hỏi được sống như một công dân trọn vẹn, được quyết định thật sự vận mạng của đất nước này. Cách mạng sau đó, là bắt buộc anh xích lô, cô thợ dệt cố gắng tương xứng với đòi hỏi của họ, nghĩa là không những phải làm nhiều hơn, nhanh hơn, mà còn phải học hỏi để biết rộng hơn sâu hơn thế nào là đời sống của một quốc gia dân tộc.

Muốn được như vậy, mỗi người phải gò mình vào kỷ luật, mỗi người phải nghĩ đến quyền lợi chung. Mọi người phải làm nhiều, học nhiều và cố gắng, trong bước đầu của cách mạng, phải ăn ít hưởng ít. Không ai ưa thích việc này cả. Không ai ham bỏ ra 3 giờ nghỉ để

học tập, hội thảo, trau dồi nghề nghiệp, văn hóa, thay vì đi xi-nê, đánh tứ sắc hay tán dóc chung quanh chai ba xi-đế.

Vì vậy phải bắt buộc. Càng chậm tiến lại càng bắt buộc gắt gao. Vì cái chậm tiến trầm trọng nhất nằm trong ý thức về sứ mệnh làm người. Làm người rất mệt nhọc và rắc rối. Tốt hơn là làm ông triệu phú, làm anh xích lô. Cho nên cái bắt buộc đầu tiên của cách mạng là bắt buộc mọi người đảm nhận trọn vẹn thân phận và sứ mệnh làm người, không gian trá, không chạy trốn.

Bắt buộc là *khủng bố*. Không cần phải chém giết cầm tù, đánh đập, mới có *khủng bố*. Có *bắt buộc* dù dưới hình thức nào, là có *khủng bố*. Cách mạng và *khủng bố* là hai hiện tượng song đôi, bề mặt bề trái của một đồng tiền. Trong lịch sử không có cuộc cách mạng nào là « ôn hòa » cả. Không có cuộc cách mạng nào mà không tranh đấu cam go, mà không mồ hôi nước mắt. Không thể vừa nhây tuýt, vừa đánh tứ sắc, vừa nhậu ba xi-đế, vừa làm cách mạng, Cách mạng là *khủng bố* vì *con người chưa trưởng thành*, vì *con người chỉ trưởng thành trong cách mạng*.

Tuy nhiên, *khủng bố* sẽ giảm bớt tính cách cay nghiệt của nó nếu mọi người được giải thích rõ rệt về hướng đi của cách mạng, nếu mọi người ý thức rằng mỗi cố gắng của mình là viên gạch xây dựng một ngôi nhà ấm cúng hơn cho mình và con cái mình. Nếu chính những người lãnh đạo cách mạng biết hòa mình vào nổi cực nhọc chung của dân

tộc, biết đau khổ cái đau khổ chung của dân tộc. Nếu những người lãnh đạo cách mạng không chiếm đoạt cách mạng làm của riêng mình và từ đó, bắt cách mạng dừng lại ở *khủng bố*. Nếu lý tưởng dân chủ, ý nghĩa của cách mạng, luôn luôn hiện diện trước mặt mọi người như một chân trời mở rộng. Nếu cách mạng đồng hóa với đạo đức.

Lẽ dĩ nhiên, trong thế gian này, sẽ không bao giờ có dân chủ hoàn toàn, nghĩa là có bình đẳng tuyệt đối, tự do tuyệt đối. Không bao giờ tâm hồn anh, tâm hồn tôi có thể trong suốt như hai mảnh pha lê, dễ hợp nhất hoàn toàn trong tình yêu, trong sự thật. Những người hứa hẹn một địa đàng trong thế gian này là những kẻ nói láo. Cũng như những kẻ cho rằng con người tội lỗi không bao giờ xây dựng được một xã hội tốt đẹp hơn trong thế gian này. Toàn là nói láo tuốt.

Lý tưởng dân chủ là một chân trời, càng đi tới càng lùi xa. Nhưng không phải vì thế mà con người không đi tới. Cách mạng là một bước tiến. Tiến về phía chân trời. Và khi lý tưởng dân chủ được toàn thể nhân loại ý thức, thì lịch sử sẽ là cuộc cách mạng liên tục.

Phải lựa chọn : dân chủ hay cách mạng

Cách mạng là gò mình vào kỷ luật, là hy sinh ngày hôm nay để xây đắp ngày mai, là từ chối dân chủ giả để đặt nền tảng cho dân chủ thật.

Trong hiện trạng đất nước, phải lựa chọn: hoặc chúng ta đòi hỏi dân chủ, hoặc chúng ta đòi hỏi cách mạng. Sau ngày chính biến 1-11-63, các nhà cầm quyền với nhiều thiện chí, đã nghĩ rằng: sau 9 năm độc tài tự nhiên phải có «dân chủ», sau 9 năm gò bó tự nhiên phải có «tự do». Một năm nay, chúng ta đã dân chủ và tự do thế nào, chắc không cần phải nhắc lại.

Cho nên đòi hỏi dân chủ trong lúc này là đánh lạc mục tiêu tranh đấu của người dân. Người dân cần cách mạng để được có dân chủ. Người dân không cần dân chủ khi chưa có cách mạng.»

6 năm đã qua. Bây giờ, đọc lại cái giọng văn quyết liệt và ngầy thơ của thời xưa, nhớ lại những khuôn mặt anh em, tôi cảm thấy buồn ngủi, tiếc rẻ, như sau một giấc mộng đẹp.

Quả thật thời ấy chúng tôi đã tin. Tin rằng có thể thực hiện một cuộc Cách mạng xã hội «không cộng sản» tại miền Nam.

Tại sao cứ đề cho người Cộng sản chiếm độc quyền cách mạng, khi mà cách mạng là đòi hỏi căn bản của dân tộc? Nếu chúng ta, những người không cộng sản, nhìn nhận sự cần thiết của Cách mạng, nếu mặt khác chúng ta không thể chấp nhận những biện pháp gọi là «phi nhân» của người Cộng sản, thì chính chúng ta phải thực hiện một cuộc Cách mạng «nhân đạo» hơn họ. Đó là

con đường chánh nghĩa, đó cũng là đường lối «chống Cộng» duy nhất có hy vọng thành công. Lúc ấy chúng tôi đã tin rằng có một tiềm năng cách mạng rất lớn trong những thành phần không cộng sản và còn lành mạnh tại miền Nam, đặc biệt những thành phần nghèo và những thành phần trẻ, và chỉ cần một cơ hội thuận tiện là tiềm năng ấy sẽ biến thành một động năng đủ mạnh để lật đổ những cơ cấu mục nát của xã hội này, sáng tạo những cơ cấu mới.

Xa hơn nữa, riêng tôi còn nghĩ rằng: chỉ khi nào những người không cộng sản thực hiện được cuộc Cách mạng xã hội, khi đó mới tái lập được thể quân bình chánh trị với người Cộng sản và đó là chìa khóa mở cửa cho một nền hòa bình chọn chánh lâu dài giữa người Việt với người Việt, điều kiện của sự độc lập của 2 miền đối với ngoại bang và chặng đường cần thiết để tiến tới sự thống nhất đất nước trong thanh bình (1).

6 năm đã qua. Những người gọi là «trí thức trẻ» giờ đây đã bước qua hạng «sồn sồn». Nhóm Lập Trường đã tan rã, Hành Trình — Sống Đạo cũng không còn, còn chẳng là một số anh em thân thiết lâu lâu gặp nhau bàn chuyện thời cuộc vãn vơ. Những thanh niên sinh viên tranh đấu xuống đường

(1) Xem bài «Cách mạng để tiến tới Hòa bình» *Hành Trình* số 6, tháng 6 - 1965. In lại trong «Ba năm xáo trộn», Nam Sơn, Saigon 1967.

thời đó nay chắc đã « vào đời » (nếu đã không vào tù hoặc đi đâu biệt tăm biệt tích) và nếu không may mắn được bầu làm Dân biểu, Nghị sĩ, chắc ngày ngày phải chạy gạo chạy cơm theo cái đà « quân công thăng tiến ». Xã hội này rõ ràng hơn, thú vị hơn, hầu như đang phá sản toàn diện. Nhưng vẫn không có Cách mạng và Hòa bình chỉ là một giấc mơ.

Đối chiếu những đòi hỏi năm xưa với những gì đã xảy ra thật sự tại miền Nam, phải nhận rằng đòi hỏi của mấy anh em Lập Trường có vẻ « thực tế » hơn. Miền Nam đã không thêm làm Cách mạng mà trái lại đã làm dân chủ rất hăng. Ngày nay chúng ta đang sống trong nền dân chủ pháp trị của chế độ Đệ nhị Cộng hòa, với một Hiến pháp được catung là tiến bộ nhất thế giới, với đầy đủ các cơ quan Hành pháp, Lập pháp, Tư pháp và đủ thứ Hội đồng, từ Hội đồng xã tới Hội đồng Văn hóa Giáo dục và Kinh tế Xã hội. Người dân miền Nam ngày nay có nhiều người đại diện cho mình hơn bất cứ người dân nào trên thế giới. Các CỤ Locke, Montesquieu mà có sống lại, chắc sẽ xin làm công dân của Việt nam Cộng hòa để hưởng được trong thực tế những gì mà các cụ đã mơ ước trên lý thuyết !

Thế nhưng tôi vẫn nghĩ — và chắc nhiều người sẽ đồng ý — rằng cái ý tưởng căn bản của bài « Cách mạng và Dân chủ » vẫn đúng : Không có cách mạng, chế độ dân chủ chỉ là một trò lừa bịp. Cái trò đó đã diễn ra như thế nào từ 3 năm nay, chắc

không cần phải chứng minh.

Đòi hỏi cách mạng của nhóm Hành Trình là đúng, nhưng lại không thực tế vì nó dựa trên cái ảo tưởng vĩ đại là những người không Cộng sản có thể làm một cuộc cách mạng tại miền Nam.

Thật ra, một cuộc Cách mạng không cộng sản không phải là một huyền thoại, vì nó đã được thực hiện hoặc đang có hy vọng thực hiện tại vài nơi trên thế giới. Và trong tương lai, chắc chắn sẽ có nhiều cuộc cách mạng không cộng sản, vì một đảng, cách mạng vẫn là nhu cầu bức thiết của các nước chậm tiến và đảng khác, với sự trường tồn mạnh mẽ của ý thức dân tộc, với sự đồ vỡ của thể giới cộng sản và sự suy đồi của ý thức hệ mao-xít, sẽ có nhiều dân tộc muốn có một đường lối cách mạng độc lập, có tính chất dân tộc và không gắn liền với chủ nghĩa cộng sản hoặc một nước cộng sản đàn anh.

Nhưng tại miền Nam V.N., cuộc Cách mạng không cộng sản chỉ là một huyền thoại vì một lý do thật giản dị : sự hiện diện không lồ của người Mỹ.

Không ai có thể « làm cách mạng » dưới sự bảo hộ của Mỹ, với hằng tỷ đô la viện trợ Mỹ, với những cố vấn Mỹ từ thượng tầng tới hạ tầng, với nửa triệu binh lính Mỹ đặt căn cứ tùm lum trên khắp nước. Nhưng thời đó, chúng tôi cũng như rất đông những người khác, chưa thấy điều ấy.

Riêng tôi đã ngây thơ cho đến nỗi vào tháng 7 năm 1965, khi tiếp xúc với một phái đoàn trí thức Mỹ sang nghiên cứu tình hình V.N. và khi được hỏi: «Người V.N. muốn Hoa-kỳ giúp đỡ những gì?», thì tôi đã trả lời không chút do dự: «Hãy giúp chúng tôi làm cách mạng.»! Không phải chỉ có mình tôi ngây thơ, mà nhiều người có thiện chí khác cũng đã ngây thơ như vậy.

Điều thật buồn cười là lời yêu cầu ngây thơ đó đã được người Mỹ đáp lại ngay trong năm sau: vào cái thời vàng son của cái «Chánh phủ của dân nghèo», ông Tổng thống Hoa kỳ đã long trọng cam kết tại Honolulu rằng sẽ «giúp miền Nam hoàn thành cuộc Cách mạng xã hội!» Cuộc «Cách mạng» ấy như thế nào, chắc không cần phải nhắc lại.

Mỹ và Cách mạng như nước với lửa, như mặt trăng với mặt trời. Nơi nào có Mỹ, nơi đó không có Cách mạng và ngược lại, nơi nào có Cách mạng, nơi đó không còn Mỹ. Bởi vì những quyền lợi của nền tư bản Mỹ, sự phát triển điều hòa của nền thịnh vượng Mỹ cũng như quan niệm của Mỹ về sự thăng bằng lực lượng trên thế giới, không cho phép một cuộc Cách mạng nào, đầu là cách mạng không Cộng sản, tại những nước nằm trong phạm vi ảnh hưởng của Mỹ hoặc được xem như cần thiết cho Mỹ về mặt kinh tế, quân sự hay chánh trị (1). Ngược lại, một nước làm Cách mạng, đầu là Cách mạng không cộng sản, sẽ không bao giờ chấp nhận được sự chi phối của

Mỹ, bởi vì sự chi phối này, tự bản chất, là mâu thuẫn với những đòi hỏi của Cách mạng.

Muốn có một cuộc Cách mạng, đầu là không cộng sản, phải dứt khoát với Mỹ. Đó là một sự thật tầm thường mà chúng tôi đã không nhìn thấy trong những năm 1964-66. Cho nên có thể gọi những năm ấy là «những năm ảo tưởng».

Thật ra, đó không phải chỉ là ảo tưởng của chúng tôi, mà là của tất cả những người không cộng sản: tưởng rằng mình còn có thể tự mình làm được một cái gì trong cái vòng tay lông lá của người Mỹ!

Làm sao thoát khỏi cái vòng tay lông lá đó mà không rơi vào vòng tay của người cộng sản, đó là một bài toán kinh khủng đặt ra cho những người yêu cách mạng, yêu dân tộc, yêu hòa bình, nhưng không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản.

Hiện nay, nhiều người có thiện chí đang cố gắng tìm một đáp số cho bài toán ấy. Riêng tôi vẫn tin rằng phải có một đáp số. Và sự thực hiện hòa bình sẽ tùy thuộc một phần lớn vào đáp số ấy.

Niềm tin ấy có lại là một giấc mơ đẹp như niềm tin năm 1964 hay không, tương lai sẽ trả lời.

Dầu thế nào đi nữa, đó vẫn là một niềm tin đủ để sống — và để chết.

17-7-70

LÝ CHÁNH TRUNG

(1) Xem Claude Julien: «L'Empire américain», Paris, Grasset 1968.

Lý Chánh Trung: «Tìm hiểu nước Mỹ», Saigon, Nguyễn Du 1969.

Từ Quân chủ đến Dân chủ hay một cuộc từ bỏ thân thành hoàng để thờ kẻ trộm

PHẠM CAO DƯƠNG

Tám trăm kịch hiện đang diễn ra ở hầu hết các nước gọi là nhược tiểu trên thế giới, đặc biệt là ở các nước văn minh Á Đông có thể nói phần lớn bắt nguồn từ thái độ từ bỏ những sở hữu cổ truyền của mình để theo đòi bắt chước Tây-phương một cách mù quáng, máy móc. Bị các nước văn minh kỹ nghệ Tây-phương đánh bại rồi bị đô hộ dưới hình thức này hay dưới hình thức khác, các dân tộc ở đây đã đâm ra sùng kính văn minh cơ khí của Tây-phương, mất hết tin tưởng và từ đó coi rẻ những di sản cổ truyền của dân tộc mình, trút hết tất cả những lầm lỗi làm cho bị thất bại nhục nhã, bị mất nước cho những nền văn minh cổ ấy. Những phong trào bài cổ, canh tân thi nhau xuất hiện, coi chuyện bỏ cũ theo mới, coi việc học tập kỹ

thuật của Tây-phương, khoa học của Tây-phương như là con đường duy nhất có thể làm cho đất nước trở nên phú cường, dân tộc trở nên hùng mạnh để tự giải phóng được. Một thái độ có thể nói là đương nhiên và rất dễ hiểu của khoảng thời gian trên nửa thế kỷ trước đây. Thái độ của những con người bất ngờ bị kẻ địch đập mạnh vào đầu làm cho choáng váng mất hết mọi bình tĩnh sáng suốt, chỉ còn biết làm theo phản ứng tự nhiên là cũng bắt chước kẻ địch vác gậy đập lại. Nhưng trên nửa thế kỷ theo Tây-phương đã qua hầu như tất cả đều vẫn còn lúng túng không sao tự vươn lên được kể cả sau hàng chục năm độc lập. Không những thế, sự học đòi Tây phương một cách máy móc, đôi khi ngu xuẩn lại còn tạo cho các nước Tây phương,

đã bị mất quyền thống trị, những điều kiện mới đề tiếp tục khống chế các thuộc địa cũ. Rõ rệt hơn hết là nạn học đòi dân chủ.

Tranh thủ dân chủ và kèm theo nó là tự do từ cuối thế kỷ mười chín hay đầu thế kỷ hai mươi đã luôn luôn được người ta gắn liền với các cuộc tranh đấu giành độc lập và canh tân xứ sở. Ở Trung-hoa, ở Việt-nam cũng như ở nhiều nước Á-châu hay Phi-châu khác, sự kiện này đã luôn luôn diễn ra y hệt. Trong những năm gần đây nó lại trở thành mạnh mẽ hơn bao giờ hết và dân chủ đã trở thành cứu cánh, làm lu mờ tất cả các mục tiêu chánh yếu của các cuộc đấu tranh của các dân tộc kể cả đấu tranh giành quyền sống và hạnh phúc. Người ta cổ vũ, đề cao chiêu bài dân chủ, cứ làm như có dân chủ là có tất cả. Nhưng sự thực đã diễn ra trái hẳn lại. Dân chủ đã đưa tới hỗn loạn, tới độc tài dưới hình thức này hay dưới hình thức khác và đã giúp cho các thế lực ngoại lai những những cơ hội lung đoạn trầm trọng.

Chế độ dân chủ hiện đang thịnh hành trên thế giới, ai cũng biết là sản phẩm của Tây-phương, đặc biệt là Tây-phương thời Cách mạng. Nó chỉ mới được áp dụng một cách triệt để từ non hai thế kỷ nay và càng ngày càng tỏ ra có nhiều khuyết điểm trầm trọng ngay cả ở các nước đi tiên phong như Hoa-kỳ và Pháp chẳng hạn. Tại các nước này mặc dầu các hoàn cảnh làm nảy sinh, mặc dầu trình độ dân chúng mỗi ngày mỗi cao nhưng dân chủ hoặc đã đi dần tới

hỗn loạn trầm trọng hay đã trở thành độc tài trá hình của giới tư bản tài phiệt. Thành thử gỡ mình ra khỏi ách thống trị của giới quân chủ, phong kiến người ta lại tự khoác lên người một cái ách mới nặng nề gấp bội và kiên cố gấp bội, khó có thể cởi bỏ được. Những gì lý tưởng của nền dân chủ Hy-lạp thời xưa đã trở thành ảo tưởng. Lý do rất giản dị. Người Hy-lạp xưa sống trong những đô thị (Polis) nhỏ hẹp, dân số không đến nổi quá đông, không vượt quá con số 10.000 người, nói như các nhà hiền triết của thế kỷ thứ tư trước Thiên Chúa (người ta không thể lập một đô thị với 10 người dân nhưng cũng không thể lập một đô thị với 100.000 dân theo Aristote và con số dân lý tưởng cho một đô thị theo Platon là 5040 người). Những dân số nhỏ bé này đã cho phép người Hy-lạp thực hiện được một nền dân chủ thực sự vì trước hết là nó trực tiếp qua các nhân dân đại hội mà mọi công dân đều có quyền đích thân tham dự và vì nó giúp cho mọi người biết rõ nhau không những về cá nhân mà cả về giòng giống và liên hệ. Sự biết rõ này rất cần thiết cho việc bầu các hội đồng thường trực, các nhà hành pháp hay chiến lược... Ở các nước dân chủ hiện đại, vì dân số quá lớn, từ dăm ba triệu đến cả trăm triệu người, chế độ dân chủ trực tiếp không thể nào thực hiện được và người ta đã phải áp dụng hình thức gián tiếp của nó. Người dân ở đây tuy vẫn giữ được

quyền tham gia việc nước của mình dưới hình thức lựa chọn các người đại diện, nhưng đúng như dân chúng Pháp hồi Cách mạng cuối thế kỷ mười tám đã lo ngại, con số dân quá lớn có thể làm cho chế độ dân chủ trở thành bất khả áp dụng hay lệch lạc. Có nhiều lý do :

Thứ nhất : Đi bầu là phải lựa chọn. Làm sao lựa chọn người mình bầu cho đúng. Nhưng hoàn cảnh của các nước dân chủ hiện tại khó cho phép các cử tri lựa chọn đúng được vì lãnh thổ quá rộng lớn, vì dân số quá đông đảo, vì cuộc sống quá phức tạp và vội vã. Cử tri trong nhiều trường hợp đã không sao nhận rõ được chân tướng của ứng cử viên hay đôi khi đã chẳng thêm biết tới ứng cử viên là ai và đã bỏ đại cho xong chuyện. Hậu quả đã xảy ra ở nước ta là các ứng cử viên sau mỗi kỳ bầu cử đã thường khiếu nại là sao không đề phiếu của mỗi người lên trên sắp phiếu trao cho cử tri một lần cho đều mà cứ đề ông A, ông B lên trên hoài.... Ngoài ra ta cũng phải kể tới nghệ thuật quảng cáo ngày nay đã tô son điểm phấn cho các ứng cử viên một cách kỳ diệu và làm cho cử tri bị hoa mắt không còn sáng suốt được nữa. Nhiều ứng cử viên đã trúng cử một phần là nhờ có cảm tình không liên hệ gì tới chính trị của một số người nào đó như phụ nữ, chẳng hạn trường hợp của Tổng-thống Hoa-kỳ Kennedy !

Thứ hai : Người dân ở các nước dân chủ tuy có quyền đi

bầu để thể hiện sự tham gia việc nước của mình nhưng một số không nhỏ đã thờ ơ với việc làm đó. Họ đã đi bầu cho xong chuyện vì sợ chính quyền có thể làm khó dễ khi xét thể cử tri hoặc đi bầu vì thấy người khác đi bầu. Một số khác đã bỏ nằm nhà luôn hoặc đi du hí vì họ cho rằng đó là quyền của họ, muốn đi thì đi, không đi thì thôi, không ai có quyền bắt ép họ. Họ không đi bầu vì họ không tin ở hành động đi bầu của mình, vì họ định ninh rằng họ có đi bầu cũng thế mà thôi, kết quả đã được sắp đặt sẵn, vì họ cho rằng việc nước là một cái gì quá lớn, quá xa với họ, vì họ thấy trong số các ứng cử viên chẳng ai ra gì....

Thứ ba : Đối với các ứng cử viên, ứng cử trong một quốc gia rộng lớn đông dân đòi hỏi họ phải cố động mạnh mẽ, phải có đại diện, có bè cánh, đàn em ở khắp nơi. Công việc này muốn làm được phải có nhân lực riêng của đảng phái hay tiền bạc.

Thứ tư : là nạn gian lận.

Rút cục dân chủ đã mở đường cho giới tư bản tài phiệt lũng đoạn ngay từ bước đầu của cuộc vận động ứng cử và sửa soạn bầu cử. Các thể lực ngoại lai tất nhiên đã không bỏ lỡ cơ hội để ăn có. Đó là ta mới nói tới những cuộc bầu cử đứng đắn, không gian lận. Ở ngay những nước tiến tiến như nước Mỹ chẳng hạn, các cuộc bầu cử cũng mỗi ngày mỗi bị giới tài phiệt lũng đoạn nặng nề, thậm chí có những nhà chuyên môn lo việc cổ động cho các ứng cử viên đã nói thẳng (tất nhiên là hơi quá)

rằng cứ cho họ phương tiện tiền bạc đầy đủ họ có thể vận động luôn cả cho Kút-xếp được làm Tổng Thống Hoa-kỳ. Trường hợp các nước nhược tiểu lại còn bị đất gập bội vì nạn ấu trĩ của dân chúng, vì nạn tham quyền cố vị của các nhà cầm quyền, vì sự lũng đoạn của các thế lực ngoại lai. Ở các nước này người ta luôn luôn có thể đoán trước được kết quả của cuộc bầu cử và kết quả ở các đô thị thường luôn luôn trái ngược với kết quả ở các thôn quê. Ngoài ra các thế lực ngoại lai sau mỗi cuộc đảo chính thường thúc đẩy tổ chức bầu cử để hợp thức hóa đám gà nòi của mình rồi sau đó gặp phải sự chống đối, lại diễn lại tấn tuồng cũ.

Giai đoạn tiếp theo là giai đoạn sinh hoạt dân chủ với những cơ cấu đã được dân chúng thiết lập bằng lá phiếu như các cơ quan hành pháp và lập pháp. Giai đoạn này trên thực tế cũng chưa hẳn đã là tốt đẹp dù cho là cuộc bầu cử được thực hiện tốt đẹp mấy đi chăng nữa. Các đại diện dân trong mọi trường hợp vẫn có thể bị mua chuộc để nằm nhà khi có biểu quyết hay bán buôn lá phiếu, hay những hành động mị dân bừa bãi để lo cho kỳ ứng cử tới. Trật tự, kỷ cương của xã hội đã từ đó bị đảo lộn trầm trọng. Người ta bôi bẩn nhau, chửi bới nhau và làm cho các chức vị trong cả hành pháp lẫn lập pháp trở thành những trò hề trước mắt dân chúng, uy quyền quốc gia bị coi rẻ và bị chà đạp đến độ thảm hại. Ngoài ra một

số không nhỏ khác đã tỏ ra thiếu hẳn khả năng, tư cách cần thiết để hoàn thành trách vụ mà nhân dân trao phó, một phần là vì thiếu sửa soạn lâu dài. Phải nói rằng trong những nước mới học đòi dân chủ không thiếu có những kẻ một năm trước đó không hề nghĩ rằng mình có thể ra ứng cử, rồi trúng cử và có được địa vị mà họ giành được. Thành thử họ đã tỏ ra bỡ ngỡ, vụng về và phạm phải những lỗi lầm ngớ ngẩn không thể có được ở một nhà lãnh đạo hay của một đại diện dân trong các nghị trường. Đến khi họ đã làm quen được với vai trò của họ, đã già dặn được đôi chút thì lại phải ra đi nhường chỗ cho người khác. Tất cả là vì các nước này chưa có được một thời gian cần thiết để tạo được các truyền thống của sinh hoạt dân chủ như ở các nước tiền tiến của chế độ này nhưng đồng thời cũng vì sự hiện diện của quá nhiều các ảnh hưởng phá hoại. Ngoài ra chính các nhà đại diện dân, vì chưa nhuần thấm được tinh thần dân chủ một cách đầy đủ, khi nắm được quyền hành, đạt được địa vị, đã trở nên say mê quyền hành, sống chết với địa vị và từ đó đã tìm đủ cách để giữ quyền hành, củng cố địa vị lâu chừng nào tốt chừng đó. Nạn bê phái, gian lận, độc tài từ đó đã phát sinh. Làm Quốc trưởng, Tổng thống với tất cả mọi quyền hành trong tay, ra đường là được tiền hô hậu ủng, họ sẽ không thể nào chấp nhận được một sự chấm dứt những quyền hành, những nghi vệ lớn lao độ và cuộc sống của

một công dân bình thường trước kia. Ảnh hưởng của gia đình, vợ con cũng không phải là không quan trọng. Cố gắng tìm cách ở lại không được, họ sẽ tìm cách xuất ngoại sống một đời lưu vong giữa những người không biết gì mấy về cái quá khứ vàng son, hét ra lửa mưa ra khói của họ trước kia và để có thể sống lưu vong như vậy, ngay trong thời gian cầm quyền họ phải lạm dụng, tham nhũng, tạo tài sản, chuyển ngân ra ngoại quốc, tậu nhà ở ngoại quốc để phòng hờ. Một việc làm phải nói là rất người, khó có thể trách cứ được.

Trở lại với chế độ quân chủ cổ truyền của các nước Á-đông, người ta phải nói rằng chế độ này có cả một lý thuyết đề tồn tại và đã tồn tại được cả vài chục thế kỷ ở Trung-hoa và ngót mười thế kỷ ở Việt-nam. Thiên tử là con Trời, theo mệnh Trời trị dân nhưng không phải là muốn cai trị thế nào thì cai trị. Trái lại vua được quan niệm là người có đức lớn, được Trời trao cho trọng trách trị nước an dân, đem lại cơm no áo ấm, thái bình thịnh trị cho dân cho nước, nói cách khác là đem lại hạnh phúc cho dân, thịnh vượng cho nước. Vì lẽ đó trong các sắc chiếu vua ban, người ta thường thấy mở đầu bằng câu « Thừa Thiên hưng vận, Hoàng Đế sắc chiếu » có nghĩa là Tuân theo mệnh Trời để làm cho vận nước được hùng thịnh, Hoàng Đế xuống chiếu và trong cách lựa chọn niên hiệu, các vua luôn luôn bày tỏ ý chí làm tròn cái sứ

mạng thiêng liêng ấy. Chẳng hạn như, Thiên Đức, Thiên Phúc, Minh Đạo, Thuận Thiên, Thiên Thuận, Hồng Đức, Minh Mạng... Các niên hiệu này thường được các vua thay đổi, mỗi khi đất nước gặp cảnh tai biến nhằm bày tỏ ý chí phục thiện, chịu sửa sai của mình. Chẳng hạn như vua Lý Thái Tông đã thay đổi niên hiệu tới sáu lần, Lý Thánh Tông năm lần, Lý Nhân Tông tám lần và ngay cả Lê Thánh Tông một vị vua lớn, cũng đã một lần thay đổi niên hiệu từ Quang Thuận sang Hồng Đức. Tất cả đã hoàn toàn trái ngược với lối thay trời trị dân và hoàn toàn không có trách nhiệm gì với dân chúng của các vua Tây-phương.

Làm vua với sứ mạng lớn lao do trời giao phó, các vua ta thời xưa luôn luôn coi trọng sứ mạng của mình. Điển hình là trường hợp của Thiệu Trị. Nhà vua đã làm bốn bài châm là Kính Thiên (kính trời), Pháp Tò (bắt chước tổ tiên), Cần Chánh (siêng năng chánh sự) và Ái Dân (thương yêu dân chúng) rồi cho đòi các đại thần vào chầu, cho Lâm duy Tiếp đọc bốn bài châm này và nói rằng « Đó là bốn việc rất lớn về đạo làm vua. Ta từ mai tới xế và tới nửa đêm, siêng năng, lo sợ cũng chỉ có bốn việc ấy thôi ». Quân chủ như vậy không phải bắt nguồn từ sự khống chế được dân chúng của một kẻ mạnh và bằng võ lực mà cũng từ một sự lựa chọn. Sự lựa chọn không phải của dân chúng (có thể u mê, thiếu sáng suốt,

đứng đắn) mà là của Trời, của đấng Thiêng-liêng đã tạo sinh ra vạn vật trong đó có dân chúng và lựa chọn với điều kiện, với sứ mạng hân hoi. Một cá nhân được lựa chọn làm vua, làm Hoàng-đế phải là bậc có đức hợp với Trời (Đức hợp thiên giả xưng Đế — Bạch Hồ Thông), là bậc thông suốt được thiên hạ (Đế giả thiên hạ sở thông — Lã thị Xuân Thu), là người có đức ngang với Trời Đất (Đức tượng Thiên Địa viết Đế — Sử ký chính-nghĩa)... Tất cả như vậy là đã được chọn lựa và chỉ định một cách vĩnh viễn bởi đấng Tối Cao, được mọi người tôn sùng nể trọng. Kẻ làm vua từ đó chỉ làm sao hoàn thành được sứ mạng an dân, trị nước, khỏi phải lo bảo vệ, duy trì địa vị cho mình và cho gia đình, con cháu. Sự củng cố địa vị bằng cách mị dân, cấu kết bè cánh, lạm dụng chức vụ, tham nhũng... hoàn toàn không cần thiết. Nhà vua chỉ cần có một tầng lớp quan lại có nhiệt tâm và có khả năng cùng nhau chăm lo chánh sự mà thôi. Tầng lớp quan lại này cũng được quan niệm là dân chi phụ mẫu là cha mẹ của dân hiền theo đúng nghĩa của thành ngữ. Phải thương yêu dân (ái dân) như con đẻ của mình. Tất cả, cả vua lẫn quan đều được đào tạo, được sửa soạn kỹ càng cho các nhiệm vụ của mình, Tuy nhiên một thể chế tự trị của xã thôn cũng đã được công nhận nhằm bảo vệ cái gốc của quốc gia là dân chúng. Hai chế độ quân chủ và dân chủ do đó đã đồng thời tồn

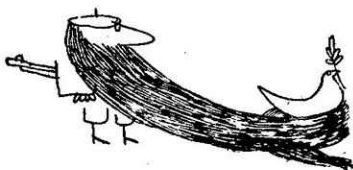
tại mà không hề chống đối mâu thuẫn với nhau. So với các nước Tây-phương, người ta phải nói rằng dân ta đã tiến bộ hơn nhiều trong việc đi tìm một thể chế chánh trị thích hợp. Người Hy-lạp tuy đã tạo được một chế độ dân chủ lý tưởng nhưng chế độ này đã bị giới hạn trong các đô thị nhỏ và riêng rẽ của họ, khiến cho trong thời cổ một nước Hy-lạp thống nhất đã không sao thành hình và tồn tại được. Người ta chỉ có những đô thị Hy-lạp sống kề cận nhau, tranh giành giành tị lẫn nhau mà thôi. Sau này các nước Âu-châu tuy có tạo được những chế độ quân chủ thống nhất nhưng đã lại đi tới thái cực của áp bức, bóc lột vô nhân đạo, vô lý thuyết khiến cho Cánh-mạng phải bùng nổ và tiếp theo là chế độ dân chủ được xây dựng. Nhưng chế độ dân chủ này mỗi ngày mỗi chứng tỏ rằng nó không phải là hoàn toàn tốt đẹp như người ta tưởng. Khủng hoảng đã liên miên diễn ra ở ngay tại các nước đi tiên phong như người ta đã thấy. Nhiều sự sửa đổi tuy đã được thực hiện nhưng cho tới giờ chưa có gì chứng tỏ rằng chế độ dân chủ hiện đại sẽ là chế độ cuối cùng và tốt đẹp nhất của nhân loại.

Trở lại với chế độ dân chủ ở các nước Á-đông và các nước gọi là chậm tiến khác. Chế độ này đã không được đề cao và thiết lập trong những hoàn cảnh giống như ở các nước tây phương nghĩa là từ sau những cuộc cách mạng phát xuất từ những áp

bức vô nhân đạo và thối nát của chế độ quân chủ mà từ những biến cố gây ra bởi sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai: cuộc xâm lăng của các nước tiên tiến (về phương diện kỹ thuật cơ khí mà thôi) Tây phương. Với các phương tiện cơ khí, với các súng ống tối tân, các nước dân chủ Tây phương đã đánh bại các nước quân chủ Đông phương. Một số các nhà ái quốc ở các nước Đông phương trước cái nhục mất nước đã đổ hết tất cả lỗi lầm lên chế độ quân chủ và đã vận động dân chủ coi như điều kiện tiên quyết để phú quốc, cường dân và từ đó tự giải phóng khỏi ách thống trị của ngoại bang. Nói như vậy, chúng ta phải hiểu rằng nếu không có sự can thiệp bằng võ lực của các nước Tây phương, chế độ quân chủ tại các nước Á-đông chưa chắc đã sụp đổ như chế độ đó tại các nước Tây-phương vì bản chất của hai chế độ này hoàn toàn khác nhau. Còn trong trường hợp chỉ có tiếp xúc hòa bình thì chắc chắn chỉ có những sự canh tân, sửa đổi giống như của Nhật-bản và của Thái-lan với chế độ quân chủ lập hiến nhưng còn tốt đẹp hơn nhờ ở sự canh tân chế độ tự trị của xã thôn vì với tất cả những ý

niệm về dân chủ của tây phương với những kỹ thuật bầu cử hiện đại, nếu thật tâm người ta có thể cải thiện rất nhiều truyền thống tự trị quý báu này. Tiếc thay người ta đã lựa chọn và chấp nhận các giải pháp trong lúc bàng hoàng, sợ hãi và đầy mặc cảm. Tất cả các truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của cả nền văn minh Đông-phương đã bị phế bỏ. Chế độ dân chủ mới lẽ ra phải được chấp nhận với một thái độ tỉnh táo để có thể được đồng hóa với các truyền thống cổ truyền, với hoàn cảnh của đất nước, với tập tục, tính tình của dân tộc thì đã được cóp nhặt một cách bừa bãi, vô ý thức và đã trở thành không có hồn. Có điều bánh xe lịch sử dù sao cũng đã quay được quá nhiều vòng rồi. Có cố gắng đặt khởi điểm lại đúng vị trí của nó cũng không được vì vị trí đó không thể nào là vị trí ban đầu được nữa. Thần thành hoàng đã bị dân chúng từ bỏ để thờ kẻ trộm và kẻ trộm đã không được thần thánh hóa hoàn toàn để trở thành thần thánh. Nó vẫn y nguyên là kẻ trộm và mãi mãi là kẻ trộm.

PHẠM CAO DƯƠNG



Dân chủ cho dân hay dân chủ cho ai?

TRẦN TUÂN NHÂM

Một hiện tượng chung ở những xứ thiếu mở mang vừa thâu hồi độc lập, độc lập thật sự hay độc lập giả tạo, là bùng dậy liên tục một cuộc xung đột giữa bộ máy nhà nước và tập thể nhân dân. Cuộc xung đột có thể âm thầm hay công khai, có thể lôi cuốn ít hoặc nhiều người, nhưng là một cuộc xung đột thật gay gắt trầm trọng. Lý do xung đột là yêu cầu dân chủ tự do. Về phía nhân dân, người ta tố cáo nhà nước là độc tài, là phản dân chủ. Về phía nhà nước, người ta tố cáo những kẻ đấu tranh là thiếu ý thức dân chủ, là lạm dụng dân chủ để phá hoại dân chủ.

Nhân danh yêu cầu dân chủ, các phong trào nhân dân phản kháng nhà nước, lạm áp lực bắt nhà nước « thực thi dân chủ » hoặc khuynh đảo bộ máy nhà nước phản dân chủ. Cũng nhân danh yêu cầu dân chủ, nhà nước kiểm soát chặt chẽ mọi sinh hoạt có

hại cho chế độ, giới hạn những tự do để những kẻ « phá hoại dân chủ » không thể lợi dụng và, nếu cần, đàn áp những kẻ « gây rối loạn trật tự »

Về phía nhân dân, nếu nhà nước nhượng bộ, chứng tỏ sự tổ cáo phản kháng là đúng, nhà nước đã sai lầm, do đó cần gia tăng áp lực để đạt kết quả tối đa. Nếu nhà nước đàn áp, thì lại càng rõ ràng nhà nước là độc tài, cần nỗ lực đấu tranh để khuynh đảo. Về phía nhà nước, nếu phong trào tranh đấu lắng xuống, chứng tỏ hiệu quả của những biện pháp chế tài, do đó cần gia tăng sự kiểm soát đàn áp để tiêu diệt hết mầm phản kháng. Nếu phong trào lớn mạnh thì rõ ràng nhân dân đã ngoan cố, lại càng cần đàn áp khủng bố để bảo vệ chế độ. Do đó từ cả hai phía, khuynh hướng bạo hành luôn luôn phát triển.

Một cuộc tranh chấp mà bạo

hành phát triển tất định thì không thể có thỏa hiệp. Một cuộc tranh chấp cùng nhân danh một cứu cánh, một giá trị, mà không thể có thỏa hiệp thì chỉ có nghĩa là hoặc một trong hai bên tranh chấp đã thật sự là ngoan cố trá ngụy, hoặc vấn đề đã bị đặt ra một cách sai lạc phiến diện. Tất nhiên có thể cả hai trường hợp cùng xảy ra một lúc.

Trước hết cần ghi nhận rằng, ở hầu hết những người quốc gia này đều đã hình thành một bộ máy nhà nước theo những thể thức dân chủ kiểu tây phương. Chính trong điều kiện đó, nhân dân đã có đủ lý do và tư cách để đòi hỏi dân chủ. Và cũng chính trong điều kiện đó, nhà nước đã có tư cách để nhân danh dân chủ tự do đàn áp các phong trào quần chúng.

Nếu trường hợp thứ nhất xảy ra, có một bên nào trong hai bên là ngoan cố, trá ngụy thì nhất định đó không phải là nhân dân. Bởi vì những phản kháng của nhân dân đã bắt nguồn từ một yêu cầu thực tế của đời sống, nó chỉ là phản ảnh tất nhiên của một tình trạng xã hội có thật trước mắt. Khi nhân dân tố cáo nhà nước là độc tài thì sự tố cáo đó không phải là một nhận định chính nhà nước mà là một nhận định về nhà nước do chính đời sống của người dân: họ thấy họ không có tự do vậy đúng nhà nước là độc tài. Cũng vậy

họ thấy không hề được hưởng dụng dân quyền, vậy đúng nhà nước là phản dân chủ. Họ không thể ngoan cố khi nhà nước không độc tài mà họ vẫn nói là độc tài, không phản dân chủ mà vẫn nói là phản dân chủ, bởi lẽ, nếu nhà nước đã không độc tài thì họ đã có tự do, nhà nước là dân chủ thật thì họ đã được hưởng dụng mọi dân quyền, họ không còn lý do nào phải phản kháng, tố cáo, dù muốn ngoan cố, trừ khi họ loạn trí, để muốn có một nhà nước bớt tự do hơn, ít dân chủ hơn.

Những phong trào phản kháng của nhân dân cũng không thể là trá ngụy. Nhà nước thường có khuynh hướng gán cho các phong trào phản kháng là bị xúi dục, bị giật dây, nhưng quên rằng dù nhân dân có bị xúi dục, giật dây thật thì sự phản kháng vẫn là chính đáng, không phải là trá ngụy. Bởi lẽ người ta chỉ bị xúi giục, bị giật dây khi có cái gì thật để có thể xúi dục, giật dây. Một người có thể lãng quên không đòi cởi bỏ sợi xích cột ở chân, nhưng người ta cũng chỉ có thể xúi anh ta đòi cởi bỏ sợi xích khi chân anh ta có bị cột thật. Như vậy, sự phản kháng tố cáo nhà nước, dù có bị xúi dục, giật dây hay không, vẫn đề chỉ khác nhau ở hậu quả của nó, còn nội dung của vấn đề vẫn chỉ là một, hoàn toàn chính xác vì là sự thực.

Nhà nước lại cũng có thể không ngoan cố trá ngụy. Họ có thể rất chân thành khi nhân danh tự do dân chủ để từ khước những đòi hỏi tự do dân chủ của các phong trào nhân dân. Họ có thể rất chân thành khi nghĩ rằng đang hành động tốt nhất cho tự do dân chủ, và các phong trào đối kháng đã làm cản trở các chương trình tốt đẹp ấy. Nếu bảo rằng họ thiếu dân chủ vì thiếu một hệ thống pháp luật dân chủ là sai, chế độ có đầy đủ những sinh hoạt dân chủ. Nếu có vấn đề gì đặt ra thì chỉ là cách thức và mức độ hành sử những năng quyền ấy. Trong khi đó, vì là một nền dân chủ *trẻ*, một nền dân chủ *mới*, hiểu như là mới được thành hình, người dân còn thiếu điều kiện để có thể hành sử chức năng dân chủ, nhà nước còn thiếu nhiều cán bộ có khả năng điều hành cơ cấu, do đó cần *hướng dẫn*. Muốn hướng dẫn hiệu nghiệm thì cần phải kiểm soát chặt chẽ, phải giới hạn nhiều tự do. Phá hoại sự kiểm soát ấy, là phá hoại thiện chí xây dựng dân chủ tự do.

Đó là những thành tín của một bộ máy nhà nước có khả năng, có thiện chí. Chưa phân tích niềm thành tín đó là sai hay đúng, nhưng phải ghi nhận rằng đã có thể có những niềm thành tín như vậy thật. Nhưng cũng phải ghi nhận rằng một bộ máy nhà nước trá ngụy, bất chính,

bất lực cũng có thể làm ra vẻ thành tín như vậy, và đối với đời sống thực tế của người dân, nó vẫn đưa tới hậu quả như nhau: người dân đang mất tự do, đang thiếu dân chủ. Một điều đau xót chung cho các dân tộc thiếu mở mang, những «tân quốc gia», nói theo kiểu các nhà quan sát quốc tế, là hầu hết họ đã lại chỉ có những loại nhà nước trá ngụy, bất chính và bất lực.

Trong một cuộc tranh chấp *nhất định* đưa tới bế tắc, bạo hành, nếu nhân dân không ngoan cố trá ngụy, bộ máy nhà nước không ngoan cố trá ngụy, thì chỉ có nghĩa là đã đặt sai căn bản của vấn đề.

Khi nhân dân tố cáo nhà nước là độc tài, tố cáo chế độ là thiếu dân chủ để đòi hỏi nhà nước phải tự do, chế độ phải dân chủ, thì tức là đã mặc nhiên *nhìn nhận chế độ là dân chủ*, bộ máy nhà nước có bản chất dân chủ. Không ai tố cáo một khu rừng hoang cây mọc lộn xộn, vì đương nhiên nó như thế, nhưng người ta có thể tố cáo một rừng trồng tía, một vườn cào su chẳng hạn, thiếu trật tự, vì đúng ra nó phải trật tự hơn và nó *có thể* trật tự hơn. Chính sự tố cáo đó, dù là những tố cáo dữ dội nhất, nó vẫn chứng tỏ khu vườn mất trật tự ấy có giá trị trật tự hơn là một cánh rừng hoang. Và, nếu lại đòi hỏi nó *phải* trật tự thì cũng có nghĩa

là nhìn nhận nó có khả năng trở nên trật tự.

Đã mặc nhiên nhìn nhận giá trị dân chủ của chế độ, nhìn nhận giá trị tự do của nhà nước, dù là nhìn nhận bằng cách tố cáo nó độc tài phản dân chủ, trong khi thực tế đời sống bị mất tự do, không được hưởng dân chủ nên bắt buộc phải phản kháng. Đó là một mâu thuẫn tâm lý nội tại của các phong trào quần chúng, một trong những nguyên nhân đưa tới bế tắc, không thể có thỏa hiệp trong cuộc tranh chấp.

Khi đòi hỏi nhà nước phải thực hiện dân chủ tức là nhìn nhận nhà nước có khả năng dân chủ để có thể cho dân chủ tức là đặt nhà nước lên trên, ra ngoài dân. Dù là ở trên hay ở ngoài dân thì đều không phải là dân. Đã không là dân thì dù có tốt đẹp cao quý như «người của Thượng đế,» như «con trời» thì cũng vẫn không thể làm dân chủ nếu không phải là giả mạo lừa bịp. Khi nhân dân đặt ra nhà nước vào một tư cách không thể là dân chủ để gán cho nó một khả năng dân chủ và đòi nó thực hiện dân chủ thì lại vấp phải một mâu thuẫn khác không có lối thoát. Vì như vậy là một mặt đòi nó phải lừa bịp để rồi lại không chấp nhận sự lừa bịp ấy.

Về phía nhà nước, tất nhiên là chỉ nói đến những thứ nhà nước thành tín, có thiện chí thật, khi họ nghĩ rằng đang nỗ lực thực hiện dân chủ, bảo vệ dân chủ bằng

cách kiểm soát tự do, hạn chế dân quyền, họ tố cáo những phong trào đòi tự do dân chủ của nhân dân là thiếu ý thức dân chủ, là lạm dụng dân chủ để phá hoại dân chủ...

Tố cáo như vậy là nhà nước đã mặc nhiên nhìn nhận chế độ chưa có dân chủ và thú nhận nhà nước không phải là một nhà nước dân chủ.

Nếu chế độ là dân chủ thật thì người dân không thể thiếu ý thức dân chủ. Và như vậy là đã hiểu dân chủ như là một lẽ lối sinh hoạt, và thiếu ý thức chủ như là chưa có một thói quen sinh hoạt dân chủ. Bởi lẽ, người dân chỉ chưa có thói quen sinh hoạt dân chủ, tức là thiếu ý thức dân chủ khi chưa được sinh hoạt dân chủ, tức là chưa có dân chủ. Đó là chưa kể nếu hiểu ý thức như là một trạng thái tinh thần thì nó không thể thiếu ý thức khi đã biết đòi hỏi và phản kháng. Trong trường hợp này, một lý luận thông thường được các bộ máy nhà nước viện dẫn tới là vì nền dân chủ còn trẻ, còn mới, cho nên người dân đã không quen sinh hoạt dân chủ và do đó thiếu ý thức để trở thành phá hoại dân chủ. Thật sự thì dân chủ là dân chủ, hoặc có hoặc không chứ không có vấn đề dân chủ già, dân chủ trẻ, dân chủ mới, dân chủ cũ. Nếu quả thực có một thứ dân chủ trẻ yếu hơn dân chủ già, một thứ dân chủ mới tồi hơn thứ dân chủ cũ, thì có cái

gì khẳng định rằng trong trường hợp đó nhất định nhà nước «giỏi» dân chủ hơn nhân dân, quan niệm của nhà nước đúng hơn nhân dân, nhà nước có ý thức hơn nhân dân, nếu nhà nước đã tự gán cho mình là nhà nước dân chủ tức là xuất phát từ nhân dân.

Khi nhà nước tự gán cho mình có ý thức hơn nhân dân, do đó có quyền kiểm soát nhân dân, hướng dẫn nhân để bảo vệ dân chủ thì đã có nghĩa là nhà nước tự đặt mình ra ngoài nhân dân, tức là thú nhận mình không phải từ nhân dân, và tức là không phải là một nhà nước dân chủ. Nhà nước đã không phải là một nhà nước dân chủ mà lại được hình thành bằng những thể thức: dân chủ tức là nhà nước đã gián tiếp thú nhận sự gian lận của mình. Một nhà nước không dân chủ, lại gian lận thì không thể có quyền nói dân chủ, nhân danh dân chủ, nhất là nhân danh dân chủ để bảo vệ dân chủ bằng cách khống chế đàn áp các phong trào đòi hỏi dân chủ.

Tóm lại, trong hầu hết các cuộc tranh chấp nhân danh dân chủ giữa bộ máy nhà nước và tập thể nhân dân đều mang một tính chất chung là một mặt tự gán cho mình một thẩm quyền phi lý với những trách nhiệm tưởng tượng để không bao giờ có thể đảm trách, đồng thời một mặt gán cho những kẻ đối kháng với mình

những tư cách mâu thuẫn để phê phán, lên án chính những hậu quả tưởng tượng phát minh do sự mâu thuẫn ấy. Mỗi bên đều tự tách ra khỏi mình và cùng bắt kẻ đối kháng tách ra khỏi mình để chỉ còn là những cái bóng ảo tưởng đầy mâu thuẫn, đầy giả tạo đụng nhau. Do đó họ không bao giờ có thể gặp nhau để đi tới bất cứ thỏa hiệp nào.

Trong sự tranh chấp giữa bộ máy nhà nước và tập thể nhân dân ở hầu hết những «tân quốc gia» về yêu cầu dân chủ tự do, nếu nói rằng tất cả đều đã lầm lẫn thì có thể quá lộng ngôn, nhưng thật sự là mỗi phe đã không nhìn rõ kẻ đối diện và không nhìn rõ cả chính mình.

Trước hết, vấn đề thật ra không phải là yêu cầu dân chủ mà là yêu cầu nhà nước dân chủ. Đối với nhân dân, thái độ cần thiết là nhận diện nhà nước để chấp nhận hoặc phủ nhận chứ không phải là vấn đề tố cáo, phản kháng hay đòi hỏi. Nếu nhà nước là độc tài, là không dân chủ, thì phải phủ nhận nó để tiến tới một nhà nước dân chủ. Nếu nhà nước đã là dân chủ thì vấn đề còn lại chỉ là giúp nó vượt những khó khăn nếu có, để kiện toàn cơ cấu dân chủ. Chỉ có một nhà nước dân chủ mới có khả năng dân chủ, và đương nhiên có dân chủ. Nếu nhà nước đã không là nhà nước dân chủ thì nó phải là nhà nước độc tài, phản

dân chủ, nó không thể ban phát dân chủ cho ai.

Chế độ dân chủ bao gồm một trạng thái tinh thần dân chủ và một lẽ lối sinh hoạt dân chủ. Không thể có một sinh hoạt xã hội dân chủ khi người dân không có một trạng thái tinh thần dân chủ nghĩa là một thái độ lựa chọn nếp sống dân chủ. Nhưng có một trạng thái tinh thần, một thái độ lựa chọn thì chưa hẳn đã đương nhiên có một lẽ lối sinh hoạt dân chủ mà chỉ mới có thể đưa tới một đòi hỏi dân chủ.

Một xã hội là dân chủ thật chỉ có khi cộng đồng xã hội có đòi hỏi dân chủ. Cộng đồng xã hội chỉ có đòi hỏi dân chủ khi có một trạng thái tinh thần dân chủ tức là một thái độ lựa chọn nếp sống dân chủ. Không có gì nhất định rằng cộng đồng xã hội phải có một trạng thái tinh thần dân chủ. Nhưng, khi cộng đồng xã hội đã có đòi hỏi dân chủ thì nó phải ở một trạng thái tinh thần dân chủ. Cũng vậy, không có gì nhất định rằng có đòi hỏi dân chủ là lập tức có sinh hoạt dân chủ, nhưng nhất định rằng chỉ có sinh hoạt dân chủ khi đã có đòi hỏi dân chủ.

Muốn dân chủ, đề cao lý tưởng dân chủ, là biểu lộ một thái độ lựa chọn, chứng tỏ một trạng thái tinh thần. Đòi hỏi dân chủ, thực hiện dân chủ là tiến tới một lẽ lối sinh hoạt xã hội dân chủ. Như vậy, trong một cộng đồng xã hội có đòi hỏi dân chủ thì có nghĩa

là xã hội chưa có dân chủ. Chưa có dân chủ nghĩa là chưa có lẽ lối sinh hoạt dân chủ chứ không phải chưa có tinh thần dân chủ. Vì không có tinh thần dân chủ thì không thể có thái độ lựa chọn dân chủ và do đó không thể có đòi hỏi dân chủ.

Chưa có lẽ lối sinh hoạt dân chủ tất nhiên không phải là người dân không thích sinh hoạt dân chủ mà là chưa thể sinh hoạt dân chủ. Cái gì làm cho người dân muốn sinh hoạt dân chủ, thích sinh hoạt dân chủ mà chưa thể sinh hoạt dân chủ? Cái gì đó, chủ yếu, nhất định không phải ở tự chính người dân, hiểu là cả tập thể quần chúng ngoài bộ máy nhà nước. Người dân luôn luôn bó buộc phải sinh hoạt trong một trật tự nhất định ràng buộc bằng mối tương quan giữa những cá nhân và giữa cá nhân với bộ máy nhà nước. Trật tự đó được xác định bởi một hệ thống luật lệ, và được bảo đảm bằng bộ máy nhà nước. Nếu người dân chưa thể sinh hoạt dân chủ là vì cái trật tự mà nó bị bó buộc sinh hoạt là một trật tự phản dân chủ. Một trật tự xã hội phản dân chủ bao gồm một hệ thống luật lệ phản dân chủ và một bộ máy nhà nước phản dân chủ. Với một bộ máy nhà nước dân chủ có thể vì sơ suất, lầm lẫn để đề ra những luật lệ phản dân chủ, nhưng với một bộ máy nhà nước phản dân chủ thì không thể nào

hình thành một hệ thống luật pháp dân chủ. Như vậy, nếu người dân chưa thể sinh hoạt dân chủ, thì chủ yếu là vì bộ máy nhà nước phản dân chủ.

Đòi hỏi dân chủ, do đó, là đòi hỏi nhà nước dân chủ. Đòi hỏi nhà nước dân chủ không phải là van xin nhà nước cho dân chủ, cũng không phải là yêu cầu nhà nước *trở thành* dân dân chủ. Nhà nước đã là độc tài, phản dân chủ nó không bao giờ trở thành dân chủ, và nhất là nó không bao giờ có thể cho dân chủ. Đòi hỏi nhà nước dân chủ là đòi hỏi để có một nhà nước dân chủ, là đòi hỏi chính mình, bao gồm hai trách nhiệm: thủ tiêu nhà nước phản dân chủ và khai sinh một nhà nước dân chủ.

Nhưng xã hội luôn luôn là một cộng đồng tạp-bác với những quyền lợi đối kháng nhau, chủ yếu là quyền lợi kinh tế. Bộ máy nhà nước trước hết cũng đã là một thành phần của cộng đồng, do đó không có bộ máy nhà nước nào là không dân chủ hiểu theo nghĩa xuất phát từ cộng đồng và cũng không có bộ máy nhà nước nào là không độc tài hiểu theo nghĩa khống chế tước đoạt quyền lợi của những thành phần đối lập trong cộng đồng xã hội. Nói cách khác, chỉ có những nhà nước dân chủ cho nhóm người này, nhóm người khác chứ không thể có một nhà nước dân chủ chung chung ít ra cho đến khi có thể có một cộng đồng xã

hội không còn mâu thuẫn quyền lợi. Một nhà nước là dân chủ cho số đông thì sẽ là độc tài với thiểu số, là độc tài với người nghèo thì sẽ là dân chủ với người giàu. Chính vì thế mà khi một bộ máy nhà nước bị tố cáo là độc tài, là phản dân chủ, đã có thể dễ dàng trưng dẫn những bằng chứng pháp lý và luân lý về tính chất dân chủ của mình. Cũng vậy, khi một chế độ đang tiến hành những thủ tục sinh hoạt dân chủ thì vẫn nhan nhản những chứng cứ về sự độc tài, phản dân chủ. Những tố cáo đó là thật và, những bằng chứng biện minh cũng là thật. Như vậy thực ra đòi hỏi nhà nước dân chủ thôi thì chưa có nghĩa mà phải là đòi hỏi nhà nước dân chủ cho ai.

Đòi hỏi nhà nước cho ai là qui định ai mới có thẩm quyền về bộ máy nhà nước. Nhà nước người giàu thì chỉ của người giàu, nó không thể của người nghèo, do đó nó chỉ có thể là dân chủ cho người giàu. Khi nó là dân chủ cho người giàu thì nó phải vì người giàu mà áp bức bóc lột người nghèo. Khi nhà nước thuộc thành phần thiểu số trong xã hội, nó có thể là dân chủ, nhưng là dân chủ cho cái thiểu số đó. Và vì yêu cầu của cái dân chủ đó nó phải đàn áp, phải độc tài với đa số. Cho nên khi một bộ máy nhà nước tự xưng là dân chủ, họ bảo vệ dân

chủ bằng cách đàn áp những phong trào đòi dân chủ thì không phải là câu chuyện giễu dờ, khôi hài mà là có thật, nó thật trong cái trật tự lý luận ấy.

Nếu yêu cầu cách mạng xã hội cho người nghèo, cho số đông là vấn đề bức thiết nhất thì đòi hỏi nhà nước dân chủ phải là đòi hỏi nhà nước dân chủ của số đông, của người nghèo. Nhà nước dân chủ của số đông, của người nghèo là nhà nước cách mạng xã hội cho người nghèo, cho số đông, và chỉ nhà nước ấy mới thực hiện được cuộc cách mạng ấy. Nếu vì yêu cầu cách mạng, phải hủy bỏ những đặc quyền đặc lợi của thiểu số, phải tước đoạt những tư liệu sản xuất bất chính của người giàu, nghĩa là phải độc tài với người giàu, với thiểu số ưu đãi thì đó vẫn là nhà nước dân chủ : dân chủ của người nghèo, của số đông. Cho nên yêu cầu dân chủ không hề mâu thuẫn với yêu cầu cách mạng, nhà nước cách mạng vẫn là nhà nước dân chủ.

Cái bế tắc của những phong trào nhân dân phản kháng nhà nước đòi dân chủ tự do chính là vì đã thiếu ý thức về chính mình, đã không xác định được rõ rệt tư cách của mình, đề từ đó khẳng định những yêu cầu cụ thể nhất định. Nhận thức rằng hiển nhiên mình không có tự do, hiển

hiển mình không được hưởng dụng năng quyền dân chủ, lại nhận thức rằng mình thuộc số đông và cùng với số đông lên tiếng tố cáo, phản kháng nhà nước là độc tài là phản dân chủ. Như vậy mình đã hoàn toàn có chính nghĩa. Có chính nghĩa lại có sức mạnh vì là số đông, nhưng vẫn không đấu tranh thắng lợi. Chỉ vì nhân dân đã rơi vào một trò chơi dân chủ, một trò chơi đặc biệt tại các tân quốc gia. Thường thường một trong ba trường hợp đã xảy ra :

1 — Bộ máy nhà nước còn đủ mạnh để đàn áp, dẹp tan mọi phong trào phản kháng, kết quả thật là bị đất.

2 — Bộ máy nhà nước nhượng bộ tức là « thỏa mãn nguyện vọng quần chúng » và tiến hành một số thể thức sinh hoạt dân chủ. Đòi phải có Hiến Pháp, thì cho có Hiến pháp. Đòi phải có bầu cử thì cho có bầu cử. Đòi ban hành luật này, luật kia thì ban hành... Nhưng mỗi lần gọi là « đấu tranh thắng lợi » như vậy, đời sống vẫn chẳng tốt đẹp gì hơn. Không những thế, nhà nước được tăng cường thêm một số khí cụ thống trị, thêm một vài món trang sức để làm dáng, và người dân thì hết lý do, hết chính nghĩa để phản kháng. Hết lý do, hết chính nghĩa, nhưng đời sống vẫn cơ cực, vẫn mất tự do.

3 — Nếu phong trào phản kháng đủ mạnh, khuyến khích nhân

nước và hình thành một bộ máy nhà nước mới « theo những qui luật dân chủ », thì vấn đề lại trở về nguyên trạng. Nhân dân lại có quyền tiếp tục làm phụ diễn cho những trò chơi mới, trò chơi dân chủ.

Tại sao tình trạng không thể đổi khác? Chỉ bởi vì bộ máy nhà nước ấy đã là những bộ máy nhà nước dân chủ thật, nhưng là dân chủ cho một thiểu số được ưu đãi. Nó đã được hình thành theo đúng những « qui luật dân chủ », nhưng là những qui luật mà chỉ thiểu số ưu đãi mới có thể hưởng dụng. Nếu việc

sử dụng những qui luật ấy có sự mờ ám gian lận hay ngay thẳng trong sạch thì vẫn chỉ là chuyện riêng của nhóm thiểu số được ưu đãi. Đại đa số vẫn không ảnh hưởng, nhờ vả gì vào cái sự gian lận hay trong sạch ấy. Và cứ như vậy, càng tiến hành nhiều thủ tục dân chủ bao nhiêu, thì khối đa số dân nghèo, nạn nhân lại càng cơ cực hơn, cơ cực hơn vì đã mất chính nghĩa phản kháng, vì chế độ đã được trang sức đẹp hơn.

TRẦN TUẦN NHẠM

Tìm đọc :

Chúa đã khước từ

Truyện của RICHARD E. KIM

Bản Việt-văn : Lê Khắc Cẩm

— Trong một đêm, toàn bộ lực lượng Mỹ đột ngột được lệnh bỏ rơi Hán-thành, nơi mà mới chỉ một ngày hôm trước, những người Thiên chúa-giáo ở đó còn kêu gọi CHIẾN THẮNG !

— Kinh nghiệm đau thương của cuộc chiến tranh Triều-tiên mà những người cho tới lúc này vẫn còn muồn đem đặt tất cả vận mạng của mình vào sự cam kết của người Mỹ không thể bỏ qua.

nhà xuất bản trình bày

Dân chủ và Độc lập

THẾ NGUYỄN

Hệ thống dân chủ tại những nước Tây-phương ngày nay, mặc dù những khuyết điểm trầm trọng của nó, ít nữa cũng đã tạo ra được cho họ một tình trạng ổn định tương đối về mặt chính trị. Nói như vậy không phải là không có những cuộc khủng hoảng. Cũng có những cuộc « xuống đường » — và thường thì lại là những cuộc xuống đường rất « vĩ đại » của hàng một, hai trăm ngàn người, đôi khi còn lên tới con số hàng nửa triệu, chứ không chỉ « lèo tèo » vài ba trăm người biểu tình theo cái kiểu « bôn tập », chõ nhau trên xe máy đầu phóng như điên và lê thê theo sau là một đoàn xe cảnh sát hù còi inh ỏi, như ta thấy trong những cuộc biểu tình vừa qua ở Saigon của anh em Sinh viên Học sinh —; cũng không thiếu những cảnh « dàn chào » với lựu đạn cay, chó béc-giê, phi tiền... Tuy nhiên, tất cả những chuyện đó, nếu có thể làm thay đổi, giới lắm là chỉ có thể làm thay đổi một nội các, một chính sách nào đó của nhà cầm quyền, chứ thật khó — nếu không muốn nói là không thể

được — có thể dẫn tới một mối nguy cơ đe dọa sự tồn tại của chế độ, nghĩa là đưa tới một cuộc đảo chánh.

Tính chất bền vững đó, ngược lại, người ta ít gặp thấy tại những xứ kém mở mang, đặc biệt là ở những khu vực nằm trong vòng ảnh hưởng của Bắc-Mỹ, mặc dù cái công thức dân chủ được đem ra dùng lại ở những quốc gia này không có sự khác biệt là bao.

Đối với châu Mỹ La-tinh, nơi mà ảnh hưởng của Bắc-Mỹ có vẻ nặng nề hơn cả, thì chuyện đảo chánh đã được xem như là chuyện xảy ra thường ngày. Với một số những quốc gia của châu Á, châu Phi, Hiến pháp thường có thói quen « đội nón ra đi » cùng với sự ra đi của vị Tổng thống, để nhường chỗ cho một bản Hiến pháp mới với những điều khoản và một nội dung chẳng thể dân chủ hơn là bao, vì một lẽ giản dị là bản Hiến pháp nào thì cũng đều đã được soạn thảo ra với một tinh thần có thể gọi được là dân chủ và tiến bộ nhất thế giới!

Đã có nhiều lý do được đưa ra để cắt nghĩa cho hiện tượng trái ngược trên và trong thực tế, nhiều quốc gia đã có những cố gắng nhằm biến cái cái công thức ấy theo những lý lẽ mà họ tin là sẽ có thể giúp cho nó trở nên thích hợp hơn với những đòi hỏi cũng như truyền thống của dân tộc họ.

Tuy nhiên, nhiều năm dài đã trôi qua, dường như tất cả những cố gắng đó đã chỉ là những hoài công vô ích. Việc thực hiện dân chủ tại những xứ kém mở mang, bất kể là thứ dân chủ có được biến cải hay không, vẫn còn nguyên vẹn những bế tắc của nó. Và có lẽ chính vì vậy mà gần đây có người đã đề nghị rằng: « Dân chủ vất vả đến thế chi bằng « độc tài sáng suốt » là hơn »!

Theo rồi tiến trình xây dựng dân chủ tại các nước thuộc thế giới thứ ba, người ta thường lấy làm ngạc nhiên trước hiện tượng này: phần lớn những chế độ dân chủ ở đây đã ít bị suy sụp vì những lý lẽ ở trong xứ hơn là do sự khuynh đảo bởi những thế lực từ bên ngoài. Sự ra đi của chính quyền Juan Bosch tại Cộng hòa Dominicain vào hồi tháng 9 năm 1963 thật ra ít tùy thuộc vào sự chống đối của một vài tướng lãnh vì mới bị tước bỏ bớt đi một số những đặc quyền hơn là do sự thúc đẩy từ Hoa-thịnh-Đốn. Người ta đã giải thích sự thất bại của chế độ cách mạng của Eduardo Frei ở Chili năm 1964 bằng cách cho rằng chế độ này đã bị những người cộng sản phá hoại vì phần uất thấy rằng

cuộc « cách mạng của họ đã bị cướp đoạt ». Tuy nhiên, đứng trước một lý lẽ như vậy, hẳn người ta sẽ phải lấy làm khả nghi lắm về cái tính chất « cộng sản » của những người cộng sản này, nếu không muốn nghĩ rằng đó hẳn phải là những người cộng sản đã được « ngũ giác-đài-hóa ». Tiếp tục thêm, người ta có thể kể tới nhiều ví dụ khác, mặc dù màu sắc chính trị của những chế độ dân chủ ấy có sặc sỡ đến đâu, như sự sụp đổ của chính quyền Sukarno ở Nam-dương, của T.T. Diệm ở Việt nam, v.v...

Do đó, vấn đề căn bản của việc xây dựng dân chủ tại những xứ kém mở mang hiện nay có lẽ không còn phải chỉ là đặt ưu tư cho những cố gắng đi tìm kiếm một chủ thuyết phát triển chính trị thích ứng với hoàn cảnh riêng biệt của từng xứ sở, mà vấn đề chung cho các quốc gia này — và tiên quyết hơn hết — là làm thế nào để có thể thoát khỏi sự chi phối, khuynh đảo của các cường quốc. Để có thể nói tới dân chủ, thì trước hết phải xem mình thực sự có quyền làm chủ không đã.

Trong những quốc gia mà nền độc lập đã bị « teo » đi đến nỗi chỉ còn là sự hiện diện lặng lẽ trên những con tem bưu điện, và chuyện đi, về của một ông Đại sứ còn được công luận chú ý tới nhiều hơn là sự có mặt hàng ngày của chính vị Tổng thống, thì tuyên cử chỉ còn có nghĩa là lựa chọn trong sáu mặt của một con xúc-xắc mà thôi. Dĩ nhiên, các chính quyền thoát thai

từ những cuộc bầu cử theo kiểu này đã không bao giờ có thể trở nên là một chính quyền mạnh, được dân chúng ủng hộ. Để bảo đảm cho chế độ ấy, người ta lại phải thiết lập lên những hệ thống mật vụ và cai trị bằng một chính sách bạo động. Thấy được như vậy, người ta sẽ hiểu tại sao ở hầu hết các nước châu Mỹ-La-tinh, vị Tổng thống thường lại là một người thuộc giới tướng lãnh. Và chắc hẳn cũng chẳng có ai lấy làm ngạc nhiên gì khi thấy mới đây (20-7) Colombie đã phải ban bố tình trạng thiết quân luật trong ngày Tân Tổng thống chấp chánh!

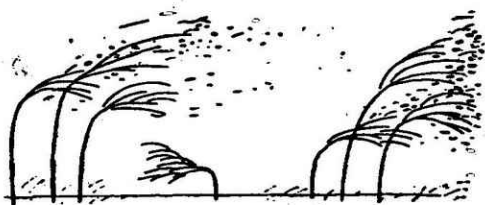
☛

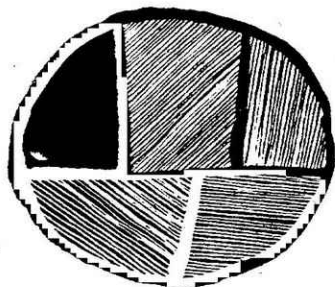
Người ta đã nói nhiều tới nền độc lập lâu đời, từ hơn một thế kỷ trước nay, của các xứ châu Mỹ-La-tinh cũng như những nền độc lập trẻ trung trong khoảng ba mươi năm trở lại đây của các xứ ở châu Phi, châu Á. Vậy mà những cố gắng nhằm thể hiện lý tưởng dân chủ

tại các quốc gia này vẫn không đạt tới được một thành quả nào đáng kể. Những ông quan cai trị, các nhà hành chánh và cả các giới quân sự Tây phương có thể là đã ra đi, nhưng những ông chủ ngân hàng, những vị cố vấn, những đại-sứ-toàn-quyền... đã lũ lượt trở lại. Cái chủ quyền mong manh mà họ vừa mới giành được từ nanh vuốt của chủ nghĩa thực dân chính trị của thế kỷ 19 trong phút chốc đã lại đề bị rơi vào sự thống trị tinh quái của một hình thức thực dân mới, đó là chủ nghĩa đế quốc kinh tế ngày nay.

Muốn có dân chủ phải có độc lập: độc lập chính trị và độc lập kinh tế. Và riêng trong tình thế đặc biệt hiện tại của dân tộc ta, việc gấp rút chấm dứt chiến tranh để tránh cho người Việt-nam khỏi bị rơi vào hoàn cảnh lệ thuộc hoàn toàn chính là một điều kiện tiên quyết.

THÊ NGUYỄN





ghi nhận :

Việt hóa kinh tế ?

THUẬN GIAO

Chính phủ Việt-nam đang chứng kiến đồng thời hai cuộc Việt-nam hóa được thực hiện : một cuộc Việt-nam hóa chiến tranh bởi hơn 500.000 binh sĩ Hoa-kỳ đang dần dần rút bỏ gánh nặng chiến đấu cho QLVNCH, và một cuộc Việt-nam hóa kinh tế ép buộc dân chúng Việt-nam phải chịu đựng hơn nữa, đóng góp hơn nữa cho cuộc chiến và cho một nền kinh tế tự lực tự cường trọng tương lai.

Có cùng một xuất phát là sự thay đổi trong chính sách đối với Việt-nam của Hoa-kỳ, hai cuộc Việt-nam hóa này có lẽ sẽ tách rời ra hai ngã trước khi gặp gỡ nhau lại ở định mệnh cuối cùng. Trong khi các nhà quân sự Việt Mỹ càng lúc càng tỏ ra lạc quan về « khả năng thay thế » của QLVNCH trong các công tác chiến đấu, những người lãnh đạo nền kinh tế quốc gia đã đi từ thái độ băn khoăn, e ngại lúc khởi đầu đến một mối hoảng sợ thực sự một cuộc sụp đổ của nền kinh tế Việt-nam.

Tổng trưởng Kinh tế Phạm Kim Ngọc, khi được hỏi bởi phóng viên Robert Pearman của tờ *The Star* rằng ông có nghĩ cuộc chiến tranh có thể thắng trên phương diện quân sự và thua về mặt kinh tế, đã thú nhận « Tôi nghĩ có một triển vọng như thế. »

Sự hiềm nghèo của kế hoạch Việt-hóa kinh tế, một chương trình chẳng những đề trắc nghiệm khả năng tự cứu của dân chúng Việt-nam mà còn là cơ hội chót của cuộc hợp tác Mỹ-Việt trên căn bản đồng minh chống Cộng, chắc chắn là một thử thách vô cùng đắt giá cho Việt-nam trong một tương lai không xa. Vấn đề đặt ra là những thử thách đó có cần thiết, có bó buộc, có đáng và có thể biện minh được hay không ?

Manh nha của một chính sách viện trợ thay đổi đã xuất hiện từ thời Tổng thống Johnson, nhưng phải qua giai đoạn của Tổng thống Nixon, sự thay đổi này mới được diễm tô thành cái gọi là « chủ thuyết Nixon. »

Có nhiều thực tế ép buộc Hoa Kỳ phải thay đổi đường lối đối ngoại nói chung, và chính sách viện trợ nói riêng. Trong khoảng năm năm trở lại

đây, uy tín và ảnh hưởng của Hoa kỳ ngày càng sa sút tại nhiều nơi trên thế giới, nhất là tại Trung đông, Tây Âu và Bắc Âu. Những đồng minh gần gũi nhất của Hoa kỳ trong những năm Đệ nhị thế chiến đã làm mất lòng tin đối với Hoa kỳ trong những toan tính tại Đông dương và Trung đông. Chính sách sống chung hòa bình với Cộng sản cũng không làm giảm bớt những căng thẳng của một cuộc chiến tranh lạnh.

Trong nước, dân chúng Hoa kỳ, được phản ánh khá rõ ràng qua những người đại diện tại Quốc hội lưỡng viện, ngày càng tỏ ra mất tin tưởng ở phương cách Hoa kỳ tham dự vào các vấn đề quốc tế. Rõ rệt nhất là họ không còn sẵn sàng tung cả nhân lực, vật lực và tài lực vào một cuộc chiến mà theo quan điểm của một số đông vẫn chưa thể biện minh được thỏa. Bên cạnh cuộc khủng hoảng tâm tư đó, cuộc chiến mà Mỹ đang « sa lầy » tại Việt nam làm cho những vấn đề nội bộ của họ ngày càng cấp bách, trầm trọng : vấn đề dân quyền, kỳ thị, gia cư, sinh viên... và quan trọng nhất là cuộc khủng hoảng kinh tế đang làm giá cả của Hoa kỳ gia tăng 3 phần trăm một năm.

Nếu Tổng thống Johnson đã phải cắt giảm viện trợ và kìm hãm tốc độ gọi quân để trấn an dư luận, Tổng thống Nixon đã còn đi xa hơn bằng cách lần lượt rút quân và loan báo một chính sách « viện trợ có trách nhiệm ». Với chính sách này, Hoa kỳ sẽ không từ bỏ trách nhiệm của mình, nhưng sẽ chia sẻ trách nhiệm đó với những quốc gia đang sự. Đề việc Á châu cho những người Á châu giải quyết, Tổng thống Nixon sẽ chỉ đề cho Hoa kỳ đóng một vai trò vừa phải. Với vai trò vừa phải này, Hoa kỳ buộc những quốc gia Á châu phải tự bày tỏ những khả năng và nỗ lực của mình trước đề cho việc viện trợ của Hoa kỳ, ít nhất, cũng có thể được giải thích thuận lợi với những người đóng góp viện trợ : dân chúng Hoa kỳ.

Đó là chiều hướng của công cuộc Việt hóa kinh tế đang được thực hiện tại Việt nam.

Cuộc Việt hóa kinh tế này khó thể tìm thấy nếu ta chỉ nhìn đến số lượng viện trợ. Những giới chức hữu quyền của USAID đã luôn luôn đánh chính tức khắc mọi nguồn tin Hoa kỳ cắt giảm viện trợ cho Việt nam trong năm 1970. Theo phúc trình của ông Donald MacDonald, giám đốc của Cơ quan phát triển quốc tế USAID, cho Đại sứ Bunker, số viện trợ dự trù cho Việt-nam trong năm 1970 lên đến 514,2 triệu Mỹ kim, gồm 106 triệu chương trình Thực phẩm phụng sự hòa bình (PL 480), 240 triệu trong chương trình nhập cảng thương mại CIP và 168,2 triệu cho các dự án phát triển. Số viện trợ dự trù này đã hơn năm 1969 là 128,9 triệu và gần đạt đến mức năm 1968 (543,3 triệu).

Tuy nhiên, người ta ghi nhận được những khó khăn ngày càng gia tăng cùng với những điều kiện khi nhận viện trợ này. Nhìn một khía cạnh khác, ta lại có thể nghi ngờ nếu số viện trợ trong năm 1970 lại được sử dụng đầy đủ và cho những mục tiêu cố hữu.

Kinh nghiệm những năm trước đã cho thấy Việt nam đã không bao giờ sử dụng được trọn vẹn số viện trợ của Mỹ quốc, vì lý do này hay lý do khác.

Mục tiêu của phần viện trợ kinh tế, trong khoảng năm năm nay, là chế ngự những áp lực gia tăng của nạn lạm phát và giúp chính phủ bù đắp vào những thiếu hụt của ngân sách. Trong năm 1970, thật khó tưởng tượng người ta sẽ tích cực sử dụng số viện trợ vào những mục tiêu đã rồi Thứ nhất là ta sẽ cần đến một ngân khoản viện trợ cao hơn thế với một ngân sách gia tăng mạnh và một cơn khủng hoảng kinh tế đang thấp thoáng bởi sự rút quân của Hoa kỳ. Thứ đến là chính sách nhập cảng ồ ạt để hạ giá hàng, gia tăng phần ngoại tệ dự trữ, không còn được người Hoa kỳ xem trọng. Nhiều thủ tục khó khăn đã được đặt ra như chỉ được mua hàng của Hoa kỳ hoặc những xứ do Hoa kỳ chỉ định, dù giá hàng có mắc là bao nhiêu, như đường lối tháo khoán ngoại tệ nhỏ giọt... đã làm cho nhiều thương gia chán nản, phải tự rút giấy phép xin nhập cảng của mình.

Những khó khăn trong việc sử dụng viện trợ hầu như chỉ là những áp lực cho một mục tiêu mới của viện trợ: Việt hóa kinh tế, hay nói một cách khác, những đòi hỏi nơi người Việt một nỗ lực tự cứu và thêm nhiều hy sinh trong việc phát triển một nền kinh tế tự lực.

Một viên chức cao cấp ở Tòa đại sứ Hoa kỳ đã tiết lộ với một phóng viên ngoại quốc sẽ không thúc đẩy viện trợ khi Việt nam chưa thực hiện được những cải tổ, và ông ta liệt kê đại lược như hạ giá đồng bạc, hạn chế nhập cảng, gia tăng xuất cảng, phát triển sản xuất nông nghiệp và đầu tư nhiều hơn của tư bản nội xứ ở khu vực kỹ nghệ.

Với một nước vừa chậm tiến, vừa chiến tranh như Việt-nam, viện trợ của ngoại quốc là một liều thuốc sinh tồn thường trực, và khi mà ta không chống lại được những áp lực của nó, đã có không ít dấu hiệu « Lý của kẻ mạnh luôn luôn thắng »

Trong suốt hai năm 69, 70, chính phủ Việt-nam đã đạt đến nhiều biện pháp và quyết định quan trọng về tài chánh và kinh tế. Thủ Tướng Trần Văn Hương đã được biết tiếng qua việc tăng giá gạo nhập cảng và gia tăng thuế phân xuất quân bình, nhưng « nổi tiếng » hơn cả là Tổng trưởng Kinh tế Phạm Kim Ngọc với thuế kiểm ước 22-10-69. Tổng

thống Thiệu và Thủ tướng Khiêm sau đó thì không còn dấu điểm gì về đường lối kinh tế và tài chánh mới mà chính phủ phải theo, dù vẫn còn che đậy bằng những khẩu hiệu «tự lực tự cường.» Dân chúng trong năm 1970 đã phải đóng thuế nhiều hơn, và hàng hóa ngày càng thêm khan hiếm bởi chính phủ không nhập cảng và thương gia cũng không tha thiết gì đến nghiệp vụ này.

Quan trọng hơn hết, ta vẫn phải nói đến Luật Chương trình đã làm sôi nổi Hạ Viện và mở màn cho «giai đoạn bạo lực» thịnh hành tại chốn nghị trường. Một «đa số thâm lặng» đã bỏ phiếu ủng hộ dự luật này, mặc cho một thiểu số hò hét, phản đối. Dự luật này, nếu cuối cùng được chấp thuận tại Thượng Viện, sẽ là bước tiền phong của một công cuộc cải tổ rộng lớn trong cơ cấu và định chế của nền kinh tế tài chánh Việt-nam. Đáng kể nhất là người ta dự định thành lập thị trường song hành, một luật đầu tư hết sức «tiến bộ» và những vùng phát triển kỹ nghệ quan trọng cũng như một hải cảng tự do tại Cam Ranh.

Đây là những cải tổ lớn lao, và không một sự thay đổi nào mà lại không phải trả giá, nhất là một sự thay đổi vào một giai đoạn và tình hình đầy ý nghĩa như hiện tại.

Khi lý luận về việc Việt hóa chiến tranh, một chữ mà Tổng thống đổ ký, ông nói: «Quân đội Việt-nam dần dần mạnh và dần dần có thể thay thế quân đội Hoa-kỳ đảm đương những trách vụ chiến đấu.»

Lối giải thích này khó ứng hợp được về phương diện kinh tế, bởi lẽ chúng ta về kinh tế, ngày càng yếu và ngày càng phải lệ thuộc vào Hoa-kỳ.

Quân đội VNCH trong những năm qua đã được huấn luyện chiến đấu để cho một tương lai như ngày nay, nhưng dân chúng đã không được huấn luyện sản xuất mà chỉ được tập quen thói tiêu thụ.

Người Hoa-kỳ thường đã nhân danh Điều 4 của Tổng Thống Truman đề đi viện trợ giúp các nước chậm tiến «phát triển về kinh tế.» Đường lối viện trợ của họ, tuy nhiên, lại chỉ khiến cho những nước nghèo đói lệ thuộc về kinh tế.

Hãy nhìn đến một vài thực trạng phát triển của nước ta:

Chiến tranh đã làm cho nhiều ngành sản xuất nông nghiệp và kỹ nghệ bị tê liệt. Một số lớn nhân công trở nên thất nghiệp. Những người này, cùng với dân tỵ nạn chiến tranh từ các làng mạc nguy hiểm kéo lên đô thị, tạo thành một ngành hoạt động cung cấp dịch vụ cho Hoa-kỳ. Sự tê liệt sản xuất, cùng sự gia tăng chi tiêu do sự hiện diện của trên 600.000 quân đội ngoại quốc đã khiến lạm phát bắt đầu đe dọa. Để chống lại

lạm phát và trang trải một ngân sách gia tăng, người ta đã tung viện trợ để nhập cảng ô-át. Việc chế ngự tiêu thụ bằng hàng hóa chỉ có thể làm chậm lại tốc độ lạm phát, và người ta vẫn cần nhiều hàng hóa hơn, chính phủ vẫn phải in tiền ra để cho dân chúng chi tiêu. Cùng lúc đó, khu vực tam đẳng, thương mại, ngân hàng, bảo hiểm càng bộc phát chung quanh ngành nhập cảng.

Quả thật nền kinh tế của ta đã phát triển trong những năm qua nếu nhìn đến sự « phồn thịnh » của thủ đô, qua mức sống của những kẻ sống trong khu vực ảnh hưởng bởi người Mỹ. Tuy nhiên, sự « phát triển » này đã không có một căn bản bình thường, nghĩa là dựa trên ngoại viện và khu vực tam đẳng.

Một khi ngoại viện chấm dứt, hoặc sút giảm, sự phát triển này sẽ tức thời sụp đổ.

Trong những năm qua, số viện trợ để phát triển kỹ nghệ chỉ vào khoảng 1/3 số viện trợ kinh tế tổng cộng. Số viện trợ này chỉ vừa đủ để tái thiết các xí nghiệp bị hư hại trong cuộc tổng công kích Mậu Thân cùng việc thiết lập những hạ tầng cơ sở như làm đường xá, thương cảng, sân bay... Những sản xuất trong khu vực kỹ nghệ thật không có gì đáng kể. Về nông nghiệp, mức sản xuất lúa gạo cho đến nay vẫn chưa đủ khả năng tự cung. Việc sản xuất cao su lại gặp nhiều khó khăn ở vấn đề giá cả thị trường quốc tế.

Dĩ nhiên người ta không thể để cho tình trạng tê liệt này kéo dài quá lâu, nhất là chúng ta đang rấp rãnh ở cửa ngõ « hậu chiến. »

Tuy nhiên, dân chúng cũng không thể một sớm một chiều bắt tay vào việc sản xuất trong khi không có lấy một phương tiện tư bản, kỹ thuật, quản trị. Họ cũng không thể nhịn đói để sản xuất—trừ phi đó là số phận của những người nghèo.

Vấn đề thời gian cùng nội dung của việc cải tổ sẽ khiến cho những chương trình và kế hoạch của Hoa-kỳ và chính phủ khó thành công.

Nền kinh tế Việt-nam vào giai đoạn nói chuyện hòa bình của cuộc chiến bỗng nhiên trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Mức gia tăng của giá cả được ước tính là 8 phần trăm một tháng, nhưng sự mạnh tay của số thuế cùng sự khan hiếm của hàng hóa có thể làm suất gia tăng này lên đến 12 hoặc 15 phần trăm. Trong suốt sáu tháng qua, người ta đua nhau nói chuyện đồng bạc phá giá, và tâm lý đầu cơ trục lợi càng bằng trưởng mạnh. Đồng bạc Việt-nam đã phải chịu một hối suất đen là 400 đồng ăn một Mỹ kim.

Đòi hỏi một sự phá giá đồng bạc vào lúc mà giá cả chỉ có một chiếc

hướng là gia tăng là bắt buộc dân chúng đóng góp và hy sinh thêm nhiều, cho mục tiêu nào thì chưa ai chắc chắn: cho lính Mỹ được dồi rộng rãi chăng? Mục đích có vẻ ích kỷ nhưng chưa phải là một giả thiết bị loại bỏ; đề gia tăng xuất cảng chăng? Vấn đề đặt ra là chúng ta có gì đề xuất cảng cho có lợi, bán cho ai, thu được bao nhiêu ngoại tệ, và phải hy sinh bao nhiêu cho công cuộc đó; đề khuyến khích đầu tư quốc nội chăng? Việc đầu tư hay phát triển không phải chỉ do một hời suất trong đoản kỳ thích hợp mà thành. Chưa ai bảo đảm hời suất đó sẽ đứng vững lâu dài, trong khi những điều kiện thích hợp thực sự cho việc đầu tư ta vẫn chưa hội đủ sức hấp dẫn tư bản nội xứ. Một luật đầu tư dù tiến bộ đến đâu, nhưng không khí tổng quát vẫn còn nặng nề, thị trường không ổn định, tình hình công nhân vẫn tiếp tục khản trương, thì không một người có tiền nào lại dám đề cho tiền bạc của mình phiêu lưu.

Một khía cạnh ngang trái khác của cuộc Việt hóa kinh tế là sự bất tương thuận giữa hai cuộc Việt hóa song hành.

Rõ rệt cuộc Việt hóa chiến tranh sẽ tạo thêm cho chính phủ những khó khăn kinh tế lớn: đó là sự thu hẹp của khu vực Hoa-kỳ nói riêng và khu vực ngoại quốc nói chung. Nói một cách khác sự rút lui của quân đội Hoa-kỳ sẽ tạo một khoảng trống cho khu vực dịch vụ, thương mại và ngân hàng, vốn là máu huyết sống còn của nền kinh tế của chúng ta trong những năm chiến tranh.

Vì thế nên chính phủ đã không ngớt đòi hỏi gia tăng viện trợ để ứng phó với sự thay thế quân đội Đồng-minh.

Tuy nhiên, Việt hóa chiến tranh hay Việt hóa kinh tế lại chỉ là hậu quả của một tình trạng kiệt quệ ý chí của những người viện trợ. Rõ rệt người Mỹ không có ý gia tăng viện trợ một cách đáng kể và đề những gánh nặng quá sức đó cho dân chúng Việt-nam gánh chịu.

Bởi nguồn gốc của cuộc Việt hóa kinh tế là nhu cầu «giải viện» của Hoa-kỳ, không phải là nhu cầu phát triển điều hòa của Việt-nam, nên người ta đã chỉ nghĩ đến việc bắt ép dân chúng phải đóng góp mà quên tạo ra phương tiện cho người dân đóng góp.

Điều khó khăn căn bản cho công cuộc Việt hóa kinh tế, dù cho đây chỉ là một cuộc cải tổ trên phương diện hình thức, định chế, là dân chúng không sẵn sàng chấp nhận những khuôn khổ mới, trong khi việc ép buộc dân chúng hành động trái với những động thái kinh tế thông thường sẽ là một việc rất nguy hiểm cho một chính phủ đang đi tìm thêm một nhiệm kỳ nữa.

Dân chúng đô thị đã được quen thói «nuông chiều» trong bấy lâu nay, tập

thói quen tiêu thụ những tiện nghi vật chất, tập lối làm ăn dễ dàng, biết cách đổi chợ đen đồng đô la xanh đỏ và biết đầu cơ, tích trữ.

Đó sẽ là những động lực thách đố lớn lao nhất, sẽ khiến cuộc « thí » giữa một chính phủ đang cố hữu lý hóa một nền kinh tế đã trót sa bước và một người dân cũng đang hữu lý hóa việc sinh lợi và bảo tồn nguồn lợi của mình có những kết cuộc không ngờ.

Không phải trong phút chốc người ta có thể thả xuống đất một đứa bé đang được ẵm trên tay và bắt nó đi một mình. Đứa bé chỉ có hai phản ứng: hoặc sợ hãi ôm xiết tay người ẵm hoặc sẽ ngã xuống đất sưng đầu vỡ trán.

THUẬN GIAO

TÌM ĐỌC :

ĐÂU LÀ CĂN NGUYÊN TƯ TƯỞNG? (hay Con đường triết lý từ Kant đến Heidegger) của LÊ TÔN NGHIÊM

Cuốn sách trình bày một cách tỉ mỉ và theo một phương pháp chính xác nguồn mạch tư tưởng của một triết gia thời danh nhất của thế kỷ 20, nhưng cũng lại là một triết gia khó đọc nhất từ trước tới nay.

NHÀ XUẤT BẢN TRÌNH BÀY



văn nghệ :

Đông du ký

NGUYỄN SA

1.

Trong năm phút nữa phi cơ sẽ đáp xuống phi trường Hồng-kông. Xin quý vị hành khách tắt thuốc lá và buộc chặt giây lưng. Hồng-kông đã hiện rõ ở phía dưới. Một năm cao ốc bao bọc phía Đông bởi biển, phía Tây những ngọn núi vồ vọi bí ẩn và đe dọa, phản chiếu lớp ánh sáng gắt của buổi trưa mùa hạ. Tôi dựa chặt lưng vào ghế, thót bụng thu nhỏ phần thân thể dầy cộm, nhường chỗ cho Trần dạ Tử trườn mình qua phía cửa sổ nhìn ngắm trong một giây ngắn quang cảnh một thành phố bị vây chặt bởi thiên nhiên và nhân loại, quang cảnh những ngôi nhà dươn chân cho thật cao như những cánh tay chơi vơi.

Người nữ tiếp viên Đại-hàn, da mặt dày, cằm vuông, mắt cười dâm dăng tiến đến gần nhắc nhở chúng tôi trở về tư thế bất động và buộc chặt cần thiết trong cuộc hạ cánh. Hai đứa ngồi yên. Những câu chuyện chúng tôi bàn thảo với nhau trong hơn ba giờ đồng hồ trên phi cơ,

trong yên lặng bỗng trở lại vang vọng. Phải nói vang vọng và đôi dặng, bởi vì, có những khẳng định trở thành nghi vấn, nghi vấn được tô đậm, tiếp sức bởi những nghi vấn mới, âm thanh được làm khỏe bởi im lặng.

Tại sao đi trở thành, với mỗi đứa bây giờ, một trốn tránh thêm khát, một giải thoát mơ ước, một hạnh phúc hiện rõ trong háo hức của bản thân, hờn giận của bằng hữu. Chúng tôi nói với nhau rằng thế hệ của chúng tôi, thế hệ này không còn là thế hệ của « một chuyến đi ». Quả thực chẳng bao giờ tôi cảm thấy mơ ước khi chết đi người ta sẽ mang da của mình ra làm chiếc va li. Cũng chẳng bao giờ tôi cảm thấy « phải đi », đi bất cứ đâu nhưng phải đi, phải giang hồ, phải gọi « gió ơi hãy cất lên », phải ngậm ngội trong đáy hồn sự réo gọi vô cùng của cơn đi chuyển không ngừng và lãng mạn. Nhìn sâu vào tận cùng những thúc dục và thể hiện của những cơn đi giang hồ được ca ngợi như một lý tưởng hay ít ra một lý thú tốt cùng

của cuộc sống bởi Nguyễn Tuân, được hát véo von «biên vô tận xá gì phương hướng nữa, Thuyền ơi thuyền theo gió hãy mệnh mông», bởi Vũ hoàng Chương, chẳng thể không nhìn thấy, trong cơn say lãng mạn đó, thiên đường đã mất, hạnh phúc đã vượt khỏi tầm tay, định mệnh đã tàn nhẫn quyết định. Đó không phải là tuổi trẻ đã mất, chẳng phải là vui thú vật chất không có hôm qua, bữa nay cơ hội lại tìm gặp lại, chẳng lẽ có hôm nay, rồi sẽ có ngày mai. Đó là cuộc đời chẳng bao giờ có, thế giới chẳng bao giờ có, vũ trụ chẳng bao giờ có, bởi vì đã có cuộc đời, thế giới và vũ trụ khác.

Cái cuộc đời của một đất nước thời bình nghĩa là hạnh phúc tận cùng, hạnh phúc tuyệt vời, hạnh phúc vẫn thường và dung dị, hạnh phúc của kiếp sống mà đam mê tình ái biến cố lớn lao nhất của một đời, hạnh phúc của tít báo tám cột vánh chèo những cuộc ngoại tình, tình cho cô Cúc và ông Huyện. Tình yêu hạnh phúc của đêm rét căm căm xuống Khâm-thiên đập phá, sáng giờ Hàn nội hô lên một tiếng cả bọn kéo nhau ra Sầm-sơn, hạnh phúc của sự nhàn rồi đến trống rỗng, những gì để lo, chẳng có gì để làm, trống rỗng hóa thân thành biển, thành mây, thành xe lửa, thành những chuyến đi miền quê, đến đâu thì đến, thành cơn say bộp chộp từ trí tưởng mà quyết định được cả tháng năm, cả một đời người. Giờ đi, với tôi, có lẽ với thế

hệ chúng tôi, chẳng còn là sự tìm kiếm lãng mạn, sự háo hức vô định, sự khoái trá trôi nổi mệnh mông. Trong cuộc đời mà sự sống đã là một xa xỉ, làm sao tôi tìm được những hạnh phúc, những mơ ước quý giá đó. Bây giờ, với tôi, đi chỉ là trốn chạy, trốn chạy trong giấy lát, ảo tưởng trốn chạy, ảo tưởng vượt thoát, nhưng đây, nó vẫn thế, vẫn thật sự là sự vượt thoát, sự trốn chạy, trốn chạy lo âu, trốn chạy bộ đồng phục, trốn chạy sự tức nghẹn, trốn chạy lửa, trốn chạy bom, trốn chạy sự chết chóc, trốn miếng cơm nhục nhả hàng ngày, trốn những tử nhục hàng năm hàng tháng. Đó là ảo tưởng của một cuộc bỏ trốn từ giam cầm đến tự do, từ hủy hoại đến toàn vẹn, từ địa ngục đến thiên đường, ảo tưởng nắm giữ một hạnh phúc ngăn ngủi mà cũng đủ hân hoan. Tôi chẳng nghe thấy ai nói anh đi như thế khô ghê. Phải chạy giấy tờ sây da sứt trán. Phải sống cảnh cơm hàng cháo chợ hàng tháng trời. Phải xa vợ con, bằng hữu. Chẳng nghe thấy ai nói đi làm chỉ cho vất vả. Một năm có hơn hai tháng hè, năm nay đã mất toi một tháng vì những xáo trộn xã hội, niên học gián đoạn rồi dĩ nhiên phải kéo dài để bù lại, còn có một tháng, đi làm cửi, ở lại anh em kéo nhau ra Vũng-tàu, anh em kéo nhau ra Bờ sông, bọn mình lại cười hô hố mỗi khi tìm ra một trò chơi đầy sáng tạo, mỗi khi viết xong được vài lá thư văn nghệ làm cho bọn sa đích văn nghệ, bọn Xuân tóc đỏ làm văn hóa diễn lên trong hiện

thù u tối. Tôi chỉ nghe thấy sừng ghê, câu được đi sừng ghê. Đó là mắt nhìn biểu lộ, sự im lặng hàm xúc, là những tiếng được nói rõ. Tôi nghe thấy âm thanh, nghe thấy tia nhìn, nghe thấy im lặng. Tôi đi sừng ghê. Đó là hạnh phúc tuyệt đỉnh, là may mắn vô cùng, là cái số độc đắc nhất được ngoài đường, là con ruồi ngáp được. Tôi nói với Trần dạ Từ là tôi đã tìm kiếm xem trong sự sung sướng đó có những hoa những trái nào, hạnh phúc ghê gớm đó được cấu thành bởi những thiên đường nào. Đó có phải là sự di chuyển, là thú vui của người du khách được nhìn ngắm những thành phố lạ, những núi sông mới, rời bỏ khung cảnh quen thuộc làm thức dậy một trí tưởng ngàng dài trong chán chường? Đây không phải là chuyển đi đâu tiên và cũng chẳng phải là chuyển đi đến những nơi đáng được ao ước nhất. Nhật-bản có lẽ có nhiều điều lý thú, để nghe, để nhìn, để sống. Nhưng Đài-loan và Đại-hàn chẳng thể mang ra so sánh. Ngay dù cho Nhật-bản, tôi nghĩ cũng chẳng thể làm mờ nhạt Ba-lê trong kỷ niệm vô cùng, không thể làm cho, trong trí nhớ, bầu trời côte d'Azur bớt trong sáng, mùa đông ở Bắc Âu bớt t-ắng và bớt lạnh, Ấn-độ bớt nghèo đói, Trung Đông bớt sa mạc. Đó càng không phải là cơm ngon, gái đẹp, mua sắm những vật dụng gây ra sự trầm trồ khi trở về, mang lại lợi tức nếu biết suy tính. Tôi không phải là một người không thích rượu ngon, gái đẹp, chẳng có được cái tác phong cốt

cách của nhà thơ biết ngoảnh mặt trước mọi lời cuốn của lợi lộc thế gian. Nhưng từ nhiều năm tất cả những thứ đó, rượu và đàn bà, trình diễn và tiền bạc, tôi vẫn đến với chúng, chúng vẫn đến với tôi, như những bạn hữu nhiều năm, bỏ chẳng được, nhưng đam mê sôi sục, thêm khát cháy bỏng quả thực không còn nữa. Công việc làm hàng ngày thì vẫn phải làm. Sờ lương cuối tháng vẫn ký, ở những nơi đòi hỏi chữ ký. Quần áo vẫn phải khoác lên thân thể, vẫn chọn lựa những chiếc lành lặn hơn cả. Anh em gọi đi đâu vẫn đi. Mỗi tháng, những tháng *Đất nước* ra đều đặn, cùng với anh em *Đất nước* ăn một bữa cơm ngon. Những chiều rảnh rỗi ghé qua nhật báo của Trần dạ Từ, Lê tất Điều, Bồ Hòn, Tú Kếu, anh em Martell bên quán, ghé tới vài ly, Martell một hai ly, bia nhiều hơn. Nhưng ăn đó là « ăn với anh em », chẳng còn là ăn ; uống là « uống với anh em », chẳng còn là uống ; du hí cũng là « du hí với anh em ». Tất cả vẫn là chiếc mũ cần thiết đề đội lên đầu, bộ quần áo trên thân thể, vật dụng bằng da ở dưới chân. Nhưng áo đã được bỏ ra ngoài quần, đôi dép lẹp kẹp đã được thay thế cho đôi giày nghiêm trang ở dưới chân, đôi giày, mà tôi nhớ Thảo Trường đã mô tả một cách tuyệt vời, đôi giày đầu tiên, đôi giày rung cảm, e thẹn của con trai mới lớn, dép đã thay thế chỗ của đôi giày, cũng như hơi thuốc lá chán chường không phải chỉ tới sau cuộc truy hoan, mà đã xen trong trận cười tươi sáng nhất.

Vả chẳng, nếu những thú vui vật dục, với những kẻ đạo đức cùng mình, những cậu mũ cao áo dài, những anh thầy giáo nghiêm chỉnh, chỉ dám tìm thấy trong những cuộc trốn tránh ở những vùng đất xa lạ, trốn trong sự vô danh, cải dạng với văn nghệ, tìm ở đó một đời cũng chẳng có tội lỗi nào. Có bằng hữu còn coi đó là dấu hiệu, là ngọn cờ, là yếu tính của văn nghệ. Tôi chẳng thích trình diễn, cũng chẳng sợ hãi. Chẳng coi thú vui, quả thực có những lúc mang lại thống khoái, cũng có lúc mang lại chán chường, là vinh quang hay là nhục nhã. Bởi thế, can chi phải đi sang Tàu, phải bay qua Nhật để tìm kiếm. Ao ước đã thành tập quán, còn lại gì đâu.

Bởi thế đi chỉ còn ý nghĩa đó. Phán đoán của anh em chỉ còn ý nghĩa có. Cậu sướng ghê. Mày được đi sướng ghê. Ban đêm mày có quyền đi lông nhông chẳng biết tới giới nghiêm. Mày có thể dừng lại ở ven một trái núi, bên một cánh rừng hoang vu, giữa một thửa ruộng lặng ngắt hái một cánh hoa, bứt vài ngọn cỏ, hay ít văn nghệ hơn, đá xuống đó một lần, chẳng lo âu chiếc máy bay sắp bay qua nhìn nhằm thành tên du kích lẻ, chẳng lo âu tay súng mai phục đâu đây nhìn thành tên thám báo đáng ngại. Mày có quyền nhìn chăm chập vào anh cảnh sát ngoại quốc chẳng sợ nó hỏi giấy hợp lệ quân dịch. Đúng, mày có nhiều quyền. Mày muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm, nói gì thì nói, nghĩ gì thì

viết, chẳng phải lo như thế sẽ phải đi quân đoàn nào, nhận lãnh những chiếc búa nào, những nhát dao thù địch nào. Đó là sự trốn chạy. Mỗi đứa chúng ta đều chán lắm rồi, đều ứ lên tận cổ, đều muốn vứt bỏ nó xuống sông xuống biển những tảng đá đeo thông thông ở cổ. Giặc giã chó gì giặc giã hoài. Lĩnh tráng ông đi đã bốn niên rồi, không lẽ cứ đi hoài, đến Tết nào đây. Tiền tệ gì lãnh về phào một cái đã hết. Thằng con sắp mười lăm tuổi đã phải lo cho nó đi lãnh thẻ kiểm tra cùng là lược giải cá nhân. Thành phố thì bầu thiêu, rác rưởi như núi, xe gán máy chạy như điên. Sống hôm nay chẳng biết ngày mai ra sao. Cuộc đời này sẽ như thế nào? Hòa bình sẽ trở lại. Dân tộc mình sẽ đỡ khổ cực, sẽ thoát khỏi cuộc đời như trâu như chó. Thằng làm thơ sẽ có quyền làm thơ khơi khơi, thằng thích máy móc sẽ có cơ hội làm việc với dầu, với than, với ống khói. Trẻ con sẽ có đủ chỗ học. Hay cuộc chiến này đã như thế, còn như thế, cứ như thế mãi. Thằng bố táo bôn vì động viên, thằng con cũng lại sắp tái mặt vì trại nhập ngũ.

Thế giới của quê hương này là thế giới của sự bất trắc và bỏ trốn. Thằng trên là nguồn gốc của thằng dưới, thằng sau là dấu hiệu của thằng trước. Muốn nói thế nào cũng được, muốn diễn giải làm sao cũng hay, sự thật vẫn chỉ có bấy nhiêu. Bất trắc và bỏ trốn. Thằng có thể một mặt dao to búa lớn, một mặt cho con cái, vợ lớn vợ nhỏ, đi tới những

vùng đất an toàn. Thăng có tiền thận trọng cho vợ con đi một cách ỉt ỏn ào hơn nhưng không quên, cùng với gia đình, gởi đi phần tài sản cốt yếu. Thăng không có thần có thể, chẳng có tiền bạc đầy kho, bắt được một cuộc đi du học, đi hội nghị, tạo ra một cái có chữa bệnh lằng nhằng gì đó, rồi đi biển luôn, nếu chưa bị buộc chặt bởi những sợi giây gia đình con cái. Thăng chẳng thể bỏ được vợ được con, chẳng có thần thể hay tiền bạc đủ, chẳng thể mở những cuộc trốn chạy dài hạn, bằng lòng tạm với những cuộc trốn chạy ngắn hạn, bằng lòng với ảo tưởng trốn chạy, dù chỉ một hai tuần, nửa tháng một tháng. Tôi nhớ K., một anh bạn dạy học nói với tôi cậu cứ nghĩ mà coi nước non gì mà thăng nào cũng muốn bỏ nước mà đi, làm sao mà khá. Tôi nghĩ không có sự kiện thăng nào cũng muốn bỏ nước mà đi. Người đang ngủ trong đồn vắng, bạn hữu vất vả vờng ăn bữa sáng lo, bữa chiều, thăng nghe con xin tiền mua sách ngồi im lặng ngậm ngùi, thăng xuống cầu lạc bộ uống bia sau khi nhìn khuôn mặt khoái trá của anh tu - bíp phê một cách hào hùng ba chữ đủ sức khỏe kèm theo nụ cười ruồi, những anh em đó làm gì có những mơ ước lớn thế. Mơ ước của những anh em ruột thịt của ta là mơ ước sống với vợ với con, mơ ước có sữa cho đứa nhỏ, có áo cho đứa gái lớn, có chút thịt, chút cá trong mâm cơm thường nhật. Mơ ước bỏ trốn, bỏ quê hương

này, bỏ đất nước này là mơ ước của một thiểu số. Nhưng, mơ ước vượt thoát được những đau khổ cùng cực này, đau khổ vì chết chóc, đau khổ vì nghèo đói, đau khổ vì đe dọa và sợ hãi, là mơ ước của tất cả. Trốn chạy, để khỏi phải nhìn thấy mặt của những túi nhục đó, là mơ ước của của tất cả. Anh khôn ngoan, có thể có tiền tìm ra được cách trốn chạy, tìm được cách di chuyển khỏi nước khỏi non, tìm sống hạnh phúc ở những nơi yên ỏn. Đồng bào đồng đảo chẳng biết làm sao, chẳng thể làm gì được chỉ biết mơ ước, mơ ước mà không dám hình dung ra cái giải đáp xa xỉ là tìm kiếm sự sống ở bên ngoài quê hương. Cho nên thấy một người đi đâu, dù đi luôn chẳng về, dù chỉ đi năm bữa nửa tháng sự mơ ước sự buồn bã liền ở đó. Cậu sướng ghê. Nghĩa là thể



là nó thoát. Thoát hỏn tên mũi đạn. Thoát thủ nghịch bốn phía. Thoát bất hạnh và khinh nhờn đề trên đầu trên cổ. Xét ngay chính bản thân tôi hỏi tại sao lại chọn lấy mấy tuần lễ di chuyển đó làm chỉ. Đó chẳng là tìm kiếm sự trốn chạy trong giây lát hay sao.

Trốn chạy trong khoảng thời gian giới hạn, nhìn khách quan, chỉ là ảo tưởng trốn chạy. Cường độ của khổ cực, kích thước của nhục nhã đã to đã lớn đến mức độ hẳn là phải đáng ngại lắm thì ảo tưởng được nhận biết là ảo tưởng mà vẫn được tiếp nhận với khoái trá vui mừng.

Anh em hãy tưởng tượng người đàn bà nói với ta: anh yêu tôi mà tôi không yêu anh. Biết rằng anh đau khổ, tôi cho phép anh đóng trò với tôi. Chúng ta đóng trò yêu nhau trong mười lăm ngày, sau đó anh lại trở về tư thế thất tình vĩnh viễn của anh. Cuộc đối thoại này tàn nhẫn và lỗ bịch bao nhiêu thì sự sung sướng của cuộc ra đi vài tuần trốn chạy như một trốn chạy giả có, kèm theo ray rứt cái ý thức về sự giả tạo, đau sót bấy nhiêu. Dù vậy, sự kịch cỡm, sự giả tạo, ảo tưởng hạnh phúc lỗ bịch vẫn được tiếp nhận...



Chuyển phần lực 720, phần lực cỡ trung, rời Hồng-kông sau một giờ nghỉ. Hai đứa tôi uống chút cà phê ở phi trường, vừa uống vừa ngóng ngóng nghe máy phóng thanh gọi hành khách lên đường, chỉ lo quên nghe, máy bay đi mất. Cái thích thú và cũng là cái phiền toái của phần lực cơ là nó đến thật mau và đi cũng thật mau. Lên phi cơ, tôi nhớ những chuyến bay đêm đường đi Âu-châu, chưa kịp chớp mắt đã bị đánh thức dậy vì phi cơ đã hạ cánh nghỉ bay ở một phi trường mới. Năm giờ chiều ở Bangkok, chín giờ tối đã Tân-đê-ly. Hai giờ đêm Karachi, bốn giờ sáng đã Tel Aviv. Dừng lại, chưa kịp nhìn người, chưa kịp nhìn cảnh vật, còn lóa mắt vì những ánh đèn khác lạ của phòng đợi của phi trường đặt chân tới lần đầu, đã cất lên tiếng gọi đã tới giờ bay. Cũng vậy, ăn uống trên loại phi cơ này là một sự nhồi ép. Chúng tôi khởi hành ở

Sài-gòn lúc mười một giờ sáng. Sau một giờ bay, ăn cơm trưa. Rời Hồng-kông lúc hai giờ, máy bay vừa lên tới độ cao cần thiết để di chuyển thẳng bằng những cô nữ tiếp viên lại dọn một bữa ăn trưa, dọn vội vã, hiển nhiên vì đoạn đường bay Hồng-kông Đài-bắc ngắn, không dọn mau không kịp xong bữa ăn, phi cơ đã hạ cánh mất. Cùng với những động tác nhẹ nhàng xử dụng những dao những nĩa bằng chất dẻo, xoay chuyển khay đồ ăn trên chiếc bàn nhỏ bé gần trước mặt, bóc những túi nhỏ đựng muối, tiêu cho đồ ăn, sữa, đường cho ly cà phê trắng miệng, tờ báo sắp làm, tờ *Tự Chủ*, tờ báo nghèo hùn vốn bởi anh em ký giả, tờ báo của sự trưởng thành, của sự làm chủ lấy mình, tình trạng của đất nước, cuộc bầu cử Hội đồng tỉnh tế nhật, Hội Bút Việt và những nỗi khổn khó của linh mục Thanh Lãng được Trần dạ Từ đề cập tới. Tôi tán đồng thâm lặng quyết định của bạn tôi về cái sự gọi là làm chủ lấy mình. Làm báo ở đất nước này là sự thù oán trùng điệp. Đã viết chẳng thể không nói, đã nói chẳng thể không gây ra những phiền muộn vô cùng. Làm chủ lấy mình, đánh bạc bằng tiền của mình, rồi có thua, ít ra cũng còn được nổi thống khoái của sự đốt pháo, sự thú vị ngao ngán khi tàn một cuộc chơi. Bấy giờ, hiện tượng làm chủ lấy mình đã khá phổ biến trong văn nghệ. Tú Kếu làm «Tin Vịt» và nghe như còn nhiều anh em khác đang muốn thử thách. Nền lắm. Đứng và nền lắm là những từ ngắn mà tôi và bạn hữu thường dùng, đề biểu lộ một cách

gọn và vui sự tán đồng. Bạn tôi nói dài và lâu, tôi tán đồng bằng những tiếng ngắn, thỉnh thoảng nhìn nó. Nhà thơ của *Tổ tình trong đêm* này mỗi khi nói thật kỳ lạ. Từ nói lắp. Thường thường những người nói lắp, khi cảm xúc, lúc câu giận sợ hãi, lúc say mê vội vã, thường nói lắp khòe. Trần dạ Từ những lúc hăng say nói điều gì lại nói thanh thoát, cho đến lúc gần hết ý, bèn nói lắp một hồi. Có lúc bạn tôi nói lắp tôi chợt nghĩ có lẽ đó là một trong những điểm làm cho chúng tôi hợp nhau. Hai đứa chúng tôi là hai thằng xấu trai nặng. Từ mặt đỏ, tôi bụng to như cái trống, mặt lăm lè khó thương, trông bơ sữa rõ rệt. Nó nói lắp âm âm. Tôi lúc chợt nói nhiều, lúc ngồi ỉ chảnh nói năng. Tôi không thích nói chuyện với những người lạ mặt, không thích bàn cãi gì với những người chưa có một tương quan tình cảm thân thiết. Nói chuyện với nhau là phải nói trong cơn sáng khoái, vui đùa hồ hởi, không cần giữ kẽ, đề phòng, không lo đối đáp ăn miếng trả miếng. Nói năng mà phải vất vả, về mẹ nó nhà chơi với con cho được việc. Từ nói rằng linh mục Thanh Lãng thật lạ. Ông xin cho một lũ người, gọi là phái đoàn, gồm mười lăm kẻ đi chơi lông nhông, xin một cách vất vả chạy giấy ngược xuôi mà ông không đi. Năm ngoái ông không đi, năm nay ông cũng không đi. Ai muốn đi, ghi tên, ông ấy lo giấy tờ, đưa ra phí trường, cười buồn nhìn anh em ra đi vui vẻ. Tôi nói đó là chưa kể đến những

phụ cấp lo âu như lo cho những thằng như bọn mình. Tôi nghĩ đến đôi mắt thắc mắc của ông chủ tịch Bút Việt nhìn tôi khi tôi cho ông biết rằng phái đoàn cứ đi trước, mấy ngày sau hai đứa tôi mới đi được. Ông ấy nghi ngờ tôi. Nghi ngờ là đúng. Năm ngoái, hồi tháng 9, Bút Việt cử một phái đoàn đi dự Hội nghị Văn Bút thế giới lần thứ ba mươi sáu ở Menton, Pháp, gồm năm sáu người gì đó, có tôi. Đi Pháp là một miếng ngon. Tôi chỉ nói với Thanh Lãng (xin được dùng hai chữ Thanh Lãng thay vì linh mục Thanh Lãng cho thân mật và cũng tiện việc văn nghệ), vâng tôi chỉ nói với Thanh Lãng là cho tôi đi với vào khoảng một tháng trước khi xin giấy tờ. Thanh Lãng mang vấn đề ra thảo luận với ban chấp hành Hội, anh em có lòng yêu, mọi người đều thỏa thuận. Khi giấy tờ xong, các anh em đã phải khổ công tìm kiếm, đục đã tôi ra ký cái tên lằng nhằng vào một tờ giấy mà làm cái thông hành. Trước lòng tốt của bạn hữu, tôi không đủ can đảm nói trắng ra rằng tôi không đi nữa. Tôi không dám nói, và nói cũng chẳng ai tin là tôi vẫn còn thèm đi lắm, nhưng vợ tôi nó chẳng muốn tôi xa như thế, lâu như thế. Hôm thì đưa con trả lời điện thoại bố cháu đi vắng. Hôm thì tôi nhẩn nhó kêu cúm cũng là sốt rét rừng. Tôi nghĩ rằng những trò hề đó chẳng làm ai tin, mọi người nhìn da mặt đỏ hồng hồng của tôi bằng cặp mắt phiến muộn. Năm nay giấy tờ xong rồi lại đỏ ra cái củ tôi chưa đi hôm nay,

mấy bữa nữa tốt ngày tôi mới đi. Máy bay đi rắc rối lắm, không coi ngày chọn tháng cho hợp với tuổi là không được! Thanh Lãng nói với Trần dạ Từ là nghỉ tôi lừng khừng không đi quá. Nhưng phụ cấp lo âu gây ra bởi những đứa nhỏ nhằng như tôi chắc chắn làm phiền lòng Thanh Lãng không ít. Thanh Lãng vẫn tiếp tục tiếp nhận sự khó tính khó nết văn nghệ của anh em với khuôn mặt và nụ cười kiên nhẫn. Vai trò của một người làm hội hè văn nghệ nhất là lãnh nhận chức vụ chỉ huy trong một hội hè văn nghệ thật khó. Tôi nghĩ nếu tôi làm chủ tịch cái Hội văn nghệ đây vất vả đó thì mỗi năm khi xin giấy tờ xuất ngoại từ công phu như thế có nhiều phần chắc là tôi xin cho tôi trước. Tôi không biết các anh em làm văn nghệ có tâm hồn vị tha, hy sinh cho đồng loại, hết lòng vì công việc chung, có tấm lòng bao dung, quảng đại đến mức độ nào, sẽ hành xử ra sao mỗi năm khi có việc lo giấy tờ xuất ngoại, riêng tôi, tôi không tin là tôi có đủ sức khoẻ tinh thần để làm khác. Xin đi là tôi phải xin đi cho tôi chủ tịch cái đã. Nếu có thì giờ xin thêm cho anh em, ít ra anh em cũng phải đỡ công khó, cũng phải nai lưng ra chạy giấy cùng với tôi. Anh em chờ ở nhà tôi mang giấy lại cho anh em ký, dục anh em đi, chắc anh em phải chờ nhiều Tết lắm. Năm ngoái Thanh Lãng không đi, năm nay ông ấy không, đi, lạ nhỉ, Từ nói. Từ hỏi theo ông thì tại sao ông ấy không đi, Chủ tịch đi là quyền rồi, tại sao không đi dài dài như thế.

Tôi cũng chẳng biết lại sao. Chỉ biết theo lời trình bày của Thanh Lãng là khi đi xin xuất ngoại cho anh em như thế, nếu mình không đi thì lời xin, tiếng nói có giá hơn. Với nhà nước, anh có quyền nói hách đi đây không phải là đi chơi. Chứng cứ là tôi không xin cho tôi. Lý lẽ thâm sâu nào khác, nếu có, tôi chẳng biết. Nhưng tôi biết chắc rằng làm hội hè văn nghệ ở đất nước này thật có một nghìn cái khó, một vạn cái khó. Có lẽ vì bản chất của hội hè văn nghệ và sinh hoạt chính yếu của văn nghệ là sự sáng tạo là hai thực thể hoàn toàn tách biệt, như sự tách biệt đến cõi rẽ của những thực thể của Descartes. Sáng tạo khác với mọi sinh hoạt nghề nghiệp khác bởi nó chính là sự cô đơn gần như tuyệt đối, không thể trông cậy vào sự giúp đỡ nào của tập thể nghề nghiệp. Anh làm việc trong một xưởng máy, sự thảo luận với đồng nghiệp, sự cộng tác của những chuyên viên khác chắc chắn giúp anh điều hành được guồng máy hữu hiệu hơn, sửa chữa mau lẹ hơn, bảo trì đầy đủ hơn. Nhưng có một trăm anh em, có một nghìn người bạn, những người đó chẳng thể đứng ở gần, ngồi ở bên đề cùng anh bàn soạn về sự chọn lựa một hình ảnh, vớt một chữ lấy một câu. Tất nhiên, tác phẩm một khi hoàn thành, có anh có em, ta sẽ tìm được chỗ in tốt, tác phẩm sẽ được đón nhận, bởi dư luận, với sự hỗ trợ của anh em một cách thuận lợi. Và cũng tất nhiên hữu ích này sẽ trở thành một tai họa nếu sự có anh có

em đó mang sắc thái của sự kết bè kết nhóm như một gian nhân hiệp đảng để thực hiện những cuộc đề cao hợp tấu, bồi lộ quy mô như ta thường thấy trong cuộc đời văn nghệ những năm gần đây. Sự có anh có em đó như vậy chỉ mang lại ích lợi ngoại vi văn nghệ. Văn nghệ đích thực là sự sáng tạo, sự hình thành tác phẩm. Hội hè, anh em, những cái gọi là sinh hoạt văn nghệ, ngoài sinh hoạt sáng tạo, là những sinh hoạt ngoại vi văn nghệ. Là những ánh đèn, là sân khấu, không phải là chính vũ điệu. Cho nên hội lập ra, anh em nề thì vào. Vào rồi đề đó, lâu lâu lại thăm nhau là quý, Còn ba cái vụ họp hành, bầu bán chẳng thấy mấy người thiết tha, góp vào đó tâm lực. Đó là chưa kể hàng lô những khó khăn khác. Văn nghệ có già và trẻ, tiền chiến và hậu chiến, có nhóm này và nhóm khác, có nhà văn thuộc về một nhóm và nhà văn độc lập, có dân thân và viễn mơ. Có những anh em làm văn nghệ ồn ào, có người trầm lặng, ăn dật, có anh em lỏng lẻo như mặt trời mặt trăng, người khác lặng lẽ phơ phất như loài cây vút cao đứng một mình trong rừng sâu. Nhưng ở trong hội, nhà văn nào cũng là nhà văn, nhà thơ nào cũng là nhà thơ đúng theo quy tắc xi nào cũng là xi. Người nào cũng là hội viên, cũng là lá phiếu, đó là sự bình đẳng tuyệt đối của sinh hoạt dân chủ mà hội hè là một hình thái thu nhỏ. Không có nhà văn lớn và nhỏ, trên và dưới. Cho nên người không quen với hội hè văn nghệ sắp đặt trong trí tưởng

một ban chấp hành của hội văn nghệ này và hội văn nghệ khác trên tình cảm yêu mến văn chương, qua sự phán xét của nhãn quan văn nghệ. Nó xếp đặt nhà văn này đã đời mới tiêu thuyết của ta nhiều hơn cả nó phải đứng đầu hội này mới xứng, nhà thơ kia sáng chói, nó hiền nhiên phải ngồi ở chiếu trên ở hội kia. Không trải chiếu hoa ra mời những anh em mà tôi quan niệm là giỏi là tốt ngồi vào tức là các anh đã đánh bạc lận, các anh phe phái nặng. Nhưng bình tâm mà xét, ta chẳng thể tự hỏi ai làm cái dịch vụ mời mọc, ai làm cái công tác ghê gớm là trải chiếu hoa. Mỗi người đều có quyền ném sự đứng đĩnh vào sự khinh khỉnh, mỗi người đều có quyền đóng trở nhà văn lớn, đều có quyền ném vào anh em đóng trở nhà văn lớn kia sự thách đố tan vỡ: tại sao tôi lại phải mời mọc anh, anh là cái giải gì ở đời này. Cho nên bầu bán ở hội hè không phải là phát giải thưởng văn chương, không phải là tuyển lựa hoa khôi hay lực sĩ. Cái anh này tôi thấy hòa nhã, tôi thấy có vẻ phục vụ anh em, có vẻ tương đối biết làm việc chung, tôi bầu cho nó, giao phó công việc hội cho nó. Hội hè văn nghệ cũng như mọi hội hè khác là sự hổ tương, là sự chấp nhận lẫn nhau. Kẻ biết cái cần và quý của sự hổ tương biết chấp nhận kẻ khác, thường được chấp nhận. Nhưng người phán xét lại thường quên cái sự hổ tương nhân bản, cái tình cảm con người của các anh em làm văn nghệ trong

giao tình, đổ kỵ và chấp nhận, hiềm khích và bao dung, thường chờ đợi sự xuất hiện của một hội hè văn nghệ như một bản phong thần văn chương, một triều đình văn nghệ mà sự phân phối chức sắc tỷ lệ hợp lý với giá trị tác phẩm, sự trái ngược giữa thực tế và sự không am hiểu đúng thực tế văn nghệ đó là nguyên nhân của những phán đoán khe khắt về những hội hè văn nghệ và những anh em đứng mũi chịu sào trong những hội hè tư đó. (1)

Tách cà phê uống hết ở trước mặt được lấy đi. Chúng tôi đưa cho nhau thuốc lá. Châm lửa. Tiếng nói yêu cầu dừng hút thuốc được cất lên. Đai-bắc đã hiện ra đầu đó. Tắt thuốc. Im lặng. Mỗi đứa nhìn về phía trước mặt. Ghế

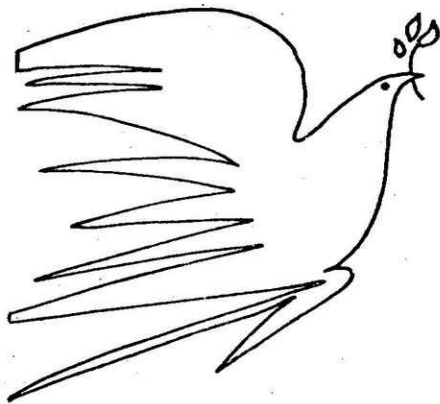
và đầu người, cửa sổ máy bay và máy phóng thanh, khuôn mặt nữ tiếp viên Đại-hàn dầm dăng và đần độn mờ đi nhường chỗ cho khoảng trống, từ đó mọc lên, như trời nổi trên mặt nước nào khuôn mặt lặng lẽ, đôi mắt buồn mệt mỏi của Thanh Lăng lên cơn sốt trước ngày chúng tôi ra đi. Đòi bánh lớn của phi cơ đã chạm mạnh vào phi đạo. Vài phút ngắn di chuyển trên mặt đất rồi máy bay khựng lại.

Cánh cửa phía sau máy bay đã mở. Chúng tôi bước vào thế giới của Vương Mỹ Lệ.

(còn tiếp)

NGUYỄN SA

(1) Xin phân biệt hội tư và các cơ quan văn hóa nhà nước.



NGÔ KHA

mùa xuân ánh lửa mặt trời

bởi tình yêu đã mang về với gió
thổi từ thung lũng của bạch dương
nơi ngọn đồi tử thần
ta đã băng qua cùng ký ức về xác chết
ở khoảng trời điêu tàn đang chấp cánh
hay trên các khóm rêu mù
những bước chân không về đã thủ ấn xanh
vào tháng ba
trời đang ươm tơ trắng
viển lên những thảm nắng hồng
em treo ngược nỗi buồn trên lưng cánh diều
đưa ưu phiền ta đi thật xa
ở một bìa rừng
con sột đấp lên mình lá thẩu dầu
yên lặng xếp các trường canh trên mặt đá
với cỗ xe nằm chết ở cuối đường
đàn bò khoang đeo lục lạc vàng
khua leng keng lời rao giảng
để xua đuổi cơn hôn mê
trong lòng gốc cổ thụ
xin em nhớ hàng bạch dương đó
đang phi ngựa trên đỉnh các tầng cây
còn ta thì tĩnh mịch trên con đường
với vết thương mờ dần ấn tượng
trong tiếng kêu nghe vô động thời gian

bầy chim đầu cành cứu xét niềm hy vọng
mỗi ngày
bên đóm cỏ tranh
người khất sĩ đợi chờ từng giọt sương vô định
khi tiềm năng đã hiện thành ý thức
theo lời hứa mùa xuân quấy gót hồi hương
ta trông thấy lũ trẻ mục đồng
mang tù và và chiếc điều cày
trên đường đi ngược về thành phò
ta bắt gặp niềm thanh thần của khu rừng
sự vô cầu của giòng suối
khi núi biếc cũng âm thầm vận chuyển
đưa thanh xuân về những thôn xa
khi cơn đau chín muối
tập tành vũ khúc
ta mở cửa huy hoàng
cho sân khấu một bình minh
bằng trái tim nôn nao hay bằng ước vọng
người đã ra đồng gieo những hạt bông
ta trông thấy đất đai hiển thực
sông núi trữ tình
người ôm đau cũng lên đường
cùng ngô khoai ngô ý
khi cánh quạt mở tung mùa nắng
người lính canh về trong lớp áo nông phu
khi tình yêu thổi bùng lên cơn gió
giữa mùa xuân ngọn đuốc mặt trời.

NGÔ KHA
Tháng 2-70

NGUYỄN QUỐC THÁI

Đà lạt

gửi Quang

Đà lạt buồn ngủ
đà lạt chạy nhảy, đà lạt khóc, đà lạt cười
đà lạt uống cà phê
đà lạt mặc áo len
đà lạt núi
đà lạt rừng
đà lạt răng khênh
đà lạt rơi trên trái tim
trái tim thông nâu
rơi trên suối, rơi trên đồi
rơi trên lá mục, rơi trên cỏ xanh
rơi trên tóc đen, rơi trên đường vòng
rơi trên couvent des oiseaux.

Mùa đông đắp chăn ngủ
đà lạt đắp chăn ngủ
couvent des oiseaux đắp chăn ngủ
em đắp chăn ngủ
hờ hững
mỉm cười.

Sớm mai cảnh thông xanh
mây đậu trên cành thông xanh
đà lạt thức dậy trên cửa kính

couvent des oiseaux thức dậy trên đồi
em thức dậy trên giường
sớm mai thức dậy trên chân em
trên ngực em
sớm mai thức dậy trên miệng em
hờ hững
mỉm cười
sớm mai rừng mình.

Em mặc áo len xanh đèn trường
đà lạt ngái ngủ trên mi
couvent des oiseaux xanh
tiếng chuông len lỏi trong vòm thông
bonjour ma soeur
bonjour cỏ, bonjour chim, bonjour nắng
bonjour bàn ghế, bonjour sách vở
bonjour hờ hững, mỉm cười.

Những núi đá nở nang dần chắc
những rừng thông mềm
đà lạt vuốt ve em
đà lạt vuốt ve trái tim mới lớn của em
đà lạt khôn ngoan
đà lạt sành sỏi
em hong nắng ven hồ xanh buổi
em nằm ngủ dưới chân thác kiêu căng
em dậy học trên đồi yersin
em tập trẻ thơ vui chơi ca hát
ngày chậm rãi rơi trên rừng thông
ngày chậm rãi rơi trên couvent des oiseaux.

Đà lạt dỗ dành em quên lãng
quên lãng xứ sở em lắm than

quên lãng bằng hữu em nghèo nàn
quên lãng sài gòn
quên lãng phú thọ
quên lãng mở hội chọi nằng
quên lãng ta yêu em tha thiết
rối một đời người
trái thông rơi lạnh lẽo.

đà lạt dậy bảo em yêu mền
những thìa, những đĩa, những dao
những áo đầm
những ma soeur áo trắng
tính nhảm trong kinh nguyệt
cộng, trừ, nhân, chia, bách phân, tạp số
con chim sẻ già nhặt lúa trên nương

Chào mừng đà lạt don quichotte
chào mừng ma soeur don quichotte
chào mừng couvent des oiseaux don quichotte
chào mừng thác hung hăng
chào mừng núi cục cằn
chào mừng rừng nham hiểm
chào mừng chim muông
chào mừng em đi xa
những ngày
những tháng
những năm
rụng dần mòn gập gờ.

Đà lạt buồn bã trong đời ta.



TRANH MỘC-BẢN ĐẦU THỀ-KÝ XX

Hình trên : HÁI RAU MUỐNG

Hình bên phải : VỚT BÈO

Sưu tập NGUYỄN KHẮC NGŨ



NGUYỄN SA

Tu

Thiên đường cách một dòng sông
Cách hai ngọn núi mây vùng sương sa
Ta nằm trong động trông ra
Chờ cầu em dựng chờ đồ em xuôi
Mùa đông thân gấu ta lười
Cánh chôn dưới tuyết tuyết vùi chiêm bao
Ta tu với rượu bỏ đào
Vội mây trên đó vội chiều dưới kia
Mặc cho Thượng đế lo xa
Nhìn ta buổi sáng chiều tà bỏ đi.

NGUYỄN SA

Giữa trời khuya khoắt

NGUYỄN NGỮ



Ra khỏi cửa trung tâm, băng qua quốc lộ, một tiếng hô lớn « thế thủ », tất cả đám tân binh la « sát » và tiếng cười đùa võ tung ra. Súng được cầm tự do, băng đạn được cầm vào, đại đội xếp thành hai hàng dọc tiến về bãi đất rộng phía trước. Kiến hỏi đồng hôm nay học bãi mô này. Một thằng nào đó trả lời, 29. Kiến lập lại con số và cố thử hình dung bãi học. Những ngọn đồi thấp lúp chup đá sỏi cây cối khô cằn, những vũng nước tù cáu đục hôi ngai ngái khó chịu, những khoảng đất rác bần, những mái tôn bị miếng trái phá xé nát bét từ nhiều cuộc pháo kích nào đó còn lại, những khuôn mặt mệt mỏi, dẫn độn, những bài học chiến thuật, những đầu tóc lởm chởm, mặt trời rực đỏ chói chang, mồ hôi ướt đầm trong áo quần nhăm nhịt cát đất. Tất cả đều như nhau. Tiếng la hét và tiếng nổ, mồ hôi và chữ thề, khát thèm, tục tĩu. Bãi 29, 30, 26, 25. Những bãi học, những ngày. Không biết đến bao giờ. Kiến

đổi tay cầm súng, mở bi-đông uống nước. Hân từ bên kia đường ghé sang đi sát vào Kiến cười cho em xin miếng, và ôm bình nước tu từng hơi dài rồi lấy thuốc ra mời, hai người đứng lại quyết lửa đốt. Con đường bắt đầu trải đất biên hòa chúi thấp dần xuống để tiếp vào chân đồi phía trước, vắt ngang lên cao, vòng quanh khu căn cứ Mỹ. Kiến hỏi cho có chuyện :

— Hôm nay học gì nhỉ ?

— Chiến thuật.

Hai người trở lại im lặng. Điều thuốc vừa hút được mấy khói, Kiến mỗi một ném xuống rãnh nước bên lề đường. Bất chợt anh nhớ bấy giờ trời đang mùa hạ. Những cơn mưa đông nửa đêm, hơi lạnh dịu dịu trong giấc ngủ và sáng sớm quang đãng, mặt trời rực rỡ thiêu đốt. Mùa hạ rồi. Hôm kia tình cờ bắt gặp giữa đám lá dương liễu u ám xanh đục trước cửa trung tâm hiện ra những tàng cây xanh mướt mát lành. Nỗi buồn quay quắt ủa đến cùng những niu kéo

mịt mù. Anh muốn nhắm mắt lại chạy băng qua khỏi đám đông này, cộng đồng này, chạy về đâu đó với tiếng cười đùa chơi vui, giòng sông, hàng cây, nhiều người, tiếng hát ru con của Liên, tiếng đũa trẻ bi bô trên chiếc ghế vải trước hiên, đám học trò sạch sẽ. Một lúc sau Kiến lại mỉm cười chế riễu mình và im lặng bước theo tiếng đếm nổi dài chán nản một hai một hai ba bốn. Hãy như một tên mù, như một thằng ngu, hãy như, như. Thuở trước tao là thợ nề, thợ nề là thợ hồ đó, sậu tao qua làm sở Mỹ, sở Mỹ lương cao lắm, tao có thằng xếp tên Robert...

Đi vừa được lưng chừng dốc, tự nhiên Hân xách súng cầm đầu chạy vượt qua khỏi hàng lính, đến đỉnh dốc hân đứng lại ôm ngực thở, chờ Kiến lên xin nước. Kiến hỏi :

— Sao ngu vậy, đi chậm có khoẻ hơn không, cứ đi.

— Tôi chịu không nổi. Đ. m. ngày nào cũng như ngày nào cứ cái dốc này, đ. m. tôi muốn bắn nát nó ra quá, leo lên leo xuống. Đ. m.

Nhiều tiếng cười chung quanh. Kiến im lặng uống ngụm nước, cho bình vào bao. Những đôi mắt nhấp nháy, những chiếc miệng mở toác ra và Hân đứng ôm ngực thở, mồ hôi chảy ràn rụa trên mặt trộn với cát bụi thành từng giòng đục ngầu xuống miệng

xuống cổ. Kiến nhìn quanh một lượt. Đồng đội. Đồng đội tôi đó. Tiếng nói của viên trung sĩ ồn ào mỗi buổi tối ngồi sinh hoạt. Bây giờ các anh không còn gì nữa, chỉ có nhau hãy thương yêu lấy nhau, chỉ có điều kiện đó mới giúp được đời sống các anh. Kiến lấy khăn lau mồ hôi, nhìn xuống con dốc nói nhỏ :

— Khoẻ rồi.

— Gì khoẻ?

— Xuống dốc.

— Đ. m. còn cái buổi chiều bỏ lên nữa.

Hai đứa lại chậm chậm đi bên nhau. Hân lại đem thuốc hút mời Kiến, anh lắc đầu. Suốt gần 10 tuần ở đây Hân là kẻ gần gũi với Kiến nhất. Hai đứa ở chung một trại, nằm chung một tấm poncho. Những đêm khó ngủ Hân tần mần kể lại đời mình. Hân là con trai độc nhất của một gia đình giàu có ở miền quê nhưng đi học quá muộn, rồi lên phố với sự nuông chiều của mấy người chị hân bỏ học đi long rong. Học xong cái lớp đệ tam, mười tám tuổi, tuổi của lệnh gọi động viên. Hân không đi trình diện rồi bị túm cổ dọc đường, đẩy vào đây. Ngay từ những tuần đầu hân đã gửi thư cho gia đình biết, nhưng mãi đến tuần thứ năm, hai người chị hân mới xách giỏ đến thăm. Trên bãi cỏ khu thăm nuôi những thức ăn được bày ra và ba người ngồi quanh gục đầu im lặng. Buổi chiều những thức ăn được

gói lại, Hàn mang vào trại, đội mắt đỏ hoe. Tối hăn rủ Kiến lên câu lạc bộ uống bia, Kiến từ chối, Hàn bỏ đi một mình. Lúc sau trở về nói cười ồn ào rồi nằm vật lên bụng Kiến ngủ, hơi thở nồng nặc mùi rượu. Hàn thường hay hỏi han về đời sống dân sự của Kiến. Lần nào Kiến cũng trả lời như đã trả lời những người khác, trước kia tao làm thợ nề, thợ hồ đó, rồi sau vào làm sở Mỹ, đ. m. lương một tháng chừ không bằng tiền ăn cấp một ngày lúc đó. Ban đầu Hàn tin, nhưng rồi sau một buổi thăm viếng hăn vào nói tôi biết rồi, anh không phải thợ nề. Kiến táng lờ, thế à. Buổi tối Hàn lại tiết lộ hăn có người chị nhận ra mặt Kiến trước có trọ trong xóm chị hăn. Kiến vẫn mỉm cười thế à chắc lại lầm. Lầm. Tôi cũng lầm mình. Toán lính đi trước dừng lại. Bải 29. Tấm bảng sơn đen, nét chữ trắng gầy gọn đứng giữa vùng cây cối nhìn xuống chân đồi. Phía dưới hàng chữ không biết ai đó chưa thêm một câu thơ sáu chữ, có lẽ do một sắp xếp tình cờ nên vẫn: Thịt trâu, rau muống, Phú-bài. Rải rác trên bảng nhiều vết đạn xuyên qua tròn vo. Kiến bỏ nón sắt xuống đất gác súng lên vai nói:

— Đi ăn cái gì đã nhĩ, đói quá.

Hàn gật đầu dạ rồi lầm lũi bước theo về phía đám con gái đang bày biện quang gánh lúc nhúc ồn ào. Ăn chưa xong tồ cháo tiếng còi viên trung sĩ dẫn đạo

đã ré lên và cây roi mây làm việc với tiếng chửi thề quen thuộc. Kiến trả tiền đứng dậy lên sắp hàng, Hàn đi sau bị mấy roi vào đít, hăn xách nón sắt chạy về đứng vào bên cạnh Kiến. Buổi học bắt đầu. Để phạt sự lộn xộn vừa xảy ra, viên sĩ quan huấn luyện ra lệnh tất cả khóa sinh gác súng lên vai, ngồi trệt xuống sỏi, đầu vẫn đội nón sắt thay cho nón nhựa. Tất cả im lặng làm theo, Kiến nghe Hàn nói gì đó lầm bầm; một thằng bên cạnh chửi nhỏ, đ. m. nó làm như người ta là c. không bằng. Bài học được kể lên bằng bảng phấn đỏ: Tiểu đội xung phong. và bài giảng bắt đầu với giọng nói nặng nề của viên sĩ quan sau khi giới thiệu cái kỷ lục phạt linh của mình. Kiến lơ đãng ngó về ngọn đồi phía trước. Bải 30 Đám lính xách cờ vàng đang tiến lên và lũ con gái bán rong lại thi nhau gánh hàng chạy đến. Phía trong những ngọn đồi xa kia nhiều chiếc trực thăng bay quanh quẩn chúi xuống và những tiếng nổ đi dưng vọng về. Minh sẽ đến đó dưới những chiếc phi cơ đó, trong những tiếng nổ đó và có thể chết, có thể mất bớt tay chân máu thịt. Anh tiền tuyến. Kiến quay lại nhìn vào bảng, mím môi lại thu hết chăm chú. Thôi đừng nghĩ gì nữa thêm mệt, không ích gì. Đ. m. sự đời đến đâu thì đến, mây cứ tin thế đi, có như mây mới thấy tận mắt cái khuôn mặt muôn màu

của chiến tranh, thế nào là kẻ thù thế nào là . . . thế nào là... Kiến mỉm cười vắn vơ. Những ngày cuối tuần về thăm Kiến, Trường thường lý luận huyền thuyên như thế suốt trong những giờ ngồi với nhau. Kiến nhớ đến bạn bè bây giờ đang rong chơi đầu đó, đang ngồi trong những lớp học, giảng đường; những ngón tay nổi gân xanh, những khuôn mặt dăm chiêu thâu nhận, đang tán gẫu, đang vui đùa, đang nói đến chiến tranh bằng bao nhiêu danh từ thật đau xót, diêm dúa. Chợt một tràng súng liên thanh nổ ròn phía trước, Kiến thoáng thấy một đám bụi mù và chẳng xác định được nơi nào. Toán lính vùng dậy ngo ngắc khi nghe những tiếng la bên đồi 30 vọng sang: Việt-cộng, Việt-cộng. Viên sĩ quan huấn luyện quay lại trấn an đám lính:

— Không có gì cả anh em yên đi tìm chỗ núp và chờ lệnh.

Một vài thằng lấp đạn lên nòng hờm sẵn. Kiến đứng im lặng nhìn về những ngọn đồi thoải thoải phía trước tìm kiếm, một lúc sau thấy có người chạy lúp xúp sau mấy lùm cây mọc dưới chân đồi. Một người lính mang quần áo trận, đầu đội nón sắt, tay xách súng M.16. Từ đồi 30 nhiều phát súng bắn theo với tiếng la Việt-cộng, Việt-cộng. Đạn cày tung đất chung quanh chân người lính. Hắn vẫn chậm rãi

chạy, rồi lại ngoái cổ nhìn lui. Khi hắn đến chân đồi thứ ba, viên sĩ quan huấn luyện bên này cho lệnh bắn. Một số súng không dùng được, còn bao nhiêu hỏa lực tập trung về phía trước nhắm vào cái chấm xanh di động đó. Bất chợt người lính quay lại bắn trả một băng. Tất cả đại đội nằm thụp xuống rồi lại loi ngoi trở dậy tiếp tục bắn. Hắn không còn chạy nữa, vừa đi từng bước một vừa ngoái cổ trông lại, bụi đất vẫn bị xới cày tung lên quanh chân. Những viên đạn lửa kéo thành từng vệt đỏ chạy dài đến. Hắn vẫn chậm chạp bước. Kiến thấy chóng mặt, hơi thở như đặc lại trong ngực. Anh ngồi xuống quay nhìn ra phía sau. Hắn sẽ chết. Một viên đạn nào đó. Kiến không dám nghĩ đến nữa. Chưa bao giờ anh tưởng tượng được một cảnh như thế. Một mạng sống đang chậm chạp làm bia đỡ đạn kia, đang ngoái cổ trông lại nhìn kẻ bắn mình, không lần trốn, chưa quy xuống. Súng vẫn ròn nổ. Hắn chạy đến ném cây carbine cho Kiến giành cây súng trường:

— Cho tôi mượn, đ. m. cái thứ carbine này, bắn không đến đâu cả.

Kiến giữ lấy cây súng, cơn choáng váng chập chờn lao đao trong đầu óc:

— Không.

— Thì mượn một chút, giặc

mà anh làm như chơi.

Nhiều đôi mắt chung quanh. Một thằng nào đó người miền ngoài, giọng nói nặng chũu :

— Thì cho nó mợn, để đạn rét làm gi.

Kiến buông tay, Hân giắt lấy cây súng chạy đi. Có lẽ hân vẫn còn đi còn ngoài cỏ trông lại. Sao không qua khỏi ngọn đồi, khuất vào bên kia. Sao không ngã xuống. Kiến cố làm bình thần lấy thuốc hút. Tiếng súng đã thưa đi và ngừng lại. Những tiếng la cười ồn ào. Kiến nghe có tiếng Hân : tao thiện xạ mà, đ. m. nó vào lỗ chiếu môn đội đỉnh đầu ruồi mà, đạn garant mới đích thế còn carbine làm gi, sức mảy mà mảy bắn trúng. Kiến vẫn không quay lại. Viên sĩ quan ra lệnh cho xung phong chiếm mục tiêu. Một toán tinh nguyện, súng kẹp ngang hông, xuống đồi vừa chạy vừa bắn xả về phía trước. Viên sĩ quan la hét gì đó rồi sai người trung sĩ chạy theo. Một lúc sau toán lính mang cây M.16 về, viên sĩ quan cười nói lớn :

— Đại đội này hách quá, còn trong quân trường đã lập được chiến công rồi.

Kiến đứng dậy tìm Hân, hân đang xách súng trở về chậm chạp đi sau toán xung phong một đoạn xa. Kiến đón đồi cây súng, tháo đạn trong nòng ra nói nhỏ :

— Thế này rồi lại phải thông nòng, lau chùi.

Hân cầm cây carbine tháo băng

đạn kéo cơ bằm, bóp cò, ngồi xuống trên miệng chiếc hố đắp cao, hút thuốc, nhìn tới mô đất phía trước, im lặng.

Buổi học bị bãi bỏ. Tất cả đại đội tản mác ra chung quanh đồi để phòng một vụ lộn xộn khác. Kiến trở lại ngồi bên hố cá nhân cũ. Đám lính bàn tán ồn ào phía sau về tin hai thắng Việt-cộng mới bị bắt, một thắng tiết lộ cho biết cả thấy có mười hai thắng, bốn tổ, chia đều hoạt động khắp trong vùng này. Tất cả đều là lính của một tiểu đoàn bộ binh vào học bổ túc, đào ngũ theo địch mang theo vũ khí cá nhân. Kiến quay sang thắng bên cạnh mỗi điều thuốc nói thì thầm :

— Gớm quá nhỉ ?

— Nghe đâu bọn này toàn dân Sài-gòn hết, nó khai bị một thắng Việt-cộng dụ dỗ sẽ dẫn đường đem về miền Nam nếu lập được chiến công.

— Thế à ?

— Bọn này đào ngũ từ tuần trước, chắc là đám bán hàng nuôi ăn quá.

Kiến đốt nỏ điều thuốc. Lần đầu tiên anh thấy sự chết chóc. Người giết người vui vẻ như một trò chơi trẻ nhỏ, rồi sau đó những danh từ, những tỉnh từ được khơi lên, trên xác chết, trên khoảng trống. Kiến tưởng đến khuôn mặt viên trung sĩ nhất già làm đại đội phó đại đội tân binh. Khuôn mặt mà hân thường xưng

là mặt lựu đạn. Máu da đỏ tía, đôi mắt ngầu đục long lanh. Ông đã nhìn được bao nhiêu người chết, sắp chết. Và lúc này đang đứng trước đám tân binh quân dịch la hét chửi thề, mắng nguyền về mình. Có thể một ngày nào mình như thế không. Hạ-sĩ Kiến, Trung sĩ Kiến, Thượng sĩ Kiến. Các anh đừng nhìn vào cái mặt lựu đạn tôi, mà nhìn về phía trước, vào cái khoen giấy súng, đ. m. các anh... Bây giờ và những ngày sắp đến dù muốn dù không mình cũng phải giết người, phải bắn về phía trước, phải nhìn kẻ chết. Kiến nghĩ đến một người đang nằm bên kia, âm thầm giữa nắng hè. Không bao giờ về được Sài-gòn với những con hẻm tối, những sinh hoạt lúc nhúc ở đó. Quê nhà hắt. Kẻ chết trong ngày lưu vong. Kiến chán nản cắn từng ngọn cỏ vừa bứt lên. Tất cả đang quay lộn mấp mờ trong đầu óc. Anh nhớ đến đứa con trai, người vợ, những kẻ không hay biết bây giờ anh ở nơi nào. Những lá thư mượn địa chỉ dân sự của Trường gửi về, anh vẫn kể chuyện học trò, chuyện những ngày chưa nhạt năm nhớ nhà và những lá thư của Liên, nét chữ mềm tròn trĩnh hiền lành. Nhìn nét chữ, nghĩ về con nhiều khi anh muốn ứa nước mắt. Biết đâu một mai nào cha nằm chết như kẻ bên kia. Không có ai là kẻ thù. Chết như một tình cờ khốn nạn. Và biết bao

nhieu sự tình cờ đang đón đợi. Kiến không dám nhìn lại phía sau. Những tiếng nói ồn ào tranh nhau cái vết đạn trên xác chết về phần mình, trách mình đem đi theo quá ít đạn. Một bàn tay thơm mùi đất. Có bàn tay nào còn thơm mùi đất đó không. Chiến tranh: tự do, công bằng, quê hương, dân tộc... Thật nhộp. Kiến lại quẹt diêm hút thuốc. Cỏ hòng đắng ngoét, khô quánh. Càng về trưa nắng càng chói chang. Mặt trời lơ lửng, cây cối lúp xúp lảm lì. Mồ hôi ướt vã khắp thân thể, da mặt nóng rát. Lệnh che trại. Một vài tấm poncho buộc vào hòng súng dựng lên. Những khuôn mặt thắm mệt chán nản lui tới. Bên kia đồi, trên bãi đất rộng, hai ba chiếc jeep đang tụ lại. Tiếng viên đại úy tiểu đoàn trưởng kêu gọi: Hồi anh em đã làm lỡ theo giặc hãy mang súng trở về... Kiến tháo poncho khỏi giấy nịt đạn tìm Hàn rủ cẳng lều. Hai đứa im lặng chống súng buộc giây.

Cắn lều dựng xong, Hàn nằm vật xuống trên mặt sỏi nóng hổi, ngó lên trần nhà. Khuôn mặt bơ vơ như vừa lạc vào một vùng không tiếng động. Hắt từ từ nhắm mắt lại. Kiến nói nhỏ, nhìn ra xa, dọc theo con đường đỏ quạch:

— Xe côm lên rồi đó.

Hàn chột ngồi dậy vừa nói vừa lắc đầu chậm chạp:

— Tôi ghê quá anh, ghê quá.

— Gì thế?

— Thắng tiểu đoàn hai đó. Tôi không ngờ, anh nè... Nó ...



Đại đội di chuyển về đến trại, tân binh ở các đại đội khác xúm lại để nghe kể tường tận hơn về vụ sớm mai. Nắng chiều vàng trên những ngọn cây. Bữa cơm nhạt nhẽo biếng trễ sau buổi tập hợp tối. Hân ngồi một mình hút thuốc trên mấy bao cát trước trại, Kiến chúi súng xong ra ngồi bên bạn :

— Sao buồn thế, chú nhỏ ?

— Tôi ghê quá.

— Có gì đâu, chiến tranh mà.

— Tôi không ngờ anh ạ, không hề ngờ rằng mình bắn mà có người chết, không ngờ súng đạn ghê tởm đến thế.

— Thế sao mày bắn ?

— Tôi bảo rằng tôi không ngờ mà, tôi ham vui quá. Ngỡ rằng bắn là bắn cho vui thế thôi, tôi không tưởng tượng ra cảnh người chết. Hân nằm trợn giọc mắt.

— Mà chắc gì mày bắn.

— Tôi biết chắc là tôi mà, tôi thấy rõ hai viên đạn lửa đi rồi viên thứ ba không còn tung bụi lên nữa, rõ như ban ngày mà.

— Thôi mà hơi đâu, chiến tranh không trước thì sau gì mình cũng phải giết người, không thì hân giết mình, mày không giết biết đâu hân đã giết mày rồi.

— Vô lý quá !

Hân im lặng ngó lung về bãi mìn bên ngoài hàng rào giầy kẽm gai, cỏ hoang mọc cao lên che phủ hết, vài ba chiếc lon không gỉang mắc rải rác. Bên kia bãi đất, một khoảng đồi rồi đến một thôn xóm xanh ngắt như một nỗi bình yên bất động. Nắng nhạt dần và bóng tối ngả sẫm xuống. Hân đứng dậy nhìn chung quanh, tay nhét vào túi quần đi về phía cổng tiểu đoàn. Kiến ngồi lại một mình lúc lâu trở vào trại đốt nến viết thư cho Liên. Vẫn những mẩu chuyện học trò, kể đến cái tên quen thuộc với Liên, thắng Trần văn Du giỏi sinh ngữ và nghịch nhất lớp. Kiến kể lại mẩu chuyện mà anh đã nghe Hân kể, một trò chơi của hân hồi còn học lớp đệ lục ở một tư thục, hân ghét cô giáo dạy Anh văn, và một hôm kia, trước khi cô giáo vào lớp hân lấy giấy đốt trên ghế ngồi, đến khi cô giáo vừa đặt đít xuống đã phải đứng bật dậy quai tay ra sau xoa quay quắt. Tên Hân được thay thế bằng tên Du và cô giáo sinh ngữ thay bằng cô giáo toán, món mà thắng Du đốt nhất Kiến không biết bây giờ Du có còn nghịch, và chắc Liên vẫn vừa đọc thư vừa vỗ nhè nhẹ vào lưng con, trên cánh tay đóng đũa âm thầm. Lá thư được gấp nhỏ lại và bỏ vào bì, địa chỉ đã ghi sẵn. Kiến xếp giữa lòng sách bọc nylon, thối tắt nến, nằm duỗi thẳng tay chân đợi giấc ngủ. Chợt có tiếng kêu bên ngoài :

— Anh Kiến. Anh Kiến, còn

thức đó không?

— Còn. Gì thế?

— Thắng Hân.

Kiến rung mình, ngồi bật dậy:

— Hân sao?

— Say.

— Lại say.

— Đ. m. nó làm ầm lên đây, không khéo cha trung sĩ nghe thì khổ thân thêm.

Kiến lần ra cửa, hai đứa đang kẹp tay Hân đứng đợi. Hân đang ngoắc đầu qua ngoắc đầu lại:

— Thả tao ra, đ. m. thả tao ra, say cái con chó gì đâu. Anh Kiến. Tôi không say mà.

Kiến làm dấu bảo hai người kia thả Hân ra và nói nhỏ vào tai bạn, thì thầm dỗ dành:

— Ủ, thì không say, thôi vào ngủ đi nào, mai còn học bài xa.

— Học với không học gì, dẹp đi đề tôi yên, say chó gì mà say anh cũng tin tôi say à, sức mấy

say sao tôi biết hết cả mà, tôi biết tôi đã giết người mà, chiến tranh mà.

Kiến cầm lấy tay. Hân. Hân vùng mạnh, giật ra bỏ đi lững thững về gốc cây phía trước, ngồi xuống tảng đá. Kiến đi đến, Hân ngừng lên, đôi mắt sáng long lanh trong bóng tối:

— Anh chưa ngủ à?

— Đợi mày đây.

— Tôi không ngủ đâu, đ. m. anh biết không?

— Biết gì?

— Đ. m. cuộc đời chó đẻ, chó đẻ bốn con, đ. m. cuộc đời mà, chiến tranh mà, tôi bắn...

Kiến cúi xuống thở dài. Khuôn mặt Hân lem luốc bóng tối. Tiếng nói đục ngầu khàn vỡ như từ một cuộn băng cũ đầu đó đặt trong một xó cửa không đèn, cuối căn nhà trống, giữa đồng không.

NGUYỄN NGŨ





tài liệu :

Đảng Báo Đen

HUEY P. NEWTON

Đảng Báo Đen do hai người bạn là Huey P. Newton và Bobby G. Seale thành lập tại Hoa-kỳ từ năm 1966 đã thu hút mạnh mẽ các thành phần tranh đấu hăng say và ý thức nhất trong cộng đồng da đen tại Mỹ hiện nay.

Khởi sự như một phong trào tự vệ, Đảng Báo Đen đã đưa ra một chương trình 10 điểm đòi hỏi quyền sống xứng đáng với nhân phẩm cho người da đen. Đảng đã phối hợp lý thuyết và hành động rất khéo léo và nhờ đó đã bành trướng rất mau chóng. Tuy nhiên, cũng vì thế mà các chính quyền Mỹ kế tiếp nhau đã ra sức đàn áp Đảng. Các lãnh tụ sáng lập hiện nằm tù vì những tội mà tòa án Hoa-kỳ không sao xác nhận được. Một số lớn bị ám sát hoặc phải lần trốn ra nước ngoài... Chính quyền tại Mỹ đã cố xuyên tạc các cố gắng của Đảng Báo Đen và bày vẽ trước mắt dân chúng hình ảnh của những con người quá khích nguy hiểm...

Bài sau đây do lãnh tụ Huey P. Newton hiện còn ngồi tù viết sẽ trình bày rõ những ý tưởng hướng dẫn và những mục tiêu thực sự của Đảng Báo Đen.

Huey sinh ngày 17 tháng Hai 1947 tại Oak Grove, Louisiana.

L.T.S.

ĐẢNG BÁO ĐEN là đảng của nhân dân. Chúng tôi thiết yếu quan tâm tới một điều, đó là : giải phóng mọi người khỏi mọi hình thức nô lệ để mỗi người sẽ tự làm chủ chính mình.

Lúc này người ta đã lao vào một cuộc đấu tranh giành quyền tự quyết trên cả hai bình diện chủng tộc và quốc tế. Ở khắp nơi, mọi người đều muốn thanh toán tên chủ nô lệ để giành lại tự do thần thánh. Mọi người nhất định phải lao vào cuộc đấu tranh này để kiểm soát những quyết định có ảnh hưởng tới mình. Một luận thuyết căn bản của cuộc tranh đấu này và cũng

là mục tiêu của nó chính là cái nguyên tắc : những gì mọi người xử dụng chung và cần dùng chung phải là sở hữu chung. Nói cách khác, mọi người cần phải tập thể quyết định rõ ràng những gì mình cần và phải chia sẻ đầy đủ những của cải mà họ sản sinh. Để đạt mục đích này, toàn thể việc quản trị chính quyền phải tùy thuộc mệnh lệnh của nhân dân, đó là một điều không xảy ra trong xã hội tư bản ngày nay. Nếu những nhu cầu của nhân dân không được đáp ứng bởi hình thức quản trị chính quyền hiện tại và lý thuyết kinh tế hiện tại mà chúng ta kêu bằng tư bản chủ nghĩa, thì cả hai hình thức này phải được thay thế.

Đảng Bảo Đen nhận thấy rằng hình thức chính quyền hiện tại và những định chế phụ thuộc của nó không chính đáng, là vì chúng không liên hệ tới nhân dân và không đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Bởi đó, chúng không có quyền hiện hữu. Đảng Bảo Đen nhận thấy rằng vì quyền lợi của nhân dân, những định chế mới, cả về chính trị lẫn kinh tế, cần phải được thiết lập, và những định chế cũ phải biến đi.

Trong thời hiện đại của chúng ta, với khoa kỹ thuật hiện hữu ở Mỹ quốc, không có cái cơ nào có thể bảo chữa cho việc nhân dân thiếu thốn cả đến những nhu yếu căn bản của đời sống, ấy là chưa nói gì tới tình trạng tâm thần mà

con người cần tới để sống qua ngày.

Người da đen đã bị áp bức quá lâu khiến chúng tôi quên mất cách quyết định ra sao. Chúng tôi mắc phải cái mà tâm lý học gọi là « cố định hóa ». Từ trước tới nay chúng tôi vẫn làm hoài một chuyện. Và đầu cho hoạt động này không đem lại bất cứ kết quả (hỏa đáng nào, chúng tôi cũng vẫn tiếp tục với những giá trị lỗi thời đó, những giá trị hoàn toàn mâu thuẫn với chính sự sinh tồn của chúng tôi chỉ vì chúng tôi đã bị huấn luyện từng chút một, đã bị nhồi sọ và hoàn toàn bị tước đoạt mất liêm sỉ. Ở nước Mỹ, cái nền tảng đích thực của sáng tạo đã bị bãi bỏ. Trở lại với cái tiền đề căn bản của tôi, giá trị của con người, mục đích của con người là được tự do và dẫn thân vào công cuộc sáng tạo sản xuất. Đây là cái tự do mà chúng tôi đang nói tới ; đây là cái tự do khiến cho cuộc đời đáng sống.

Đã tới lúc người da đen bắt đầu quyết định lấy những gì ảnh hưởng tới đời sống của mình. Việc này có vẻ như một điều dễ làm, nhưng thực ra không phải vậy. Mỗi người sống trong xã hội hiện đại đều bị chi phối bởi cả mối tương quan giữa mình với sản xuất (và tiêu thụ) lẫn mối tương quan giữa mình và người khác. Nói chung, người da đen đã bị loại ra khỏi một mối tương quan có ý nghĩa đối với sản xuất

và đã không được tham dự một cách xứng hợp vào việc tiêu thụ.

Thêm nữa, mối tương quan giữa họ và những người khác đã chỉ đưa tới sự áp bức trên phương diện xã hội cũng như kinh tế. Những điều kiện bên ngoài này đã đẻ ra những trạng thái bên trong. Nghĩa là những gì xã hội đưa ra để giải thích những điều kiện bên ngoài đó đã «nhập nội», và do đó ngăn cản người da đen cải biến về phương diện vật chất cũng như tinh thần. Freud đã nhận thấy rằng con người trở nên bệnh hoạn khi họ cảm thấy là họ không kiểm soát được đời sống của họ. Bởi thế, để giải phóng con người khỏi những thế lực này, ông đã phát triển khoa Phân tâm học, cố gắng làm cho con người ý thức được những trạng thái nội tâm ảnh hưởng tới cách thế xử sự của họ. Phân tâm học cho rằng một khi đã ý thức được những thế lực chi phối trong tiềm thức đó, con người có thể bước những bước đầu tiên tới việc kiểm soát chúng và những bước này là những bước khởi đầu tiến tới tự do. Đây chính là thứ tự do mà Đảng Báo Đen đang tìm kiếm.

Sự thật, sự thật đau đớn mà mọi người, dù đen hay trắng, phải hiểu rõ là hệ thống tư bản bao giờ cũng hoạt động cho quyền lợi những chủ nhân ông của công cuộc sản xuất, dầu đó là thứ chủ nghĩa tư bản cổ điển, tư bản nhà nước hay tư bản độc quyền. Chức năng của sản xuất là sản

sinh ra việc phân phối có kiểm soát để ra lợi nhuận. Bất cứ cái gì tốt đẹp do công cuộc sản xuất đó mà ra chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên thôi. Nói cách khác, không có sản xuất cho quyền lợi của nhân dân, mà chỉ có sản xuất cho lợi quyền của chính những kẻ sản xuất. Và như vậy, con người chỉ là một dụng cụ; con người được dùng để sản xuất, con người được dùng để thanh toán những sản phẩm của công cuộc sản xuất. Khi con người không sản xuất hoặc thanh toán sản phẩm được, hắn sẽ bị coi như một thành phần phản-sản xuất trong xã hội. Một dấu vết ô nhục gắn lên người những kẻ phải nhờ vả vào cơ quan cứu tế xã hội. Như thế họ là những người thù nghịch của nhà nước vậy.

Hình thức cùng tốt của chủ nghĩa tư bản, tức là hình thức mà chúng ta hiện có tại Hoa-kỳ ngày nay, hiện hữu ở nơi nào một nhóm người rất nhỏ nó lệ hóa một nhóm người khác đông đảo hơn để mưu lợi. Điều thiếu hắn trong hệ thống này là việc sản xuất hàng hóa (và cung cấp các dịch vụ) dựa trên nhu cầu của nhân dân, chứ không phải vì những mục đích kiếm lời. Lại nữa, trong hệ thống này, quảng đại quần chúng cũng không được tham dự vào việc định đoạt những sản phẩm nào sẽ được sản xuất, những dịch vụ nào sẽ được cung cấp hoặc những sản phẩm, những dịch vụ do cần

được phân phối tại đâu. Điều này gây ra việc phân phối bất bình đẳng và việc phân phối như vậy lại góp phần làm cho hàng triệu người phải khốn khổ và túng thiếu.

Việc sản xuất hàng hóa, và tiêu thụ chúng tạo lập nền tảng các mối tương quan trong xã hội hiện đại. Kể nào kiểm soát được công cuộc sản xuất và tiêu thụ là kiểm soát được hết mọi người trong xã hội. Bởi lẽ việc tư nhân nắm hết các phương tiện sản xuất có một hậu quả lớn lao đến như vậy đối với mọi người, nên phải hủy diệt nó. Ai cũng phải sống, và để sống người đó phải sản xuất. Nhưng trong một xã hội theo tư bản chủ nghĩa người đó không bao giờ sản xuất để dùng. Người đó luôn luôn sản xuất vì lợi, và đó là một tình trạng nô lệ.

Việc người da đen bị đưa tới xứ này để làm lợi cho giai cấp thống trị lúc đó là những địa chủ, là một sự kiện lịch sử. Những địa chủ này cần có người để khai khẩn ruộng đất và trồng cấy hoa màu sinh lợi. Ngày nay chúng tôi đã chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp sang một nền kinh tế sản xuất hàng hóa. Nhưng giữa tư nhân sở hữu chủ và người công nhân vẫn tồn tại một mối tương quan như trước. Không có gì thay đổi cả. Bởi vậy, người lao động muốn được tự do, phải nắm lấy quyền kiểm soát các phương tiện sản xuất.

Tất cả mọi người thuộc các giai cấp lao động phải nắm lấy các phương tiện sản xuất. Điều này lẽ dĩ nhiên bao gồm cả người da đen nữa. Nhưng như tôi đã nói lúc trước, muốn làm được việc đó, chúng tôi phải được tự do về phương diện tâm lý để có thể hoàn toàn đủ khả năng tự quyết một cách có ý nghĩa. Chủ nghĩa tư bản đã tước đoạt của hết thảy chúng tôi quyền tự quyết. Chỉ có trong một khung cảnh xã nghĩa con người mới thực hành được sự tự quyết cần thiết để tiến tới tự do. Đây là mục tiêu cuối cùng của Đảng Bảo Đen. Chúng tôi đang cố gắng biến đổi một xã hội tư bản áp bức thành một xã hội xã nghĩa trong đó mỗi người tham dự vào những quyết định ảnh hưởng tới đời sống của mình và như vậy làm cho mình được tự do.

Có những bước dẫn tới xã hội đó. Đảng Bảo Đen nhận thức rằng người da đen hiện ở một vị trí độc nhất tại Mỹ. Vì di sản của chúng tôi, chúng tôi là một thiểu số dân tộc từ trước đến nay vẫn bị tước đoạt mọi tự do định đoạt vận mệnh của mình. Bây giờ chúng tôi đòi hỏi được tự do xây dựng những cơ cấu của các cộng đồng chúng tôi để có thể quyết định những định chế của cộng đồng kế tiếp lưu truyền nền văn hóa của chúng tôi lâu dài.

Đảng Bảo Đen tin rằng muốn cho các thiểu số chủng tộc được

tự do, chúng tôi cần phải có những nhà hành chánh mau mắn đáp ứng được những nhu cầu và khát vọng của dân chúng. Họ sẽ chỉ nhậm chức với mục đích duy nhất là để đáp ứng những nhu cầu đó, và dân chúng sẽ ở vị trí quyết định tới hậu những gì sẽ phải làm.

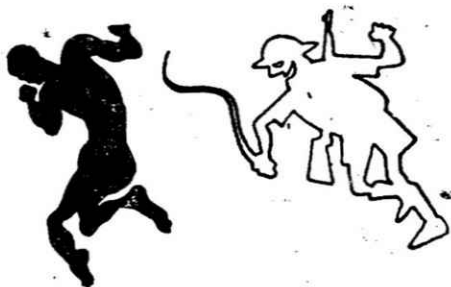
Trong một xã hội tư bản, người tư bản không quan tâm tới một thiểu số dân tộc là vì thiểu số đó không có cái giá trị sinh lợi đối với người đó. Người da đen chỉ có thể bắt đầu có kinh nghiệm tự quyết khi cái động cơ mưu lợi nằm sau sự sản-xuất biến đi. Đó là lý do tại sao tự quyết chỉ có thể thành công được trong một khung cảnh xã nghĩa. Chúng tôi ý thức rằng không phải chỉ có những người da đen bị lưu giữ trong tình trạng nô lệ mà thôi, tất cả mọi người trong xứ này thiết yếu nằm trong tình trạng đó. Muốn cho chúng tôi được tự do thì mọi công dân phải được tự do.

Trong cộng đồng da đen có những bất đồng ý kiến ngăn chặn con đường đi tới tự quyết và tự do. Một trong những mối

bất đồng ấy xảy ra giữa những người chủ trương dân tộc văn hóa và những người chủ trương dân tộc cách mạng.

Người chủ trương dân tộc văn hóa tìm chỗ yên ổn bằng cách rút về với lễ lối xử sự và nền văn hóa châu Phi ngày xưa, và không chịu xét tới những thế lực đương tác động cả trên nhóm của họ lẫn thế giới nói chung. Người chủ trương dân tộc cách mạng nhận thấy rằng không có hy vọng gì cho việc biểu lộ cá nhân hay văn hóa, hoặc ngay cả đến cái hy vọng là dân tộc mình có thể tồn tại như một thực thể duy nhất trong một toàn thể phức tạp bao lâu người tư bản vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Những người của Đảng Báo Đen là những người chủ trương dân tộc cách mạng. Chúng tôi không tin rằng cần phải trở lại với nền văn hóa của châu Phi thế kỷ 11. Trên thực tế, chúng tôi phải đương đầu với hiện tại sinh động để rèn nắn một tương lai ngày một tiến bộ. Chúng tôi cảm thấy không cần phải lùi về quá khứ mặc



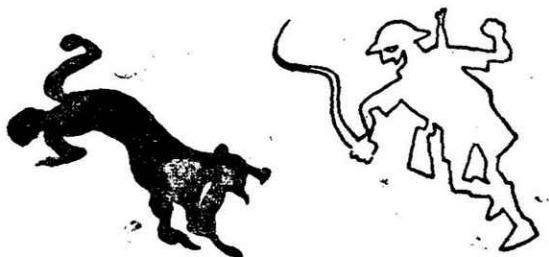
Phi châu của chúng tôi. Những điều gì hữu ích trong dĩ sản Phi châu ấy, chúng tôi sẽ sử dụng để đương đầu với những thế lực đương tác động tới chúng tôi ngày nay. Những điều gì lỗi thời, xưa cũ, chúng tôi sẽ vẫn coi trọng như một sự kiện đã có trong dĩ sản của chúng tôi, nhưng chúng tôi sẽ không coi đó như một nền tảng cho cách thức xử sự phải theo đuổi trong thời hiện tại.

Người chủ trương dân tộc cách mạng kính trọng mọi người nhất là những người bị áp bức, ở khắp mọi nơi và người đó ý thức công cuộc đấu tranh giành tự do chung của mọi người. Và đây là điều quan tâm chính yếu của Đảng Bảo Đen.

Lại có một mối bất đồng khác nữa giữa những người da đen chúng tôi, một mối bất đồng mà chính quyền mới của Richard Nixon đương ra sức xé lớn ra. Đó là một mối bất đồng thật độc ác và một trò phỉnh gạt nhiều người da đen thành thật nhưng đã bị hướng dẫn sai lầm, những người vẫn còn tin rằng họ có thể tìm được tự do và yên ổn

trong hệ thống tư bản. Ngày nay người ta nói tới việc nên có một thứ tư bản đen để sánh với tư bản trắng. (Phải chăng đây lại là một sự trở về với những định chế bình đẳng nhưng ly cách?) Một thành phần trong giới trưởng giả da đen dường như muốn lao vào việc phát triển, hoặc đương cố gắng phát triển, một hình thức tư bản bên trong cộng đồng da đen, hay trong đám kiều dân da đen như chúng tôi thường gọi. Đối với quảng đại quần chúng thì việc đó chẳng qua cũng chỉ là một việc đổi chủ này qua chủ khác. Nếu công cuộc phát triển hình thức tư bản này xảy ra thì có lẽ sẽ có một nhóm nhỏ người da đen kiểm soát số mệnh của chúng tôi.

Một ý niệm như vậy gọi lại thời kỳ đầu trong lịch sử của chúng tôi khi chúng tôi có những chủ nô người da đen. Một số rất nhỏ những người da đen có nô lệ; họ là giới trưởng giả đầu tiên của chúng tôi. Những gì chúng tôi có ngày nay chỉ là đàn hậu duệ tinh thần của những kẻ kia. Và cũng y như những người da đen chủ nô ngày trước đã không làm nhẹ bớt nỗi khổ cực của những người nô lệ của họ thế nào, thì ngày nay những



người tư bản da đen (rất ít ỏi) kia cũng không làm gì để trừ bớt nỗi thống khổ của những người anh em da đen bị áp bức của họ.

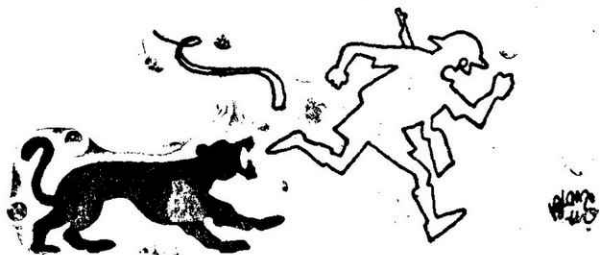
Nhưng theo một nghĩa rộng hơn, chủ nghĩa tư bản đen là một trò đùa bịp bợm. Tư bản đen được đưa ra như một bước lớn tiến tới công cuộc giải phóng người da đen. Thật ra không phải vậy. Đó là một bước dài lùi xa công cuộc giải phóng đó. Không có một người tư bản da đen nào có thể hoạt động được nếu không làm lợi cho người da trắng. Tệ hơn nữa, trong lúc người tư bản da đen muốn nghĩ rằng mình hoạt động theo ý mình thì thực ra người tư bản ấy không được như vậy. Người tư bản da đen ấy vẫn mãi mãi tùy thuộc ở ý thích của người tư bản da trắng. Những lẽ lối hoạt động của tư bản đen, và những giới hạn của tư bản đen đã do cơ cấu quyền bính da trắng đặt ra.

Sự thật, không thể có tư bản da đen thực sự được bởi lẽ không có một người da đen nào kiểm soát các phương tiện sản xuất. Tất cả những gì người da đen có thể làm chỉ là nuôi ảo tưởng. Họ có thể mơ mộng tới cái ngày mà

họ có thể chia sẻ quyền làm chủ các phương tiện sản xuất. Nhưng không có sự tự do kinh doanh ở Mỹ. Chúng tôi hiện có chủ nghĩa tư bản độc quyền, tức là một xã hội khép kín của các kỹ nghệ gia người da trắng và những kẻ che chở bảo hộ họ, các chính trị gia người da trắng ở Hoa thịnh đốn.

Nói cho đúng không thể có tư bản đen, nhưng có một giới trưởng giả đen chính yếu gồm những người làm những nghề chuyên môn và điều hành những hương nghiệp nhỏ. Tất cả, bất kể giàu có hay thành đạt tới đâu đều tùy thuộc vào các kỹ nghệ gia và chịu sự kiểm soát của những người này.

Tuy vậy, trong cộng đồng da đen vẫn có một cái gì như một mối liên hệ chặt chẽ giữa toàn thể mọi người da đen, bất phân giai cấp và địa vị, vì sự kỳ thị chủng tộc trong xứ này. Thanh toán được nạn kỳ thị chủng tộc để gia tăng số khách hàng khả hữu nhất định là có lợi cho giới trưởng giả đen, thế nhưng nạn kỳ thị chủng tộc chỉ có thể thanh toán được khi nào chủ nghĩa tư bản bị thanh toán. Trên phương diện lịch sử,



Chương trình 10 điểm của Đảng Báo Đen

1) Chúng tôi muốn tự do. Chúng tôi muốn quyền hành để định đoạt số mệnh của Cộng đồng Đen chúng tôi.

2) Chúng tôi muốn công ăn việc làm đầy đủ cho người da đen chúng tôi.

3) Chúng tôi muốn chấm dứt cảnh người TƯ BẢN cướp bóc Cộng đồng Đen chúng tôi.

4) Chúng tôi muốn nhà cửa khang trang, xứng với chỗ ở của con người.

5) Chúng tôi muốn một nền giáo dục cho người da đen chúng tôi, một nền giáo dục trình bày bản chất thật sự của xã hội Hoa-kỳ thoái hóa này. Chúng tôi muốn một nền giáo dục dạy cho chúng tôi lịch sử đích thực của chúng tôi và vai trò của chúng tôi trong xã hội ngày nay.

6) Chúng tôi muốn mọi người da đen đều được «miễn dịch».

7) Chúng tôi muốn chấm dứt tức khắc việc CẢNH SÁT ĐÀN ÁP DÃ MAN và ÁM SÁT người da đen.

8) Chúng tôi muốn tự do cho hết mọi người da đen hiện bị giam cầm trong các tù, ngục liên bang, tiểu bang, quận, tỉnh.

9) Chúng tôi muốn tất cả những người da đen khi bị đưa ra tòa phải được xét xử bởi một phụ thẩm đoàn gồm nhóm người đồng đẳng với họ hoặc những người từ những cộng đồng da đen của họ, như đã quy định bởi Hiến pháp Hợp chủng quốc.

10) Chúng tôi muốn ruộng đất, cơm bánh, nhà ở, giáo dục, quần áo, công lý và hòa bình. Và mục tiêu chính trị lớn nhất của chúng tôi là một cuộc trưng cầu dân ý, do Liên hiệp quốc giám sát, được tổ chức ở khắp cộng đồng kiều dân da đen trong đó chỉ có những người da đen được phép tham dự, với mục đích là để xác định ý muốn của người da đen cũng như vận mệnh dân tộc của họ.

sự kỳ thị chủng tộc trong khung cảnh của chủ nghĩa tư bản đang bành trướng, đã cung cấp số vốn thặng dư cho phép tư bản Mỹ có thể trở thành một thứ quái vật như hiện nay. Sự kỳ thị chủng tộc hiện vẫn còn được coi như một thành phần chính yếu và có lợi cho chủ nghĩa tư bản. Chỉ có cách thanh toán chủ nghĩa tư bản và thay thế nó bằng chủ nghĩa xã hội, người da đen, toàn thể mọi người da đen mới có thể tự quyết và do đấy đạt tới tự do. Tự do ở đây có nghĩa là chấm dứt sự khai thác bóc lột, một điều mà chúng tôi đã phải chịu đựng hàng bao thế kỷ nay. Và khi Đảng Báo Đen đòi hỏi tự do là muốn nói tự do *bây giờ*, tự do tức khắc!

Một xã hội tư bản chỉ có thể hiện hữu trên căn bản một nền kinh tế chiến tranh, với tất cả sự già cỗi bao quanh nó và những đòi hỏi gia tăng sản xuất được kích thích một cách giả tạo. Nạn nhân của cái nhu yếu tư bản này là những người da đen. Người da đen chúng tôi đã bị bắt lính nhiều nhất và bị chết nhiều nhất; đó là phần đóng góp của chúng tôi trong việc bảo vệ chủ nghĩa tư bản. Ở thời bình chúng tôi là nạn nhân của chủ nghĩa tư bản, và trong thời chiến chúng tôi cũng vẫn là nạn nhân của nó. Còn có thứ gì có thể nguy hại cho dân tộc cũng như mỗi cá nhân chúng tôi hơn là đem hơi sức ra gắng

doạt lấy thành công cho tư bản chủ nghĩa? Người da đen muốn gì khi chết để bảo vệ cho một hệ thống đã từ chối sự công bằng với chính họ? Người da đen muốn gì khi ủng hộ một hệ thống kinh tế cưỡng bức anh em da đen của họ phải đi tới những xứ xa lạ để giết người và bị người giết? Đây hoàn toàn là trường hợp của những người da đen sai phái những người da đen khác đi tới chỗ chết để cho người da trắng có thể hưởng lợi to lớn hơn.

Chương trình Cộng đồng Báo Đen là cố gắng thúc đẩy cộng đồng tiến tới hành động, hành động sáng tạo, để dành lại phẩm cách của mọi người. Chúng tôi tham gia những cuộc tranh đấu của bất cứ ai và của tất cả những người nào bị áp bức trên khắp thế giới cũng như ở xứ này, không phân biệt màu da, những người đang cố gắng dành lại tự do và nhân phẩm. Đây là những quyền của con người, chứ không phải của bất cứ một nhóm riêng biệt nào. Trên một vài phương diện, những người thuộc Đảng Báo Đen cũng tựa như người trị liệu bằng tâm lý ở chỗ chúng tôi đương ra sức đem lại sức khỏe cho dân chúng. Người dân đã bị các thế lực của chủ nghĩa tư bản áp bức, những thế lực kìm hãm họ trong một vị trí tụt lùi, làm cho bệnh hoạn. Việc trước tiên mà chúng tôi phải làm là khiến cho dân chúng nhận biết những thế lực này, những thế lực đã bao lâu nay có vẻ như ở ngoài tầm tay,

ngoài sự kiểm soát hoặc hiểu biết của họ. Giai cấp thống trị đã nhồi sọ chúng tôi quá lâu khiến chúng tôi đã « nội tâm hóa » một số những cách thức xử sự mà họ muốn chúng tôi có và chính chúng tôi đã nhầm lẫn nghĩ rằng những cách thức xử sự ấy thuộc thành phần bản ngã tự nhiên của chúng tôi. Thật ra không phải vậy. Nếu chúng tôi muốn thoát khỏi cảnh nô lệ trên phương diện xã hội và kinh tế, chúng tôi trước hết phải dành lại việc kiểm soát cái bản ngã thâm kín của mình đã trước khi có thể khởi sự thay đổi những hoàn cảnh bên ngoài của đời sống chúng tôi.

Chương trình giáo dục của Báo Đen trong cộng đồng cố gắng trình bày những sức mạnh đã cấu tạo nên quá khứ và khuôn nắn hiện tại của chúng tôi. Trên bình diện xã hội học, chúng tôi đồng ý với Marx là những thế lực bên ngoài kiểm soát cách thức xử sự của con người và con người sẽ bị áp bức cho tới khi nào có thể kiểm soát được chúng và hành động trong quyền lợi tối đẹp nhất của chính mình.

Chúng tôi không đơn độc trong cuộc tranh đấu dành tự do của chúng tôi. Các thanh niên da trắng đã bắt đầu mỗi ngày một ý thức rõ hơn là họ cũng không có tự do. Họ đã hết sức phẫn nộ vì những ý tưởng mà họ đã bị nhồi sọ bấy nay thực ra lại chỉ là những điều dối trá. Người ta đã bảo họ rằng họ tự do, vậy

mà khi họ toan tạo^W lập và biểu lộ một hình thức quyết định mới ở các khu đại học thì họ lại bị bắt giữ và có một số còn bị bắn hạ nữa.

Giai cấp tư bản thống trị không thể « dung túng » bất cứ sự thách thức nào từ nhân dân. Một khi nhân dân đã khám phá ra là họ không được tự do thật sự, họ sẽ tìm kiếm tự do mà họ thiếu, và như vậy đe dọa tới sự hiện hữu của giai cấp thống trị. Để trả đũa, giai cấp thống trị sẽ dùng bất cứ phương tiện nào để đàn áp nhân dân.

Ngày nay trong một số những cộng đồng da trắng, người ta cũng đang phải chịu cũng một cảnh đàn áp y như chúng tôi ở cộng đồng da đen phải chịu. Có mặt ở đó cũng vẫn là những lực lượng ấy : cảnh sát, vệ quốc và đôi khi cả quân đội chính qui nữa. Việc này sẽ còn tiếp tục tái diễn trong những năm sắp tới, và như thế tạo ra một nền tảng cho sự hợp nhất giữa nhân dân ở cả hai cộng đồng da trắng và da đen. Không những chúng tôi đang tiến tới hợp nhất trong xứ này, chúng tôi hết thấy còn là thành phần của tập thể quốc tế những người bị áp bức nữa.

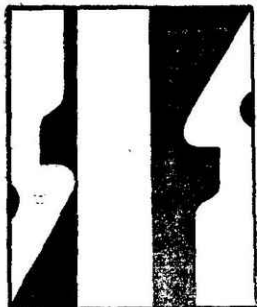
Nhân dân trên khắp thế giới thấy rằng kẻ thù của họ là chủ nghĩa Đế quốc... Ở Việt-nam, một trong nhiều thí dụ, nhân dân.. đã nhất định đòi tự định đoạt vận mệnh của mình. Theo đuổi mục tiêu này, họ thả hy sinh tính

mạng hơn là từ bỏ sự tìm kiếm tự do mà mọi người đáng được. Đảng Bảo Đen đứng bên nhân dân Việt-nam, và nhân dân ở khắp mọi nơi, những người đang cố gắng định đoạt số mệnh riêng của mình.

Đảng Bảo Đen đang bị quấy phá, bị ngược đãi, và bị sát hại ở khắp trong xứ là vì chúng tôi biết sự thật của xã hội chúng tôi và chúng tôi đang cố gắng loan truyền sự thật đó tới nhân dân. Một khi nhân dân đã hiểu ra thực tại mà chúng tôi đương nói tới, giai cấp thống trị sẽ không còn có thể cưỡng lại được sự nổi dậy của những người bị áp bức. Nhân dân thế giới không còn muốn làm nô lệ nữa. Giai cấp thống trị, lẽ cố nhiên, đương lồng lộn một cách tuyệt vọng để ở lại nắm quyền.

Bao lâu chúng tôi chưa đạt được sự tự do mà toàn thể chúng tôi mong muốn thì xứ sở này còn ở trong tình trạng hỗn loạn. Xứ sở này sẽ gặp phải những cuộc vùng dậy và sau cùng là cách mạng. Thế nhưng nhu cầu của nhân dân to lớn hơn nhu cầu của giai cấp thống trị. Và ý chí của nhân dân cũng mạnh mẽ hơn là của giai cấp thống trị. Con người, một khi đã thức tỉnh trước sự thật là tự do thoát cảnh áp bức và tự do dẫn thân vào công cuộc sáng tạo sản xuất nằm trong tầm tay mình, sẽ không bao giờ còn cam chịu làm nô lệ nữa.

HUEY P. NEWTON



● PHÁT TRIỂN VIỆC THÔNG TIN QUỐC NGOẠI:

Thái độ hung hăng của cái gọi là «đảng dùi cui» đã giúp chính quyền bao phen dẹp tan những cuộc biểu tình lớn nhỏ của sinh viên, học sinh hoặc bất cứ một đoàn thể xã hội nào khác. Tuy nhiên, sự thẳng tay của những người «bạn dân» này cũng khiến chính quyền nhiều lúc bối rối.

Ngày 11-7 vừa qua, những lực lượng cảnh sát chuyên dẹp biểu tình, kẻ cả công an chìm, đã nhậm lệ giải tán một cuộc biểu tình «quốc tế» đòi hòa bình, chống chiến tranh của sinh viên học sinh Việt-nam, có sự tham dự của các sinh viên ngoại quốc và sự góp mặt đặc biệt của Phái đoàn Liên tôn Hoa-kỳ. Cảnh sát đã dùng lựu đạn cay, phi tiễn và đánh đập đè đầy lúi khoảng 1.000 người tham dự cuộc biểu tình đang kéo đến Tòa đại-sứ Hoa-kỳ và Dinh Độc-lập. Đám người bị đàn áp này lên ra Hạ-viện, nhưng tại đây cũng được «dân chào» trọng thể. Những người ngoại quốc, kể cả các ký giả sẵn tin, đã được công an lưu tình cẩn thận không kém những người tuổi trẻ Việt-nam khốn khổ.

Những người đi đàn áp có thể tự hào cho sự thần tốc của họ, nhưng chính quyền có thể sẽ nghi khác khi ghi nhận cuộc họp báo tại khách sạn Caravelle của Sam Brown, lãnh tụ phản chiến nổi tiếng của Hoa-kỳ, người đã tổ chức phong trào Moratorium, cùng với Paul Moore, mục sư cầm đầu Phái đoàn Liên tôn Mỹ và là một lãnh tụ tôn giáo có ảnh hưởng của Mỹ.

Cuộc đàn áp biểu tình ngày 11-7 quả là vô giá với những người ngoại quốc chỉ còn khoảng 12 giờ nữa là lên máy bay về nước và đang cần tìm những bằng chứng cụ thể về điều gọi là «sự đàn áp đối lập và những người yêu cauộng hòa bình» của chính phủ Nam Việt-nam.

Những người ngoại quốc đó đã xuống đường cùng với các sinh viên Việt-nam trong mỗi tin tưởng họ sẽ gặp sự tiếp đón của những người cảnh sát mang mặt nạ ngựa hơi cay. Những người này quả thật đã xuất hiện rất sớm, và người ta không còn chờ đợi gì nữa để huy động bộ máy truyền thông đại chúng» làm việc.

Chính quyền nhờ vụ này có một dịp để tuyên truyền quốc ngoại mà không cần phải đặt một văn phòng nào ở nước ngoài, chỉ tiếc đây là một cuộc tuyên truyền không mong muốn chút nào.

● NHƯ NĂM CHÁU KẾT CHUNG BÀN TAY :

Gửi tặng anh Charles Palmer và Phái đoàn Sinh viên Thế giới để ghi nhớ ngày xuống đường trong kỳ Đại hội SVHS Thế giới kỳ I tại Saigon-Việtnam (11.7.70).

1) Khi bà mẹ Việt-nam vô danh nhìn thẳng vào mặt anh Charles Palmer bằng cái nhìn sáng ngời niềm tin lẫn thách đố, bằng sự triu mến pha loãng xót thương ái ngại nào để trao anh chiếc hòm tặng vật của những bà mẹ Việt-nam. Một diễn văn bình dân hùng hồn được đọc lên trong giọng bà mợm, nhưng tóc bà bạc phơ đang bay phôi phới. « Đây là máu xương gây ra bởi bom đạn nước các anh, chúng tôi gửi tặng lại tổng thống nước anh ». Tiếng vỗ tay vang dội : Đà đảo chiến tranh ! (...) Cánh tay bà phất cao như cờ trận, khuôn mặt bà rạng rỡ trong giòng nước mắt. Tiếng Hòa bình Việt-nam vang dội muôn năm. Đây là chiến trường với hằng ngàn pháo đài kiên cố. Ngày nào, là giảng đường, ở đó, các bạn sinh viên ơi, ngày qua ngày, các bạn có thấy được hạt lúa này mầm sau câu nói ?

2) (...)

3) Khi một người thiếu nữ Mỹ, rất quen thuộc với SV chúng ta, với bộ áo dài tím người Việt, nói rành tiếng Việt và tự chọn cho mình cái tên Việt-nam, chị Mỹ Dung, đúng rồi, chính chị Mỹ Dung buổi sáng nay đã nhovn miệng cười kiêu hãnh đưa cao tay ngoác những Sinh viên đang đứng lẫn trốn trên các tầng lầu của khu Đại-học hãy xuống đường cùng chúng ta.

4) Khi anh Brown đỡ người mẹ già leo qua khung rào sắt cao ngút và nhón hoắt chần khu trường thuốc. Anh sung sướng trong nước mắt nồng của khói cay lựu đạn, trong vết máu rỉ trên làn da của phi tiền. Hàng rào sắt như một vết ô nhục bởi bên trong, trên những tầng lầu cao đám sinh viên trường thuốc đang thản nhiên đứng xem biểu tình, xem những bà mẹ, những ông cha của họ đang bị thương. « Các anh các chị SV Dược « trầm lặng » ơi, các anh học thuốc để làm gì ? Các anh các chị có bao giờ thấy một nữ cứu thương ngoài mặt trận không ? Các anh có biết chế thuốc độc không ?

5) Khi một học sinh Việt-nam cống anh Palmer chạy vào bên trong khu Đại-học, người học sinh thì ốm và thấp, còn Palmer thì cao và to nhưng hai tâm hồn đồng cân, và ý chí là sức mạnh. Họ diu nhau trong mưa đạn (...).

Năm châu thu hẹp trong buổi sáng nay, một buổi sáng Sài Gòn như mùa Thu—và ngày Thu nào vẫn mây lãng đãng, vẫn lá rơi vàng mặt đất.(...)

Sài-gòn tháng 7-1970

TÔN THẤT LẬP



đ i ể m s á c h :

PHONG TRÀO DUY TÂN

của Nguyễn văn Xuân, Lá Bối xb, 1970, 375 trang, 280 đ.

« Từ trước đến nay chúng ta nghe nói tới Phong trào Duy tân, nhưng chưa có một quyển sách nào đề cập tương đối đầy đủ về lãnh đạo, tổ chức, phát triển Phong trào... Phong trào không chỉ nặng về kinh tế, giáo dục, văn hóa mà còn cả chính trị... » Đó là mấy lời trích trong bài tựa của tác-giả. Đó chắc cũng là lý do thúc đẩy Nguyễn văn Xuân cho ra đời cuốn sách *Phong trào Duy tân*. Sách gồm 4 phần :

Phần I gồm 76 trang. Ngoài những nhân vật tương đối quen thuộc như Phan chu Trinh và Phan bội Châu, ngay từ những trang đầu tác giả đã đưa độc giả tới một « khám phá » mới với sự trình bày khá đầy đủ về nhân vật Nguyễn lộ Trạch mà tác giả coi như « Lý thuyết gia » đầu tiên về Duy tân, với bài luận thuyết « thiên hạ đại thể luận », coi như bản tuyên ngôn đầu tiên của Phong trào.

Phần II gồm 92 trang, nói về nơi, nguồn cội và những phát triển ban đầu của Phong trào. Theo tác giả, Quảng-nam với những yếu tố thuận lợi đặc biệt về địa dư và lịch sử đã trở thành « cái nôi » của những tư tưởng, những con người Duy tân. Độc giả được đưa trở lại bối cảnh lịch sử của Hải cảng Hội-an (Faifo) từ thời kỳ cực thịnh của chủ nghĩa trọng thương, thời kỳ mà Hội-an là một trung tâm mậu dịch quốc tế quan trọng, nơi giao tiếp của những luồng thương mại và tư tưởng khác biệt. Quảng-nam sẽ tiếp đón nhiệt thành những tư tưởng mới và đứng lên phát khởi công cuộc Duy tân... Cuộc « Vạn lý trường chinh » của các lãnh tụ Duy tân trong cuộc du thuyết để phát động phong trào được trình bày với nhiều chi tiết thú vị.

Phần III gồm 119 trang, đây là phần quan trọng nói về các hoạt động của Phong trào trong mọi lãnh vực, từ Trung tới Bắc phần. Tiến trình và các thực hiện của Phong trào trong các ngành kinh tế, giáo dục, văn hóa đều được mô tả một cách đầy đủ linh hoạt. Trong phần này người ta sẽ được thấy những chi tiết mới lạ đặc biệt mà ngày nay ít ai biết tới, như phương pháp và chương trình giảng dạy trong các trường do Phong trào thành lập, những cố gắng của một cán bộ Duy tân (Lê Cơ) trong việc cải cách đời sống thôn xã tại làng Phú-lâm Quảng-nam, một mẫu mực Duy tân cho toàn quốc, một công trình mà cụ Huỳnh thúc Kháng viết : « người đã nếm mùi Âu-hóa, đi ngang qua tỉnh Quảng Nam cũng gắng đến làng Phú lâm đứng xem ». Như thế, một cán bộ của Phong trào đã thực hiện được những điều mà hơn 1/4 thế kỷ sau Tự lực Văn đoàn còn đặt ra trong lý thuyết và chính quyền ngày nay còn lúng túng... Tác giả cũng nêu rõ những nỗ lực để gây phong trào Tân Sinh hoạt chứng tỏ Phong trào đã đi trước Mustapha Kemal của Thổ-nhĩ-kỳ và vợ chồng Tưởng giới Thạch của Trung-hoa hàng chục năm !

Phần IV, gồm 84 trang, nói về những cuộc biểu tình kháng thuế « cúp tóc xin râu » năm 1908 tại các tỉnh miền Trung mà tác giả coi như thành tựu lớn nhất và kết quả tất yếu của sự phổ biến sâu rộng các tư tưởng Dân quyền trong dân chúng. Sự diễn tiến và cuộc đàn áp được trình bày tỉ mỉ với nhiều hình ảnh xúc động.

Qua gần 400 trang sách, người ta phải nhận đây là một công trình biên khảo công phu, đặc biệt là sự thận trọng và những cố gắng lớn lao của tác giả trong việc sưu tầm tài liệu, góp nhặt các sự kiện liên lạc tới Phong trào Duy Tân. Thư mục đã đưa ra những sách do chính những người đã sống đã hoạt động viết ra như Phan châu Trinh, Phan bội Châu, Huỳnh thúc Kháng, cả những tài liệu (di cảo) chưa in như « Tiểu sử Trần quý Cáp » của Trần huỳnh Sách. « Trung kỳ dân biểu thi mật ký » của Phan châu Trinh. Ông cũng tìm gặp và phỏng vấn những nhân chứng lịch sử còn sót lại « một số nhân vật trên dưới tậm mươi tuổi đã biết, đã hoạt động cho Phong trào ». Nhờ đó mà ông đã mô tả lại được một cách tỉ mỉ, sống động, linh hoạt những hoạt động của Phong trào trong các lãnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, tất cả được diễn lại linh động như một khúc phim. Trong lịch sử đấu tranh của dân tộc trong thời kỳ cận đại, người ta thường chú ý quá nhiều tới các cuộc tranh đấu võ trang mà lãng quên những cuộc vận động quần chúng, những cuộc tranh đấu trong các lãnh vực khác, dưới hình thức khác tuy tiềm ẩn nhưng có ảnh hưởng lâu dài. Công việc của Ô. Nguyễn văn Xuân là một sự bổ túc đáng kể cho sự khiếm khuyết này. Trong khi một số người hễ nói tới Sử-Địa Việt-nam thì kể nào là Taboulet, Maybon, Paul Mus, Renouvin, Gourou, Robequain... công việc tìm tòi, « khai quật » thu nhặt các tài liệu có giá trị nhưng bị tản mát, sự tìm gặp các nhân chứng lịch sử của một thế hệ sắp qua đi thật là một công việc đáng khích lệ.

Tuy nhiên sách cũng có một số khuyết điểm.

Ngay trong phần tựa tác giả đã nói là không muốn lập dị và chỉ « trình bày đúng theo diễn tiến tất yếu của lịch sử khách quan », nhưng dàn bài có chỗ làm cho những độc giả không biết ít nhiều về sử Việt-nam có thể bối rối (như việc xếp đoạn « khi Phan châu Trinh xuất ngoại và trở về » vào cuối Phần hai).

Thói quen lý luận của tác giả đưa tới nhiều đoạn lý luận dài dòng có thể làm « lạc hướng » độc giả, đôi khi tác giả còn dành khá nhiều chỗ đề lý luận, biện bác cho những điều mà ông cho là xưa nay thường bị ngộ nhận. Thí dụ đề chứng minh rằng Đông kinh Nghĩa thực không phải là một thực thể độc lập mà chỉ là một trong những cơ cấu khác nhau của Phong trào Duy tân (trang 281-285) thật ra đây là công việc « đẩy một cái cửa đã mở sẵn » vì trong học giới nhất là những người hiểu biết ít nhiều về sử nước nhà ít ai có những nhận định sai lầm đến thế. Có lẽ chính tác giả có thể bị ngộ nhận muốn làm « giảm uy thế » của Đông kinh Nghĩa thực.

Ngoài ra tác giả cũng còn một khuyết điểm nhỏ như việc sử dụng một số từ ngữ không thích hợp với một cuốn biên khảo đứng đắn như Bộ ba kiểm hiệp tân thời (trang 132), Anh hùng thảo dã (có lẽ đúng cho loại Anh hùng Lương sơn Bạc). Cho việc vua đi cày trong các lễ hạ điền là « làm trò hề » (trang 203) là quá khắt khe, thật ra đó chỉ là một nghi tiết bao gồm trong nhân-sinh-quan của xã hội cổ Việt-nam.

« *Phong trào Duy-tân* » là một cuốn biên khảo có giá trị, một tài liệu tham khảo dân nhập hữu ích.

ĐẶNG-ĐỨC-KIM



● **Nhà văn và cách mạng :**

« Từ năm 1948 đến nay, các nhà văn luôn luôn phản bội Cách Mạng. » Jean-Edern Hallier phản nân như vậy, và đề các anh em trong nhóm « Tel Quel » ở lại, một mình ông xuống đường. Tờ nguyệt san « *l'Idiot international* » mà ông hiện chủ trương lấy tên từ một khẩu hiệu của lãnh tụ sinh viên tranh đấu Đức Rudi Dutschke, phát khởi một cuộc đấu tranh tiên phuông cho thông tin và đón nhận mọi quan niệm cách mạng.

Jean-Edern Hallier từng chủ trương một tủ sách ở nhà xuất bản Seuil, điều khiển việc in loại sách bỏ túi 10/18 (và là một trong những sáng lập viên tạp chí văn chương « *Tel Quel* » cùng với Philippe Sollers, Marcelin Pleynet, v.v...) đã từ bỏ sự nghiệp văn chương khi tìm thấy thiên chức đấu tranh của ông trong các ủy ban hành động hồi tháng Năm 1968, bên cạnh Alain Geismar, giáo sư toán ở Đại học la Halle-aux-Vins, lãnh tụ phe thiên tả vô sản.

Tuy nhiên, J.-E. Halliner, vốn con cháu nhà tướng, không phải là nhà văn độc nhất đã « đứng dậy » trong cuộc Cách Mạng tháng Năm 68. Ngày 21 tháng 5 năm 68, Michel Butor, Nathalie Sarraute và trên mười nhà văn khác cũng đã tiến chiếm tòa nhà của Hội các Nhà Văn và tuyên bố lập một Hội các nhà văn khác gắn liền với công cuộc

cách mạng, quy tụ gần mười nhà văn, trong số có Marguerite Duras, Simone de Beauvoir, Jean - Paul Sartre.

● **Sartre, chính quyền và nhân dân:**

Tờ « *La Cause du peuple* », bằng cái tên của nó, là một tờ báo đấu tranh, và dĩ nhiên đấu tranh cho nhân dân. Jean - Pierre le Dautec, chủ bút, bị cáo là theo lý thuyết cách mạng Mao Trạch Đông, bị đưa ra tòa lãnh tám tháng tù. Người lên thay là Michel Le Bris tiếp tục tranh đấu cũng bị cáo là theo chủ nghĩa Mao Trạch Đông, cũng bị đưa ra tòa lãnh tám tháng tù. Jean-Paul Sartre không tin vào tự do ngôn luận mấy nhưng vẫn lên điều khiển tờ báo và nhận xét: « Ngày nay, những cuộc tranh đấu chống áp bức đã bẻ gãy mọi phạm vi luật pháp... Quyền hành ở đầu mũi súng... » Khởi sự là bán nguyệt san, cơ quan ngôn luận của phe tả vô sản, tờ tạp chí đã phải thay đổi tòa soạn và nhà in nhiều lần, theo hoàn cảnh, và đã biến thành tạp chí hàng tuần.

Thế nhưng, chính quyền không phải là nhân dân, và còn là một cái gì khác xa nhân dân nữa. Nên mấy số báo do Sartre chủ biên được xem là « xúi giục nổi loạn » và bị tịch thu cả.

● **Nhà văn và các người anh em Phi châu :**

Đầu năm 1970, hưởng ứng lời kêu

gọi của một số người phản kháng và tố cáo lối khai thác phi nghĩa nhân công ngoại quốc tại Pháp nhân cái chết đau đớn của năm người Phi châu ở Aubervilliers, khoảng năm mươi nhà văn tên tuổi đã tham dự những cuộc biểu tình rải rác khắp thành phố Ba-lê (lối biểu tình đại quy mô, như cuộc biểu tình chống chiến tranh V.N hồi tháng mười một năm ngoái, đã không còn thành công nữa), cùng với những người khuynh tả. Ở trụ sở Hội đồng Quốc gia các Chủ nhân Pháp phủ đầy những truyền đơn chống đối, Marguerite Duras, Maurice Clavel, Jean Genêt, Pierre Vidal-Naquet đã cùng đứng chung dưới một tấm biểu ngữ đỏ chói, trước những bức tường viết đầy những khẩu hiệu phản kháng. M. Clavel giải thích: « Chúng tôi chọn chỗ này vì Hội đồng các Chủ nhân chính là chủ nhân ông của Quốc gia, vốn vẫn đối xử với con người thấp hơn cả với loài thú. » Mặt khác, Jean-Paul Sartre đã hỗ trợ cho một nhóm thiên tả vô sản biểu tình với những biểu ngữ cầm tay, những lá cờ, những bài hát và khẩu hiệu kết án lối bóc lột của bọn « chủ nhân-cảnh sát, sát nhân ». Sartre tuyên bố: « Lối dùng nhân công Phi châu tại đây là một hình thức thực dân bản xứ. » Cùng lúc đó, bảy trăm người Mali và khoảng hai chục người biểu tình đã chiếm khu chung cư bản thủ ở Ivry: trong số những người biểu tình bị giữ dưới hầm trong một ty cảnh sát trong 24 giờ và bị công tay đem ra đối chất, người ta thấy có nhà nhân chủng học Michel Leiris, các nhà văn Jean-Pierre Faye, Jérôme Peignot...

Sự tham dự đông đảo giống như sự tham dự của Allen Ginsberg, Terry Southern, William Burroughs, Jean Genêt ở Chicago năm 1968.

● Vụ án Chicago :

Đứng trước phong trào nổi dậy của người da đen và những vụ đốt phá các thành phố nuôi dưỡng bất bình đẳng, một số nhân vật cực hữu trong Quốc hội Hoa-kỳ năm

1968 đã phát minh ra một đạo luật nhằm phạt tối đa đến 10 năm tù những ai vượt từ tiểu bang này sang tiểu bang khác để « gây rối » và « xáo động biểu tình ». Không ai ngờ cái đạo luật nhắm vào người da đen đó lại được áp dụng buộc tội bảy người da trắng.

Bảy người nổi trên vừa ra tòa cách đây mấy tháng. Họ ra tòa về tội đã phá rối Đại hội đảng Dân chủ ở Chicago hồi tháng 8-1968, cùng với Bobby Seale, lãnh tụ nhóm Báo Đen, mặc dù trong vụ này người da đen không hề nhúc nhích. Các bị cáo khi ra về không mang bản án do tội trạng nêu trên, bởi vì tất cả đều có một tội khác nặng hơn: nhục mạ quan tòa và tòa án. Bobby Seale lãnh 4 năm, hai vị luật sư biện hộ thiếu nghiêm chỉnh với quan tòa, một ông bốn năm và ông kia 20 tháng. Bảy người còn lại tất cả đều là lãnh tụ trong Ủy ban Vận động Chấm dứt Chiến tranh VN và phong trào Thanh niên Thế giới (YIPPY) và đều lãnh những bản án tối đa đối với tội nhục mạ quan tòa. Ngay hôm khai mạc phiên tòa, Bobby Seale đã gọi ông tòa Julius Hoffman là « con heo phát xít » và đã bị bịt miệng trói chặt người trên ghế trong bốn ngày liền ở tòa án giữa các lính canh. Ra làm nhân chứng trước tòa, thi sĩ Allen Ginsberg đã đọc thơ và hát những câu thần chú bằng tiếng Tây-tạng và tiếng Phạn để « đem yên tĩnh về với tâm hồn ». Trong số các thanh niên bị cáo, người ta thấy có Tom Hayden, sáng lập viên Phong trào Sinh viên hướng về một xã hội Dân chủ (SDS), David Dellinger, một lão tướng chủ trương hòa bình, Jerry Rubin và Abbie Hoffman, hai lãnh tụ Yippy, là hai người đã hầu tòa trong bộ y phục của quan tòa. Một ngày khác họ sẽ ra tòa lần thứ hai, để lãnh bản án do tội trạng đã đưa họ ra tòa lần thứ nhất. Bây giờ thì họ phải đợi—trong tù.

N.T.H.

ĐÃ PHÁT HÀNH:

NUÔI THÙ

truyện của

Oe Kenzaburo

Bản Việt-văn : DIỄM CHÂU

— Cuốn tiểu thuyết kỳ lạ nhất của một văn tài đang mỗi lúc một trở nên rực rỡ trong nền văn chương hiện đại của xứ « Mặt trời lặn ».

— Câu chuyện về một viên phi công máy bay Mỹ bị rớt, bị bắt và người ta đã *nuôi kẻ thù* của mình như một thú gia súc.

— Cuốn sách trình bày cho chúng ta thấy thái độ minh bạch của tác giả trước những vấn đề như chiến tranh, bộ đội chiếm đóng và quyền sống của con người.

112 trang — 100 đồng

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 8/1970 :

ĐIỀU BUỒN CHO CHARLIE

kịch của

James Baldwin

Bản Việt-văn : PHAN LỆ-THANH

— «... Tôi sợ rằng tôi sẽ không bao giờ có thể hoàn thành một bức chân dung thật chính xác của kẻ sát nhân (...) Một điều kinh hoàng và hầu như vô vọng trong tình trạng chủng tộc chúng ta hiện nay là những tội ác ta làm đều quá to lớn và không thể diễn tả được, đến nỗi rằng chấp nhận nhận thức này sẽ đưa đến sự điên cuồng, theo đúng nghĩa của chữ điên cuồng. Bởi vậy, con người vì muốn tự bảo vệ nên phải che mắt mình và đồng thời lặp lại những hành động tội lỗi một cách vô tự chủ, để rồi đi vào trong một vùng tăm tối tinh thần không ai tả nổi... »

— Vở kịch đã tạo nên những phản ứng dữ dội trên quê hương tác giả, nơi 20 triệu người da đen đang lê lết giữa một khối khổng lồ gồm hơn 150 triệu dân da trắng mà từ nhiều năm qua họ đã chịu hy sinh một cách ngoan ngoãn như con chiến tể lệ, mặc cho người da trắng tàn sát, mua bán... nh ,ng lúc này họ đã đứng dậy, và đã đứng dậy với một tâm hồn đầy phản nộ.

TÌM ĐỌC:

Peter Abrahams

MỘT
VÒNG HÓA
CHƠ
NGƯỜI
CÁCH MẠNG

tiểu thuyết



TRÌNH BÃY

